

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010;

Căn cứ Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hoá TTHC thực hiện trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chánh Văn phòng UBND Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

1. Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng đúng quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

2. Trường hợp thủ tục hành chính do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại Quyết định này hoặc có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và

thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thì được áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND thành phố thường xuyên cập nhật để trình Chủ tịch UBND thành phố công bố những thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này. Thời hạn cập nhật hoặc loại bỏ thủ tục hành chính này không quá 10 ngày kể từ ngày văn bản quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Đối với các thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND thành phố trình Chủ tịch UBND thành phố công bố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát hiện có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này hoặc thủ tục hành chính chưa được công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch UBND Thành phố công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính;
- Bộ NN và PTNT;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C/PVP UBND TP;
- NC, NN - NT, TH, HCTC;
- Lưu VI, Th.NC (2b).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Thảo



TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
BIỂU CHỨC TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Quyết định số: 1065/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2011
tại Thủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Trang	
	I		
	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
1	1	Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y	4
2	2	Cấp giấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y	6
3	3	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật lưu thông trong nước	8
4	4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật lưu thông trong nước	13
5	5	Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống	18
6	6	Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật	22
7	7	Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật.	26
8	8	Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật.	30
9	9	Cấp giấy chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	34
10	10	Thông qua nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương	38
11	11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa	40
12	12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa	43
13	13	Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa	46
14	14	Cấp Thẻ xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa	48
15	15	Công nhận nguồn giống (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	50
16	16	Công nhận lại nguồn giống (đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm)	53
17	17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả an toàn	56
18	18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả an toàn	61
19	19	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả, an toàn	65
20	20	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả, an toàn	69
21	21	Chỉ định Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả, chè an toàn (đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh)	73
22	22	Thay đổi, bổ sung, gia hạn quyết định Chỉ định Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả, chè an toàn (đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh)	75
23	23	Tiếp nhận Công bố hợp quy chất lượng Phân bón của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón	77
24	24	Ghi kế hoạch vốn - Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư	79
25	25	Ghi kế hoạch vốn - Đối với dự án thực hiện đầu tư	80

26	26	Ghi kế hoạch vốn - Đối với các dự án quy hoạch	81
27	27	Trình phê duyệt Kế hoạch đầu thầu (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Sở Nông nghiệp và PTNT).	82
28	28	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm A	89
29	29	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm B	94
30	30	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm C	99
31	31	Thoả thuận quy hoạch chuyên ngành	104
32	32	Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở NN và PTNT).	106
33	33	Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm A)	110
34	34	Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm B)	114
35	35	Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm C)	118
36	36	Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm A)	122
37	37	Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm B)	124
38	38	Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm C)	126
39	39	Thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.	128
40	40	Thẩm định, trình phê duyệt Hồ sơ mời thầu.	133
41	41	Thẩm định, trình phê duyệt Kết quả đầu thầu.	135
42	42	Thẩm định, trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán XDCT.	137
43	43	Thủ tục tiếp công dân	139
44	44	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2	143
45	45	Thủ tục đơn thư	147
46	46	Thủ tục giải quyết tố cáo	150
		II LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
47	1	Công nhận cây trội (cây mẹ)	153
48	2	Công nhận lâm phần tuyển chọn	157
49	3	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con	160
50	4	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống	162
51	5	Công nhận rừng giống chuyên hoá	166
52	6	Công nhận rừng giống cây trồng lâm nghiệp	169
53	7	Công nhận vườn cây đầu dòng	172
54	8	Hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống (5 loại: Cây trội, Lâm phần tuyển chọn, Rừng giống chuyên hoá, Rừng giống trồng, Vườn cây đầu dòng)	175
55	9	Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất của tổ chức ngoài quốc doanh.	176
56	10	Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản/sinh trưởng ĐVHD	177
57	11	Cấp giấy phép vận chuyên đặc biệt	178
58	12	Cho thuê rừng đối với tổ chức	179
59	13	Giao rừng đối với tổ chức	183
		III LĨNH VỰC THỦY SẢN	
60	1	Kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện	195

		dảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	
61	2	Đinh chỉ hiệu lực công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	205
62	3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo VSAT thực phẩm trong chế biến thủy sản (thuộc thẩm quyền của Sở NN và PTNT)	214
63	4	Xin hoàn kiểm tra định kỳ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	216
64	5	Kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ nội địa (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	218
65	6	Cấp chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản.	227
66	7	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	230
67	8	Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	233
68	9	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	236
69	10	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở sản xuất giống thủy sản	239
70	11	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở nuôi trồng thủy sản	241
71	12	Cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở dịch vụ thú y thủy sản	243
72	13	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật thủy sản vận chuyển trong nước	244
	IV	LĨNH VỰC THUY LỢI	
73	1	Thẩm định hồ sơ cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ NN & PTNT	248
74	2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	252
75	3	Thẩm định hồ sơ cấp phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	255
76	4	Cấp giấy cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều, trừ các trường hợp sau: a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ đề điều c) Xe cơ giới đi qua công trình đề điều kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi	258
77	5	Thẩm định hồ sơ cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	260
78	6	Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	263
79	7	Xin ý kiến thoả thuận lập dự án, hướng dẫn các thủ tục và yêu cầu kỹ thuật	266

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT HÀ NỘI

I. Lĩnh vực nông nghiệp

1. Thủ tục: Cấp giấy chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y

- | | |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ gửi tại Trạm thú y quận/huyện, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn
+ Cơ quan HCNN: Trạm thú y thẩm định điều kiện, trình Chi cục Thú y cấp, trả kết quả khi đến hẹn. |
| - Cách thức thực hiện | + Trực tiếp tại trạm thú y quận/huyện |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
+ Đơn đề nghị cấp CCHN (tự viết)
+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương
+ Phiếu khám sức kho xác nhận đủ sức khỏe để làm việc của cơ quan y tế từ cấp huyện trở nên
+ Bản sao có công chứng bằng cấp chuyên môn phù hợp
+ Biên bản thẩm định điều kiện VSTY theo quy định
+ Bản kê khai địa điểm kinh doanh
+ 02 ảnh cỡ 4 x 6
b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | + Theo quy định: 10 ngày
+ Thực tế: 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | + Tổ chức;
+ Cá nhân. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Thanh tra Chi cục Thú y Hà Nội
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | + Chứng chỉ hành nghề |
| - Lệ phí | Phí thẩm định và Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thu theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | Không |
| - Căn cứ pháp lý của | - Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004; |

- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;
- Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 6/5/2006 của Bộ NN hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y;
- Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

2. Thủ tục: Cấp giấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ gửi tại Trạm thú y quận/huyện, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn
 - + Cơ quan HCNN: Trạm thú y thẩm định điều kiện, trình Chi cục Thú y cấp, trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - + Trực tiếp tại Trạm thú y Quận/Huyện
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đề nghị cấp CCHN (tự viết)
 - + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương
 - + Phiếu khám sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc của cơ quan y tế từ cấp huyện trở nên
 - + Bản sao có công chứng bằng cấp chuyên môn phù hợp
 - + Biên bản thẩm định điều kiện VSTY theo quy định
 - + Bản kê khai địa điểm kinh doanh
 - + 02 ảnh cỡ 4 x 6
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Theo quy định: 10 ngày
 - + Thực tế: 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - ÷ Tổ chức.
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y Hà Nội
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Chứng chỉ hành nghề
- Lệ phí
 - Phí thẩm định thu và Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thu theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Không
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;
 - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;
 - Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 6/5/2006 của Bộ NN hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và cấp lại

chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y;

+ Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

3. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật lưu thông trong nước

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch tại các Đội kiểm dịch, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn
 - + Cơ quan HCNN: Tiếp nhận, viết giấy hẹn, thụ lý hồ sơ, trả kết quả khi tới hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - + Trực tiếp tại các đội kiểm dịch
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Tờ khai đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do chủ hàng khai (hoặc người đại diện) theo mẫu 1.
 - + Bản sao giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh do Cục thú y cấp (nếu có)
 - + Giấy chứng nhận tiêm phòng vaccin các bệnh bắt buộc còn thời gian miễn dịch hoặc kết quả xét nghiệm động vật
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Theo qui định: 05 ngày
 - Thực tế: Trong ngày
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức;
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các đội kiểm dịch động vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - Thu theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Tờ khai đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do chủ hàng khai (hoặc người đại diện) (theo mẫu 1 theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTIC (nếu có)
 - + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - + Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM_Mẫu 1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN**

Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I. ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
<i>Tổng số</i>					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../... ngày .../.../.....

của (1) (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

- 1/ tiêm phòng ngày .../.../.....

 2/ tiêm phòng ngày .../.../.....

 3/ tiêm phòng ngày .../.../.....

 4/ tiêm phòng ngày .../.../.....

 5/ tiêm phòng ngày .../.../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số .../.../..... ngày .../.../..... của (3)
 (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

.....
 Địa điểm kiểm dịch:.....

Thời gian kiểm dịch:.....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN
 KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm

.....

..... vào hồi giờ ngày

.....

Vào sổ đăng ký số ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Đăng ký tại

.....

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật lưu thông trong nước

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch tại các Đội kiểm dịch, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn;
 - + Cơ quan IICNN: Đội kiểm dịch thẩm định hồ sơ, trình Chi cục Thú y cấp giấy chứng nhận và trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - + Trực tiếp tại các đội kiểm dịch
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - +Tờ khai đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật do chủ hàng khai (hoặc người đại diện) theo mẫu 1.
 - + Bản sao giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y do Chi cục thú y cấp (nếu có)
 - + Giấy chứng nhận kiểm soát giết mổ từ cơ sở giết mổ động vật hoặc hồ sơ kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu (đối với sản phẩm nhập khẩu).
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Theo qui định: 02 ngày
 - Thực tế: Trong ngày
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức;
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các đội kiểm dịch động vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - Thu theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - + Tờ khai đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do chủ hàng khai (hoặc người đại diện) (theo mẫu 1 theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Không
- Căn cứ pháp lý của
 - + Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài

TTHC

chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng
phí, lệ phí trong công tác thú y
+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ
Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động
vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM_Mẫu 1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN
Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I. ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
<i>Tổng số</i>					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khoẻ động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../... ngày .../.../.....

của (1) (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày .../.../.....

2/ tiêm phòng ngày .../.../.....

3/ tiêm phòng ngày .../.../.....

4/ tiêm phòng ngày .../.../.....

5/ tiêm phòng ngày .../.../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../... của

..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:.....

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Nơi đến (cuối cùng):.....

Phương tiện vận chuyển:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

.....
 Các giấy tờ liên quan kèm theo:

.....
 Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN

KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm

.....

.....

..... vào hồi giờ ngày

.....

Vào sổ đăng ký số ngày

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;

- Cán nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.

- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,

- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

5. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức cá nhân: Nộp hồ sơ đăng ký tại trạm thú y quận/huyện (hoặc phòng kiểm dịch), nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn trả lời kết quả.
 - + Cơ quan HCNN: Phòng kiểm dịch phối hợp với trạm thú y thẩm định hồ sơ điều kiện vệ sinh thú y, trình Chi cục Thú y Hà Nội cấp giấy chứng nhận, trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trạm thú y hoặc phòng kiểm dịch quận/huyện
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (mẫu 5)
 - + Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép xây dựng cơ sở chăn nuôi (bản sao)
 - + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp cho người tham gia chăn nuôi
 - + Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y của cơ sở (Bản sao)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
 - + 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các trạm thú y, hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức;
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng kiểm dịch động vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở mới thành lập: 1.100.000 đồng.
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở đang hoạt động: 1.040.000 đồng
 - + Lệ phí cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y: 100.000 đồng
(theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y)
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y theo mẫu 5

khái	(theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; + Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM_Mẫu 5
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Số:...../DK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại động vật: Số lượng:

5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ:
con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

.....

An toàn với bệnh:

.....

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Địa điểm cơ sở:

.....

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày .../.../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:.....

.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày .../.../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH Đăng ký tại

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y

cơ sở Ngày ... tháng ... năm

.....(2)..... **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG**

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày .../.../.....

Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....

KÝ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y.

6. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức cá nhân: Nộp hồ sơ tại trạm thú y quận/huyện (hoặc phòng kiểm dịch), lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn
 - + Phòng kiểm dịch phối hợp với trạm thú y thẩm định điều kiện vệ sinh thú y, trình Chi cục Thú y cấp giấy chứng nhận, trả lời kết quả
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trạm thú y/phòng kiểm dịch quận/huyện
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (mẫu 5)
 - + Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép xây dựng cơ sở chăn nuôi (bản sao)
 - + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp cho người tham gia giết mổ, bảo quản, chế biến
 - + Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y của cơ sở (Bản sao)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
 - + 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các trạm thú y, hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức:
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng kiểm dịch động vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở mới thành lập: 1.100.000 đồng.
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở đang hoạt động: 1.040.000 đồng
 - + Lệ phí cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y: 100.000 đồng (theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y)
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y theo mẫu 5 (theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động

vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y).

- | | |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | + Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;
+ QĐ 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật. kiểm tra vệ sinh thú y. |



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM_Mẫu 5

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Số:...../DK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại động vật: Số lượng:

5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ:
con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y: 11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

.....

An toàn với bệnh:

.....

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Địa điểm cơ sở:

.....

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày .../.../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên
 quan:.....

.....

...Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày .../.../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH Đăng ký tại

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y

cơ sở Ngày tháng năm

.....(2)..... **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày .../.../.....
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

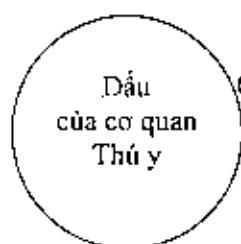
(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y.

7. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật.

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức cá nhân: Nộp hồ sơ tại trạm thú y quận/huyện (hoặc phòng kiểm dịch), lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn
 - + Cơ quan HCNN: Phòng kiểm dịch tiếp nhận hồ sơ, viết giấy hẹn, phối hợp với trạm thú y thẩm định điều kiện vệ sinh thú y, trình Chi cục Thú y cấp giấy chứng nhận, trả lời kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trạm thú y/phòng kiểm dịch quận/huyện
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (mẫu 5)
 - + Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép xây dựng cơ sở chăn nuôi (Bản sao)
 - + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp cho người tham gia giết mổ, bảo quản, chế biến
 - + Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y của cơ sở (Bản sao)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
 - + 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các trạm thú y, hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức:
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng kiểm dịch động vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở mới thành lập: 1.100.000 đồng.
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở đang hoạt động: 1.040.000 đồng
 - + Lệ phí cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y: 100.000 đồng (theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y)
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y theo mẫu 5 (theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của

khai	Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; + Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM_Mẫu 5

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Số:...../DK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại động vật: Số lượng:

5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ:
con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y: 11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

An toàn với bệnh:

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Địa điểm cơ sở:

.....

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày .../.../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên
quan:.....

....Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày .../.../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH Đăng ký tại

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y
cơ sở

.....(2)..... Ngày ... tháng ... năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG

KÝ

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày .../.../.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y.

8. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức cá nhân: Nộp hồ sơ tại trạm thú y quận/huyện (hoặc phòng kiểm dịch), lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.
 - + Cơ quan HCNN: Phòng kiểm dịch phối hợp với trạm thú y, trình Chi cục Thú y cấp giấy chứng nhận, trả lời kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trạm thú y/phòng kiểm dịch quận/huyện
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (mẫu 5)
 - + Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép xây dựng cơ sở chăn nuôi (Bản sao)
 - + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp cho người tham gia giết mổ, bảo quản, chế biến
 - + Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y của cơ sở (Bản sao)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
 - + 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các trạm thú y, hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức
 - + Cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng kiểm dịch động vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Trạm thú y
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở mới thành lập: 1.100.000 đồng.
 - + Phí kiểm tra để cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y cơ sở đang hoạt động: 1.040.000 đồng
 - + Lệ phí cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y: 100.000 đồng (theo Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010)
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (theo mẫu 5 Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y).

- | | |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | + Thông tư 136/2010/TT-BTC ngày 13/9/2010 của Bộ Tài chính ban hành về qui định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;
+ Quyết định 86/2005/QĐ-BNN ngày 26.12.2005 của Bộ Nông nghiệp ban hành qui định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. |



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM_Mẫu5

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY DĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại động vật: Số lượng:

5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ:
con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y: 11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

An toàn với bệnh:

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Địa điểm cơ sở:

.....

..Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày .../.../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:.....

...Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày .../.../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH Đăng ký tại
 Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y
 cơ sở Ngày tháng năm

.....(2)..... **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**
 Thời gian kiểm tra: giờ, ngày .../.../.....
 Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y.

9. Thủ tục : Cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (BVTV).

- Trình tự thực hiện
 - + Cá nhân, tổ chức: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn. lấy kết quả khi đến hẹn.
 - + Cơ quan hành chính nhà nước: Tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, thẩm định hồ sơ và trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trụ sở Chi cục BVTV Hà Nội - Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu;
 - + Bản sao chụp (mang theo bản chính khi nộp hồ sơ) hoặc bản sao chứng thực đối với văn bằng tốt nghiệp trung cấp nông, lâm nghiệp trở lên (chuyên ngành trồng trọt, BVTV, sinh học, sư phạm nông nghiệp) hoặc giấy chứng nhận đã tham dự lớp học chuyên môn về thuốc BVTV do Chi cục BVTV cấp;
 - + Giấy khám sức khỏe do trung tâm y tế quận huyện, thị xã thuộc tỉnh trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;
 - + 02 ảnh chân dung 4 cm x 6 cm.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Theo quy định: 15 ngày làm việc
 - + Theo thực tế:
 - Đối với hồ sơ gửi trực tiếp tại Chi cục BVTV: 03 ngày làm việc.
 - Đối với những địa bàn xa, phải gửi hồ sơ qua trạm BVTV huyện: 12 ngày làm việc.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - ÷ Tổ chức;
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật.
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật.
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Chứng chỉ
- Lệ phí
 - + 200.000 đ/chứng chỉ (theo Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ; kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV);
 - Công văn số 96/CV- BVTV ngày 10/02/2004 của Cục bảo

vệ thực vật;

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai + Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC + Pháp lệnh số 36/2001/ PL-UBTVQH10 về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua ngày 25/7/2001.
+ Nghị định số 58/2002/ND-CP của Chính phủ ban hành điều lệ bảo vệ thực vật, điều lệ kiểm dịch thực vật và điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật ngày 3/6/2002.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Dùng cho cửa hàng buôn bán thuốc BVTV)

Kính gửi: Chi cục bảo vệ thực vật Hà Nội

Họ và tên (viết chữ in):.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Tại.....

Hộ khẩu thường trú:.....

.....S

ố chứng minh thư nhân dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Đã tốt nghiệp (đại học, trung cấp nông lâm nghiệp, lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật):.....

Nơi cấp:.....Ngày cấp.....

Địa chỉ cửa hàng:.....

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật

Xác nhận của chính quyền địa phương
nơi đăng ký địa điểm bán thuốc
(Ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về địa điểm)
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
(Dùng cho Công ty, Chi nhánh kinh doanh thuốc BVTV)

Kính gửi: Chi cục bảo vệ thực vật Hà Nội

Họ và tên (Viết chữ in):.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....Tại.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Số chứng minh thư nhân dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Đã tốt nghiệp (đại học, trung cấp nông lâm nghiệp, lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật):.....

Nơi cấp:.....Ngày cấp.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật

Xác nhận của chính quyền địa phương
về địa điểm trụ sở
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

10. Thủ tục : Thông qua nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn.
 - + Cơ quan hành chính nhà nước: Chi cục BVTV tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, thẩm định hồ sơ và trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trụ sở Chi cục BVTV Hà Nội - Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ bao gồm
 - + Giấy đăng ký hồ sơ quảng cáo (theo mẫu)
 - + Bản sao hợp pháp giấy chứng nhận đăng ký quảng cáo thuốc BVTV, nguyên liệu thuốc BVTV, sinh vật có ích dùng trong BVTV, vật tư BVTV.
 - + Sản phẩm quảng cáo ghi trong bảng, đĩa hoặc maket quảng cáo.
 - b) Số lượng: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 10 ngày
 - + Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc (nếu không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung) sau khi nhận hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức
 - + Cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục BVTV
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo
- Lệ phí
 - + Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - + Giấy đăng ký hồ sơ quảng cáo (theo Thông tư liên tịch số 96/2004/TTLT/BVHTT-BNN&PTNT ngày 03/11/2004 hướng dẫn về quảng cáo một số hàng hoá trong lĩnh vực nông nghiệp & PTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - ÷ Thông tư liên tịch số 96/2004/TTLT/BVHTT-BNN&PTNT ngày 03/11/2004 hướng dẫn về quảng cáo một số hàng hoá trong lĩnh vực nông nghiệp & PTNT.

PHỤ LỤC 1
Mẫu giấy đăng ký hồ sơ quảng cáo

TÊN TÔ CHỨC, CÁ NHÂN
NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HỒ SƠ QUẢNG CÁO
Số:.....

Kính gửi:

1. Tên đơn vị đăng ký hồ sơ:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại, Fax, Email:.....
4. Số giấy phép hoạt động:.....
5. Tên, số điện thoại của người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:
.....
6. Danh mục sản phẩm đăng ký quảng cáo:

TT	Tên sản phẩm	Số đăng ký hoặc số giấy tiếp nhận bán công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của sản phẩm	Hình thức quảng cáo	Lần thứ
1				
2				

7. Tài liệu gửi kèm theo hồ sơ:
8. Cam kết của đơn vị đăng ký quảng cáo:

Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ Thông tư liên tịch số 96/2004/TTLT/VHTT-NN&PINT ngày 03 tháng 11 năm 2004 của liên bộ Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quảng cáo một số hàng hoá trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và cam kết sẽ tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo.

Tên tỉnh(thành phố), ngày tháng năm 200...
Thủ trưởng đơn vị (Ghi rõ chức danh)
(Ký tên và đóng dấu)
Họ và tên của người ký

11. Thủ tục : Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi, khử trùng vật thể bảo quản nội địa

- Trình tự thực hiện
- + Tổ chức: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn.
 - + Cơ quan hành chính nhà nước: Chi cục BVTV tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, thẩm định hồ sơ và trả kết quả khi đến hẹn.
- Chi cục BVTV thành lập hội đồng kiểm tra điều kiện hành nghề XHKT gồm lãnh đạo đơn vị, cán bộ phụ trách kỹ thuật, đại diện đơn vị kiểm tra (người có thẩm quyền). Ra thông báo kiểm tra 15 ngày trước khi thực hiện kiểm tra. Gồm:
- Kiểm tra trang thiết bị, vật tư với các chỉ tiêu: chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, tình trạng trang thiết bị vật tư, thời hạn sử dụng, thông số kỹ thuật.
 - Kho bảo quản hoá chất: kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật đối với địa điểm kho bảo quản hoá chất theo quy định (theo TCVN 5507-1991: hoá chất nguy hiểm - quy phạm an toàn trong sản xuất, sử dụng, bảo quản và vận chuyển)
 - An toàn vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ gồm giấy chứng nhận của các cơ quan có thẩm quyền, nội quy và các trang thiết bị đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ của đơn vị.
 - Lập biên bản kiểm tra điều kiện hành nghề: ghi rõ nhận xét, đánh giá và kết luận của Hội đồng kiểm tra đối với từng nội dung cụ thể.
 - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề XHKT căn cứ vào biên bản kiểm tra, kết luận của Hội đồng kiểm tra.
- Cách thức thực hiện
- Trực tiếp tại trụ sở Chi cục BVTV Hà Nội - Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội và tại cơ sở.
- Thành phần Hồ sơ
- a) Hồ sơ bao gồm:
- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận hành nghề XHKT bảo quản nội địa của tổ chức hành nghề XHKT;
 - Danh mục phương tiện, trang thiết bị hành nghề XHKT bảo quản nội địa;
 - Quy trình kỹ thuật XHKT bảo quản nội địa;
 - Các giấy tờ khác do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp như: giấy chứng nhận về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ;
 - Bản sao chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng bảo quản nội địa;
 - Danh sách người trực tiếp XHKT đã được cấp thẻ hành nghề XHKT bảo quản nội địa theo quy định;
 - Giấy tờ khác liên quan (nếu có).
- b) Số lượng: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết
- 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện TTHC + Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục BVTV
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC + Giấy chứng nhận
- Lệ phí 200.000 đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai Đơn đề nghị cấp (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (theo Phụ lục 4 - Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - + Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;
 - + Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV.

Phụ lục 4
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
 XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG**

Kính gửi:

Tên tổ chức hoạt động xông hơi khử trùng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị quý cơ quan cấp (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng cho cơ quan chúng tôi:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
 - Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
 - Vật thể bảo quản nội địa;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
 Các trường hợp khác

Quy mô (m³/năm):

Hồ sơ kèm theo:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề số (đối với trường hợp xin cấp lại)
 - Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng:chứng chỉ (bản sao)
- Danh sách người trực tiếp khử trùng được cấp thẻ
 Danh mục phương tiện, trang thiết bị hành nghề
 Quy trình kỹ thuật xông hơi khử trùng
 Các giấy tờ khác do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp: Chứng nhận tuân thủ yêu cầu vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ,.....

Các giấy tờ liên quan khác (nếu có) :

Vào sổ số :ngày ____/____/____

, ngày..... tháng.....năm.....

Cán bộ nhận đơn

Giám đốc

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

12. Thủ tục : Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi, khử trùng vật thể bảo quản nội địa

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn.
 - + Cơ quan hành chính nhà nước: Chi cục BVTV tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, thẩm định hồ sơ và trả kết quả khi đến hẹn.

Chi cục BVTV Thành lập hội đồng kiểm tra điều kiện hành nghề XHKT gồm lãnh đạo đơn vị, cán bộ phụ trách kỹ thuật, đại diện đơn vị kiểm tra (người có thẩm quyền), Ra thông báo kiểm tra 15 ngày trước khi thực hiện kiểm tra; gồm:

 - Kiểm tra trang thiết bị, vật tư với các chỉ tiêu: chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, tình trạng trang thiết bị vật tư, thời hạn sử dụng, thông số kỹ thuật.
 - Kho bảo quản hoá chất: kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật đối với địa điểm kho bảo quản hoá chất theo quy định (theo TCVN 5507-1991: hoá chất nguy hiểm - quy phạm an toàn trong sản xuất, sử dụng, bảo quản và vận chuyển)
 - An toàn vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ gồm giấy chứng nhận của các cơ quan có thẩm quyền, nội quy và các trang thiết bị đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ của đơn vị.
 - Lập biên bản kiểm tra điều kiện hành nghề: ghi rõ nhận xét, đánh giá và kết luận của Hội đồng kiểm tra đối với từng nội dung cụ thể.
 - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề XHKT căn cứ vào biên bản kiểm tra, kết luận của Hội đồng kiểm tra.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trụ sở Chi cục BVTV Hà Nội - Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội và tại cơ sở.
- Thành phần Hồ sơ
 - + Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hành nghề XHKT bảo quản nội địa của tổ chức hành nghề XHKT theo mẫu;
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề XHKT đã được cấp lần trước;
 - + Danh mục phương tiện, trang thiết bị hành nghề XHKT bảo quản nội địa. Ghi rõ tình trạng các thiết bị, kể cả bổ sung hoặc thay mới;
 - + Quy trình kỹ thuật XHKT bảo quản nội địa (nếu bổ sung hoặc thay đổi);
 - + Các giấy tờ khác do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp như: giấy chứng nhận về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ (nếu được cấp mới);
 - + Danh sách người đã được cấp giấy chứng chỉ hành nghề XHKT bảo quản nội địa, thẻ hành nghề XHKT bảo quản nội địa theo quy định;

- + Báo cáo tình hình hoạt động XKKT bảo quản nội địa của đơn vị.
- Thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC + Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục BVTV
d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC + Giấy chứng nhận
- Lệ phí 200.000 đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai Đơn đề nghị cấp (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Phụ lục 4) Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC + Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
+ Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV

Phụ lục 4
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

Kính gửi:

Tên tổ chức hoạt động xông hơi khử trùng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị quý cơ quan cấp (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng cho cơ quan chúng tôi:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
 - Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
 - Vật thể bảo quản nội địa;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
 Các trường hợp khác.....

Quy mô (m³/năm):.....

Hồ sơ kèm theo:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề số (đối với trường hợp xin cấp lại)
 - Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng:chứng chỉ (bản sao)
- Danh sách người trực tiếp khử trùng được cấp thẻ
 Danh mục phương tiện, trang thiết bị hành nghề
 Quy trình kỹ thuật xông hơi khử trùng
 Các giấy tờ khác do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp: Chứng nhận tuân thủ yêu cầu vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ,.....

Các giấy tờ liên quan khác (nếu có) :

Vào sổ số :ngày ____/____/____ , ngày..... tháng.....năm.....

Cán bộ nhận đơn
(Ký tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

13. Thủ tục : Cấp mới Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa.

- Trình tự thực hiện + Cá nhân: Nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn.
+ Cơ quan hành chính nhà nước: Chi cục BVTV tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, thẩm định hồ sơ và trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện Trực tiếp tại trụ sở Chi cục BVTV Hà Nội - Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ + Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu.
+ Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.
+ Bản sao chụp chứng minh thư nhân dân.
+ Giấy xác nhận thời gian hoạt động trong lĩnh vực xông hơi khử trùng (ít nhất là 3 năm) của cơ quan quản lý trực tiếp.
+ Bản sao chụp có mang theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành hóa chất hoặc bảo vệ thực vật.
÷ 02 ảnh cỡ 4 x 6 cm.
- Thời hạn giải quyết + Thời gian theo quy định: 03 ngày
+ Thời gian thực tế: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục BVTV
d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC + Chứng chỉ hành nghề
- Lệ phí 200.000 đ/giấy chứng nhận (theo Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Phụ lục 5) Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC + Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Phụ lục 5
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

Kính gửi:

Họ tên:Ngày sinh:.....Nam/Nữ

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Chức danh:

Trình độ chuyên môn:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
 - Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
 - Vật thể bảo quản nội địa;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
 Các trường hợp khác

Hồ sơ kèm theo :

Bằng đại học về chuyên môn hoá chất hoặc bảo vệ thực vật (*bản sao có công chứng*)

Giấy xác nhận thời gian hoạt động trong lĩnh vực xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp cấp lần đầu*)

Giấy chứng nhận sức khoẻ

Sơ yếu lý lịch

Ảnh chân dung 4cm x 6cm: 2 chiếc (*đối với trường hợp cấp lần đầu*)

Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp gia hạn*)

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xông hơi khử trùng trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

, ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Ký tên, đóng dấu)

Người xin cấp (gia hạn) chứng chỉ
(Ký tên)

14. Thủ tục : Cấp mới thẻ xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa.

- Trình tự thực hiện + Cá nhân: nộp hồ sơ theo mẫu, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn.
+ Cơ quan hành chính nhà nước: Chi cục BVTV tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, thẩm định hồ sơ và trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện Trực tiếp tại trụ sở Chi cục BVTV Hà Nội - thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ a) Thành phần hồ sơ
+ Đơn đề nghị cấp thẻ XHKT theo mẫu.
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.
+ Bản sao chụp chứng minh thư nhân dân.
+ Bản sao kết quả học tập về xông hơi khử trùng do cơ quan có thẩm quyền xác nhận.
+ 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm.
- Thời hạn giải quyết b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ
+ Thời gian theo quy định: 03 ngày
÷ Thời gian thực tế: 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục BVTV
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục BVTV
d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC + Thẻ
- Lệ phí 200.000 đ/1giấy chứng nhận (theo Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai Đơn đề nghị cấp thẻ xông hơi khử trùng (Phụ lục 6) Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC + Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01/11/2007 quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
+ Thông tư 110/2003/TT-BTC ngày 17/11/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc BVTV.

Phụ lục 6
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

Kính gửi:

Họ tên:Ngày sinh:.....Nam/Nữ

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Chức danh:

Trình độ chuyên môn:

Trình độ văn hoá:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
 - Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
 - Vật thể bảo quản trong nước;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
Các trường hợp khác.....

Hồ sơ kèm theo:

Bản sao kết quả học tập về xông hơi khử trùng (*bản sao có xác nhận*)

Giấy chứng nhận sức khoẻ

Sơ yếu lý lịch

Ảnh chân dung 2cm x 3cm: 2 chiếc

Thẻ xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp đổi thẻ*)

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xông hơi khử trùng trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của cơ quan chủ quản

(*Ký tên, đóng dấu*)

Người xin cấp (đổi) thẻ

(*Ký tên*)

15. Thủ tục : Cấp giấy chứng nhận nguồn giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.
 - + Cơ quan HCNN: Tiếp nhận hồ sơ, bình tuyển, thẩm định công nhận nguồn giống
 - Bước 1: Bình tuyển cây đầu dòng
Giám đốc sở Nông nghiệp &PTNT ra quyết định thành lập hội đồng bình tuyển cây đầu dòng. Trường hợp chủ nguồn giống là các đơn vị do trung ương quản lý thì phải có đại diện cục trồng trồng trọt
 - Trình tự bình tuyển: Hội đồng tổ chức bình tuyển, đánh giá, lập biên bản đề nghị công nhận hoặc không công nhận gửi về sở nông nghiệp &PTNT
 - Bước 2: Thẩm định vườn cây đầu dòng
Giám đốc sở nông nghiệp &PTNT ra quyết định thành lập tổ thẩm định vườn cây đầu dòng.
 - Tổ thẩm định kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa vườn cây đăng ký: lập biên bản đánh giá, đề nghị công nhận (hoặc không công nhận) gửi về sở nông nghiệp &PTNT.
 - Bước 3: Cấp giấy chứng nhận nguồn giống
Căn cứ biên bản đánh giá của hội đồng bình tuyển cây đầu dòng, tổ thẩm định vườn cây đầu dòng. Giám đốc sở nông nghiệp &PTNT xem xét và cấp giấy chứng nhận nguồn giống. Thời hạn của Giấy chứng nhận nguồn giống là 05 (năm) năm với vườn cây đầu dòng và vườn cây có múi So kể từ ngày được công nhận.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp &PTNT số 38 Tô Hiệu - Hà Đông Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đăng ký công nhận nguồn giống
 - + Sơ đồ vườn cây, báo cáo tóm tắt lịch sử nguồn giống;
 - + Năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh, điều kiện ngoại cảnh bất thuận của nguồn giống;
 - + Kết quả nghiên cứu hoặc hội thi trước đó (nếu có)
 - b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - 1 năm (chu kỳ cho quả của loại cây có đủ điều kiện bình tuyển)
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở NN&PTNT Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng trồng trọt Sở NN
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- Kết quả của việc thực hiện TTHC ÷ Giấy chứng nhận
- Lệ phí Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: 1.500.000 đ một giống cây/1 lần bình tuyển (Quyết định 27/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội)
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai Đơn đăng ký công nhận nguồn giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 1-Quyết định 64/2008/QĐ-BNN ngày 23 tháng 5 năm 2008)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) **Cam kết:**
 - + Chăm sóc, bảo vệ khai thác nguồn giống theo đúng quy trình kỹ thuật; theo quy định trong giấy chứng nhận;
 - + Cung cấp vật liệu nhân giống cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên nguyên tắc bảo đảm hài hoà lợi ích các bên liên quan;
 - + Lập hồ sơ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống;
 - + Hàng năm báo cáo kết quả khai thác, tình hình sinh trưởng phát triển của nguồn giống và những thay đổi liên quan khác đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu nguồn giống (nếu có) về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nơi cấp giấy chứng nhận.(Quyết định 64/2008/QĐ-BNN ngày 23 tháng 5 năm 2008)
- Căn cứ pháp lý của TTHC + Quyết định 64/2008/QĐ-BNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 Ban hành Quy định quản lý về sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm

PHỤ LỤC 01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BNN
ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM****Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....**

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....Số CMTND.....

3. Tên giống:.....

Tên khoa học.....Tên Việt Nam.....

4. Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống

Thôn.....xã.....huyện.....tỉnh/TP:.....

Vĩ độ.....Kinh độ.....(nếu có), Độ cao so mặt nước biển.....

5. Các thông tin chi tiết về nguồn giống đăng ký công nhận:

- Năm trồng:

- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (*cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành...*):- Tình hình sinh trưởng (*chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại...*):- Năng suất, chất lượng của giống (*nêu những chỉ tiêu chủ yếu*):

Đối với nguồn giống là vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:

- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):

- Diện tích vườn (m^2):

- Khoảng cách trồng (m x m):

6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:

- Sơ đồ vườn cây;

- Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;

- Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;

- Tình hình sinh trưởng, phát triển...của nguồn giống.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 200.....

Đại diện đơn vị*

*(ký tên, đóng dấu)**(*Cá nhân phải kèm theo 01 bản sao chụp CMTND)*

16. Thủ tục : Cấp lại giấy chứng nhận nguồn giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

- Trình tự thực hiện
 - + Cá nhân tổ chức: Trước khi hết thời hạn 03 (ba) tháng, chủ nguồn giống đăng ký công nhận lại nguồn giống, gửi hồ sơ về Sở Nông nghiệp & PTNT để xem xét giải quyết (bao gồm cả các nguồn giống được cơ quan có thẩm quyền công nhận trước đó)
 - + Cơ quan HCNN: Sở nông nghiệp & PTNT tổ chức kiểm tra, đánh giá, nếu đủ điều kiện thì công nhận lại nguồn giống. Thời hạn của giấy chứng nhận công nhân nguồn giống là 05 (năm) năm với vườn cây đầu dòng và cây có múi So kể từ ngày được công nhận.
- Cách thức thực hiện
 - + Trực tiếp tại phòng trồng trọt- Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đề nghị công nhận lại nguồn giống; bản sao quyết định công nhận nguồn giống gần nhất; sơ đồ nguồn giống, báo cáo tóm tắt về sinh trưởng, năng suất, chất lượng, số lượng khai thác vật liệu nhân giống trong thời gian lần công nhận nguồn giống gần nhất.
 - + Sơ đồ vườn cây, báo cáo tóm tắt lịch sử nguồn giống;
 - + Năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh, điều kiện ngoại cảnh bất thuận của nguồn giống;
 - + Kết quả nghiên cứu hoặc hội thi trước đó (nếu có)
 - b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - 1 năm (chu kỳ cho quả của loại cây có đủ điều kiện bình tuyển)
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở NN&PTNT Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng trồng trọt Sở NN
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: 1.500.000 đ một giống cây/1 lần bình tuyển (Quyết định 27/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội)
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Đơn đăng ký công nhận lại nguồn giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm (Phụ lục 1-Quyết định 64/2008/QĐ-BNN ngày 23 tháng 5 năm 2008)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Cam kết:**
 - + Chăm sóc, bảo vệ khai thác nguồn giống theo đúng quy trình kỹ thuật; theo quy định trong giấy chứng nhận;

+ Cung cấp vật liệu nhân giống cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên nguyên tắc bảo đảm hài hoà lợi ích các bên liên quan;

+ Lập hồ sơ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống;

+ Hàng năm báo cáo kết quả khai thác, tình hình sinh trưởng phát triển của nguồn giống và những thay đổi liên quan khác đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu nguồn giống (nếu có) về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nơi cấp giấy chứng nhận. (Quyết định 64/2008/QĐ-BNN ngày 23 tháng 5 năm 2008)

- Căn cứ pháp lý của
TTHC

+ Quyết định 64/2008/QĐ-BNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 Ban hành Quy định quản lý về sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BNN
ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG

CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/TP.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ:.....Điện thoại/Fax/E-mail.....Số CMND.....

3. Tên giống:.....

Tên khoa học.....Tên Việt Nam.....

4. Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống

Thôn.....xã.....huyện.....tỉnh/TP:.....

Vĩ độ.....Kinh độ.....(nếu có), Độ cao so mặt nước biển.....

5. Các thông tin chi tiết về nguồn giống đăng ký công nhận:

- Năm trồng:

- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành...):

- Tình hình sinh trưởng (chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại...):

- Năng suất, chất lượng của giống (nêu những chỉ tiêu chủ yếu):

Đối với nguồn giống là vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:

- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):

- Diện tích vườn (m^2):

- Khoảng cách trồng (m x m):

6. Các tài liệu liên quan khác kèm theo:

- Sơ đồ vườn cây;

- Tóm tắt quá trình phát hiện hoặc lịch sử trồng trọt;

- Kết quả nghiên cứu, đánh giá hoặc hội thi đã có;

- Tình hình sinh trưởng, phát triển... của nguồn giống.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định theo đúng quy định./.

Ngày ... tháng ... năm 200.....

Đại diện đơn vị*

(kỳ tên, đóng dấu)

(*Cá nhân phải kèm theo 01 bản sao chụp CMTND)

17. Thủ tục : Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả an toàn

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) Hà Nội, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn
 - + Cơ quan HCNN:
 - Bước 1: Chi cục BVTV thành lập tổ thẩm định, tiến hành kiểm tra theo các bước sau: Kiểm tra hồ sơ đăng ký, đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định; Kiểm tra, đánh giá điều kiện sản xuất rau, quả an toàn trên thực tế.;
 - Bước 2: Căn cứ kết quả kiểm tra do Chi cục BVTV Hà Nội thực hiện, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định, nếu đảm bảo điều kiện theo quy định thì cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả an toàn. Nếu chưa đảm bảo, Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Bảo vệ thực vật hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký khắc phục những điều kiện chưa đạt yêu cầu.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Chi cục BVTV Hà Nội Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đăng ký đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + Bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + Bản cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật sản xuất rau, quả an toàn.
 - + Bản sao có công chứng bằng cấp chuyên môn và hợp đồng lao động (thường xuyên hoặc không thường xuyên) của cán bộ kỹ thuật chuyên ngành trồng trọt hoặc bảo vệ thực vật từ trung cấp trở lên để hướng dẫn, giám sát kỹ thuật sản xuất rau, quả an toàn.
 - + Bản sao chứng chỉ đã tham gia lớp tập huấn VietGAP hoặc IPM trên rau và danh sách các hộ nông dân tham gia sản xuất rau, quả, chèn an toàn có xác nhận đã tham gia lớp tập huấn về VietGAP và các quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả an toàn (ngắn hạn hoặc dài hạn) của đơn vị tổ chức tập huấn (Trung tâm Khuyến nông; Chi cục BVTV, Hội Nông dân,...).
 - + Sơ đồ khu sản xuất đăng ký cấp giấy chứng nhận có xác nhận của UBND xã, phường quản lý.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian quy định: 15 ngày
 - + Thời gian thực tế: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ
- Đối tượng thực hiện
 - TTHC
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật
 d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- Kết quả của việc thực hiện TTHC

+ Giấy chứng nhận

- Lệ phí

+ Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Mẫu đơn đăng ký chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả, chè an toàn

+ Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn. (theo hướng dẫn số 744HD/SNN-TTr, ngày 15/12/2008 của Sở NN & PTNT Hà Nội về: Hướng dẫn nội dung, trình tự cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)

+ Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất rau, quả an toàn theo mô hình kinh tế trang trại (diện tích sản xuất từ 02 ha trở lên).

+ Đối với trường hợp các tổ chức, cá nhân sản xuất rau, quả an toàn có quy mô nhỏ hơn (dưới 02 ha) nếu có nhu cầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả an toàn, Sở NN& PTNT sẽ xem xét, giải quyết theo từng trường hợp cụ thể.

+ Nơi sản xuất nằm trong vùng quy hoạch sản xuất rau, quả an toàn của Thành phố (theo điều 3 của Quy định Quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn ban hành kèm theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN, ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp & PTNT).

- Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN, ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Quy định Quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn.

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 74 HD/SNN-TTr ngày 15 tháng 12 năm 2008
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**

Kính gửi: - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội
- Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội

1. Tên nhà sản xuất:.....
2. Địa chỉ :.....
DTFaxEmail.....
3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):
4. Đăng ký được cấp giấy chứng nhận

Sau khi nghiên cứu Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn, đặc biệt về điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn, liên hệ với điều kiện cụ thể, chúng tôi xin đăng ký được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuất:kg/đơn vị thời gian);

- Chứng loại rau, quả an toàn đăng ký:.....(quy mô diện tích hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian của từng chủng loại);

- Địa điểm: thôn....xã, (phường).....huyện (quận).....

- Bản kê điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (kèm theo);

5. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả an toàn.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn./.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của UBND xã

Đại diện của nhà sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2:

**MẪU BẢN KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN RAU, QUẢ AN TOÀN**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 74 HD/SNN-TTr ngày 15 tháng 12 năm 2008
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**BẢN KÊ KHAI
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN RAU, QUẢ AN TOÀN**

1. Tên nhà sản xuất:
2. Địa chỉ :.....ĐT FaxEmail.....
3. Điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn

3.1. Nhân lực:

Danh sách cán bộ kỹ thuật

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác	Ghi chú

Danh sách hộ gia đình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn

TT	Họ tên chủ hộ	DT đất trồng (ha)	Chứng chỉ tập huấn	Ghi chú

3.2. Đất trồng:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuấtkg/đơn vị thời gian);
- Địa điểm: thôn.....xã. (phường).....huyện (quận).....
- Bản đồ giải thửa, hoặc sơ đồ khu vực sản xuất;
- Kết quả phân tích đất (nếu có):
- Khu vực sản xuất, sơ chế, chế biến cách ly các nguồn gây ô nhiễm m.

3.3. Nguồn nước tưới:

- Nguồn nước tưới cho cây rau, quả, chè (sông, ao hồ, nước ngầm...):.....
- Kết quả phân tích nước tưới (nếu có).

3.4. Quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Các loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất:
- Các quy trình sản xuất sơ chế rau, quả, chè an toàn theo GAP (VietGAP...) và chế biến chè theo quy trình chế biến an toàn ...

3.5. Điều kiện sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Diện tích khu sơ chếm², loại nhà:.....
- Diện tích kho bảo quản :.....m², tình trạng kỹ thuật:.....
- Điều kiện bao gói sản phẩm:.....

- Quy trình sơ chế rau, quả an toàn theo GAP (VietGAP...) và Quy trình chế biến chè an toàn...cho loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất

Chúng tôi cam kết các thông tin trong bản kê khai là đúng sự thật.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của UBND xã

Đại diện của nhà sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

18. Thủ tục : Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả an toàn

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) Hà Nội.
 - + Cơ quan HCNN:
 - Bước 1: Chi cục BVTV thành lập tổ thẩm định, tiến hành kiểm tra theo các bước sau: Kiểm tra hồ sơ đăng ký, đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định. Kiểm tra, đánh giá điều kiện sơ chế rau, quả an toàn trên thực tế.
 - Bước 2: Căn cứ kết quả kiểm tra do Chi cục BVTV Hà Nội thực hiện, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định, nếu đảm bảo điều kiện theo quy định thì cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau an toàn. Nếu chưa đảm bảo, Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Bảo vệ thực vật hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký khắc phục những điều kiện chưa đạt yêu cầu.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Chi cục BVTV Hà Nội Thị trấn Cầu Diễn Từ Liêm Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đăng ký đủ điều kiện sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + Bản kê khai điều kiện sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + H/đồng lao động (thường xuyên hoặc không thường xuyên);
 - + Giấy khám sức khỏe của người lao động tham gia thực hiện sơ chế.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian theo quy định: 15 ngày
 - Thời gian thực tế: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - + Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - + Mẫu đơn đăng ký chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả, chè an toàn
 - + Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn (theo Hướng dẫn số 744HD/SNN-TTr, ngày 15/12/2008 của Sở NN & PTNT Hà Nội về: Hướng dẫn nội dung, trình tự cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn).
- Yêu cầu, điều kiện
 - + Các tổ chức, cá nhân tham gia sơ chế rau, quả an toàn cam kết

thực hiện TTHC (nếu có) không sử dụng các loại hoá chất độc hại để ngâm tẩm, bảo quản rau, quả.

- Căn cứ pháp lý của TTHC

- + Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm;
- + Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN, ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Quy định Quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn.

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**

*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 74 HD/SNN-TTr ngày 15 tháng 12 năm 2008
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**

**Kính gửi: - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội
- chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội**

1. Tên nhà sản xuất:.....
2. Địa chỉ :.....
ĐTFaxEmail.....
3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):
4. Đăng ký được cấp giấy chứng nhận

Sau khi nghiên cứu Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn, đặc biệt về điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn, liên hệ với điều kiện cụ thể, chúng tôi xin đăng ký được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian);

- Chủng loại rau, quả an toàn đăng ký:.....(quy mô diện tích hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian của từng chủng loại):

- Địa điểm: thôn.....xã, (phường).....huyện (quận).....

- Bản kê điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (kèm theo);

5. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả an toàn.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn./.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của UBND xã

Đại diện của nhà sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2: MẪU BẢN KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN RAU, QUẢ AN TOÀN

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 74 HD/SNN-TTr ngày 15 tháng 12 năm 2008 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**BẢN KÊ KHAI
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN RAU, QUẢ AN TOÀN**

1. Tên nhà sản xuất:
2. Địa chỉ :.....ĐT FaxEmail.....
3. Điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn
- 3.1. Nhân lực:

Danh sách cán bộ kỹ thuật

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác	Ghi chú

Danh sách hộ gia đình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chế an toàn

TT	Họ tên chủ hộ	DT đất trồng (ha)	Chứng chỉ tập huấn	Ghi chú

3.2. Đất trồng:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuấtkg/đơn vị thời gian);
- Địa điểm: thôn.....xã, (phường).....huyện (quận).....
- Bản đồ giải thửa, hoặc sơ đồ khu vực sản xuất;
- Kết quả phân tích đất (nếu có);
- Khu vực sản xuất, sơ chế, chế biến cách ly các nguồn gây ô nhiễmm.

3.3. Nguồn nước tưới:

- Nguồn nước tưới cho cây rau, quả, chè (sông, ao hồ, nước ngầm...):.....
- Kết quả phân tích nước tưới (nếu có).

3.4. Quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Các loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất:
- Các quy trình sản xuất sơ chế rau, quả, chè an toàn theo GAP (VietGAP...) và chế biến chè theo quy trình chế biến an toàn ...

3.5. Điều kiện sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Diện tích khu sơ chếm², loại nhà:.....
- Diện tích kho bảo quản :.....m², tình trạng kỹ thuật:.....
- Điều kiện bao gói sản phẩm:.....
- Quy trình sơ chế rau, quả an toàn theo GAP (VietGAP...) và Quy trình chế biến chè an toàn...cho loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất

Chúng tôi cam kết các thông tin trong bản kê khai là đúng sự thật.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của UBND xã

Đại diện của nhà sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

19. Thủ tục : Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả an toàn

- Trình tự thực hiện
 - + Đối với Tổ chức, cá nhân: Trước khi GCN hết thời hạn 03 tháng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu, nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội
 - + Đối với cơ quan HCNN:
 - Bước 1: Chi cục BVTV tiếp nhận hồ sơ, thành lập tổ thẩm định, tiến hành kiểm tra theo các bước sau: Kiểm tra hồ sơ đăng ký, đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định. Kiểm tra, đánh giá điều kiện sản xuất rau, quả an toàn trên thực tế.
 - Bước 2: Căn cứ kết quả kiểm tra do Chi cục BVTV Hà Nội thực hiện, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định, nếu đảm bảo điều kiện theo quy định thì cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả an toàn. Nếu chưa đảm bảo, Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Bảo vệ thực vật hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký khắc phục những điều kiện chưa đạt yêu cầu.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Chi cục BVTV Thị trấn Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đăng ký cấp lại GCN đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + Bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + Bản cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật sản xuất rau, quả an toàn.
 - + Bản sao có công chứng bằng cấp chuyên môn và hợp đồng lao động còn hiệu lực (thường xuyên hoặc không thường xuyên) của cán bộ kỹ thuật chuyên ngành trồng trọt hoặc bảo vệ thực vật từ trung cấp trở lên để hướng dẫn, giám sát kỹ thuật sản xuất rau, quả an toàn.
 - + Sơ đồ khu sản xuất đăng ký cấp giấy chứng nhận có xác nhận của UBND xã, phường quản lý.
 - + Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất rau, quả an toàn trong thời gian được cấp GCN lần trước.
 - + Báo cáo về những biến động về lao động (nếu có)
 - + Báo cáo của Chi cục BVTV hoặc tổ chức chứng nhận về thực hiện sản xuất rau, quả, chè an toàn trong thời gian được cấp GCN lần trước (nếu có).
 - b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 15 ngày
 - + Thời gian theo thực tế: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện
 - TTHC
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện
 - TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật
 d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- Kết quả của việc thực hiện TTHC

- Lệ phí

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)

- Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Giấy chứng nhận

+ Không

+ Mẫu đơn đăng ký chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả, chè an toàn

+ Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn (theo Hướng dẫn số 744HD/SNN-TTr, ngày 15/12/2008 của Sở NN & PTNT Hà Nội về: Hướng dẫn nội dung, trình tự cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn).

+ Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất rau, quả an toàn theo mô hình kinh tế trang trại (diện tích sản xuất từ 02 ha trở lên).

+ Đối với trường hợp các tổ chức, cá nhân sản xuất rau, quả an toàn có quy mô nhỏ hơn (dưới 02 ha) nếu có nhu cầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau, quả an toàn, Sở Nông nghiệp & PTNT sẽ xem xét, giải quyết theo từng trường hợp cụ thể.

+ Nơi sản xuất nằm trong vùng quy hoạch sản xuất rau, quả an toàn của Thành phố.

(Theo Điều 3 của Quy định Quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn ban hành kèm theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN, ngày 15/10/2008 của Bộ NN & PTNT).

+ Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN, ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Quy định Quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số ...HD/SNN-TTr ngày ... tháng 12 năm 2008 của
Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**

**Kính gửi: - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội
- chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội**

1. Tên nhà sản xuất:.....

2. Địa chỉ :.....

ĐTFaxEmail.....

3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):

4. Đăng ký được cấp giấy chứng nhận

Sau khi nghiên cứu Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn, đặc biệt về điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn, liên hệ với điều kiện cụ thể, chúng tôi xin đăng ký được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian);

- Chung loại rau, quả an toàn đăng ký:.....(quy mô diện tích hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian của từng chủng loại);

- Địa điểm: thôn....xã, (phường).....huyện (quận).....

- Bản kê điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (kèm theo);

5. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả an toàn.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn./.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của UBND xã

Đại diện của nhà sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2: Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số .../HD/SNN-TTr ngày ... tháng 12 năm 2008 của
Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

BẢN KÊ KHAI

ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN RAU, QUẢ AN TOÀN

1. Tên nhà sản xuất:
2. Địa chỉ :.....ĐT FaxEmail.....
3. Điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn

3.1. Nhân lực:

Danh sách cán bộ kỹ thuật

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác	Ghi chú

Danh sách hộ gia đình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chế an toàn

TT	Họ tên chủ hộ	DT đất trồng (ha)	Chứng chỉ tập huấn	Ghi chú

3.2. Đất trồng:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuấtkg/đơn vị thời gian);
- Địa điểm: thôn....xã, (phường).....huyện (quận).....
- Bản đồ giải thửa, hoặc sơ đồ khu vực sản xuất;
- Kết quả phân tích đất (nếu có);
- Khu vực sản xuất, sơ chế, chế biến cách ly các nguồn gây ô nhiễmm.

3.3. Nguồn nước tưới:

- Nguồn nước tưới cho cây rau, quả, chè (sông, ao hồ, nước ngầm...):.....
- Kết quả phân tích nước tưới (nếu có).

3.4. Quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Các loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất:
 - Các quy trình sản xuất sơ chế rau, quả, chè an toàn theo GAP (VietGAP...)
- và chế biến chè theo quy trình chế biến an toàn ...

3.5. Điều kiện sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Diện tích khu sơ chếm², loại nhà:.....
- Diện tích kho bảo quản :.....m², tình trạng kỹ thuật:.....
- Điều kiện bao gói sản phẩm:.....
- Quy trình sơ chế rau, quả an toàn theo GAP (VietGAP...) và Quy trình chế biến chè an toàn...cho loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất

Chúng tôi cam kết các thông tin trong bản kê khai là đúng sự thật.

Xác nhận của UBND xã

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Đại diện của nhà sản xuất

(Ký tên, đóng dấu)

20. Thủ tục : Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả an toàn

- Trình tự thực hiện
 - + Đối với tổ chức, cá nhân: Trước khi hết thời hạn 03 tháng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại GCN đủ điều kiện sơ chế rau, quả an toàn nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) Hà Nội nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi tới hẹn.
 - + Đối với Cơ quan HCNN:
 - Bước 1: Chi cục BVTV tiếp nhận hồ sơ, thành lập tổ thẩm định, tiến hành kiểm tra theo các bước sau: Kiểm tra hồ sơ đăng ký, đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định. Kiểm tra, đánh giá điều kiện sơ chế rau, quả an toàn trên thực tế.
 - Bước 2: Căn cứ kết quả kiểm tra do Chi cục BVTV Hà Nội thực hiện, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định, nếu đảm bảo điều kiện theo quy định thì cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả an toàn. Nếu chưa đảm bảo, Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Bảo vệ thực vật hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký khắc phục những điều kiện chưa đạt yêu cầu.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Chi cục BVTV Hà Nội Thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + Bản kê khai điều kiện sơ chế rau, quả an toàn (theo mẫu).
 - + Hợp đồng lao động (thường xuyên hoặc không thường xuyên); Giấy khám sức khỏe của người lao động tham gia thực hiện sơ chế
 - + Báo cáo kết quả thực hiện trong thời gian được cấp GCN
 - + Kết quả phân tích các mẫu điển hình (nếu có)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 15 ngày
 - + Thời gian theo thực tế: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ thực vật
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - + Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - + Mẫu đơn đăng ký chứng nhận đủ điều kiện sơ chế rau, quả, chè an toàn
 - + Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn.

(theo Hướng dẫn số 744HD/SNN-TTr, ngày 15/12/2008 của Sở NN & PTNT Hà Nội về: Hướng dẫn nội dung, trình tự cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SX, sơ chế rau, quả an toàn.)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Căn cứ pháp lý của TTHC
- + Các tổ chức, cá nhân tham gia sơ chế rau, quả an toàn cam kết không sử dụng các loại hoá chất độc hại để ngâm tẩm, bảo quản rau, quả.
 - + Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - + Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN, ngày 15/10/2008 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Quy định Quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn.

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số ...HD/SNN-TTr ngày ... tháng 12 năm 2008 của
Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN

Kính gửi: - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội
- chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội

1. Tên nhà sản xuất:.....
2. Địa chỉ :.....
ĐTFaxEmail.....
3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):
4. Đăng ký được cấp giấy chứng nhận

Sau khi nghiên cứu Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn, đặc biệt về điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn, liên hệ với điều kiện cụ thể, chúng tôi xin đăng ký được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian);
- Chung loại rau, quả an toàn đăng ký:.....(quy mô diện tích hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian của từng chủng loại);
- Địa điểm: thôn...xã, (phường).....huyện (quận).....
- Bản kê điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (kèm theo);

5. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả an toàn.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn./.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của UBND xã

Đại diện của nhà sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2: Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số .../JJĐ/SNN-TTr ngày ... tháng 12 năm 2008 của
Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

BẢN KÊ KHAI

ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN RAU, QUẢ AN TOÀN

1. Tên nhà sản xuất:
2. Địa chỉ :.....ĐT FaxEmail.....
3. Điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn

3.1. Nhân lực:

Danh sách cán bộ kỹ thuật

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác	Ghi chú

Danh sách hộ gia đình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn

TT	Họ tên chủ hộ	DT đất trồng (ha)	Chứng chỉ tập huấn	Ghi chú

3.2. Đất trồng:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuấtkg/đơn vị thời gian);
- Địa điểm: thôn... xã. (phường)..... huyện (quận).....
- Bàn đồ giải thửa, hoặc sơ đồ khu vực sản xuất;
- Kết quả phân tích đất (nếu có);
- Khu vực sản xuất, sơ chế, chế biến cách ly các nguồn gây ô nhiễm m.

3.3. Nguồn nước tưới:

- Nguồn nước tưới cho cây rau, quả, chè (sông, ao hồ, nước ngầm...):.....
- Kết quả phân tích nước tưới (nếu có).

3.4. Quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Các loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất:
- Các quy trình sản xuất sơ chế rau, quả, chè an toàn theo GAP (VietGAP...) và chế biến chè theo quy trình chế biến an toàn ...

3.5. Điều kiện sơ chế, chế biến rau, quả an toàn:

- Diện tích khu sơ chếm², loại nhà:.....
- Diện tích kho bảo quản :.....m², tình trạng kỹ thuật:.....
- Điều kiện bao gói sản phẩm:.....
- Quy trình sơ chế rau, quả an toàn theo GAP (VietGAP...) và Quy trình chế biến chè an toàn...cho loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất

Chúng tôi cam kết các thông tin trong bản kê khai là đúng sự thật.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200..

Xác nhận của UBND xã

Đại diện của nhà sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

21. Thủ tục : Chỉ định Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau quả chè an toàn (đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 1 tỉnh) .

- | | |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | + Đối với tổ chức: Nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn
+ Đối với cơ quan HCNN: Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu hợp lệ thì ra Quyết định chỉ định Tổ chức Chứng nhận . |
| - Cách thức thực hiện | Tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
+ Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP (theo mẫu) ;
+ Bản sao hợp pháp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;
+ Các tài liệu chứng minh hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 13 Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn;
+ Mẫu Giấy chứng nhận VietGAP;
+ Kết quả hoạt động chứng nhận đã thực hiện trong lĩnh vực đăng ký (nếu có).
b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | + Thời gian theo quy định: 7 ngày
+ Thời gian thực tế: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | + Tổ chức. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt Sở NN&PTNT
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | + Quyết định hành chính |
| - Lệ phí | + Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | + Mẫu giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP (theo Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT) |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | + Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | + Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN, ngày 28/7/2008 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn. |

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN VIETGAP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN
ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 200...

GIẤY ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN VIETGAP

Kính gửi: - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:..... Fax: E-mail:
- Quyết định thành lập/ (nếu có) hoặc Giấy đăng ký kinh doanh số do Cơ quan cấp:cấp ngàytại

Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động chứng nhận VietGAP theo Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để hoạt động chứng nhận VietGAP cho.....

Hồ sơ kèm theo:

-
-

Đề nghị Cơ quan chỉ định xem xét đề chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động chứng nhận VietGAP cho.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động chứng nhận VietGAP/.

Đại diện Tổ chức ...
(Ký tên, đóng dấu)

22. Thủ tục : Thay đổi, bổ sung, gia hạn quyết định Chỉ định Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả, chè an toàn (đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh)

- Trình tự thực hiện
 - + Đối với tổ chức: Nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn;
 - + Đối với cơ quan HCNN: Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận, viết giấy hẹn, thẩm định hồ sơ, nếu hợp lệ thì ra Quyết định chỉ định Tổ chức Chứng nhận, trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - Tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP (theo mẫu);
 - + Bản sao hợp pháp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Các tài liệu chứng minh hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 13 Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn;
 - + Mẫu Giấy chứng nhận VietGAP;
 - + Kết quả hoạt động đã thực hiện trong lĩnh vực đăng ký xin gia hạn hoặc trong lĩnh vực đăng ký bổ sung (nếu có).
 - + Các tài liệu thuyết minh về sự thay đổi, bổ sung trong lĩnh vực xin thay đổi, bổ sung lĩnh vực chứng nhận, phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 13 Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn;
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 7 ngày
 - + Thời gian thực tế: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt Sở NN&PTNT
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Quyết định hành chính
- Lệ phí
 - + Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ
 - + Mẫu giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP (theo Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 7 năm 2008

khai	của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	+ Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Quyết định số 84/2008/QĐ-BNN, ngày 28/7/2008 của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Quy chế chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả và chè an toàn

23. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy chất lượng Phân bón của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ đề nghị của đơn vị công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn. - Cơ quan HCNN: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tiếp nhận, kiểm tra sự phù hợp, trình phê duyệt và trả kết quả khi tới hẹn
Cách thức thực hiện	- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội - Hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng - Bản công bố hợp quy của đơn vị có sản phẩm công bố hợp quy b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	+ Thời gian theo quy định: 7 ngày + Thời gian thực tế: 7 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTIC	+ Tổ chức; + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTIC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTIC: Phòng Trồng trọt Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTIC	- Văn bản xác nhận
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu Bản công bố hợp quy phân bón (theo Phụ lục số 2, Quyết định 100/2008/QĐ-BNN) - Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTIC (Nếu có)	- Không
Căn cứ pháp lý của TTIC	- Quyết định số 100 /2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón

Phụ lục số 2

MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY*(Ban hành kèm theo Quyết định số 100 /2008/QĐ-BNN**ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Bản công bố Hợp quy phân bón**

Số.....

Tên tổ chức, cá nhân.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:.....

E-mail.....

Công bố:

Loại phân bón (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...)

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):

..... ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

24. Tên thủ tục: Ghi kế hoạch vốn - Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư.

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi tới hẹn + Cơ quan HCNN: Phòng Kế hoạch - Đầu tư Sở NN&PTNT Hà Nội: Thụ lý hồ sơ, tổng hợp dự thảo báo cáo kế hoạch vốn, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp thẩm quyền (bản chính) b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	+ Thời gian theo quy định: 20 ngày + Thời gian thực tế: 20 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản ghi kế hoạch vốn
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Luật Xây dựng; + Luật Đề điều; + Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. + Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ. + Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

25. Tên thủ tục: Ghi kế hoạch vốn - Đối với dự án thực hiện đầu tư

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi tới hẹn + Cơ quan HCNN: Phòng Kế hoạch - Đầu tư Sở NN&PTNT Hà Nội; Thụ lý hồ sơ, tổng hợp dự thảo báo cáo kế hoạch vốn, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền (trước 20/10 thời gian ghi KH vốn) b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> + Thời gian theo quy định: 20 ngày + Thời gian thực tế: 20 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản ghi kế hoạch vốn
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Xây dựng; + Luật Đất đai; + Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. + Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/ND-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ. + Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND TP Hà Nội về việc quy định quản lý dự án đầu tư XDCT sử dụng vốn NSNN của Thành phố Hà Nội.

26. Tên thủ tục: Ghi kế hoạch vốn - Đối với các dự án quy hoạch

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi tới hạn + Sở Nông nghiệp và PTNT: Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, tổng hợp dự thảo báo cáo kế hoạch vốn, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Quyết định phê duyệt nhiệm vụ dự án Quy hoạch của cấp thẩm quyền (bản chính) b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	+ Thời gian theo quy định: 20 ngày + Thời gian thực tế: 20 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản ghi (hoặc không ghi) kế hoạch vốn
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng; - Luật Đất đai; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/ND-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

27. Tên thủ tục: Trình phê duyệt Kế hoạch đầu thầu (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Sở Nông nghiệp và PTNT).

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ theo quy định, nhận giấy hẹn, lấy kết khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và PTNT: Bộ phận 1 cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, tờ trình, trình lãnh đạo Sở ra ký
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phê duyệt kế hoạch đầu thầu của Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung theo quy định tại Thông tư số 02/2009/TT-BKH ngày 17/02/2009 của Bộ kế hoạch và đầu tư hướng dẫn lập Kế hoạch đầu thầu. - Tài liệu kèm theo (Bản chụp đóng dấu giáp lai của Chủ đầu tư) gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với các công việc chuẩn bị dự án). + Điều ước quốc tế hoặc văn bản thoả thuận Quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA. + Ý kiến của các tổ chức tài trợ nước ngoài (đối với các dự án sử dụng vốn ODA) + Thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt (nếu có). + Nguồn vốn cho dự án: Kế hoạch vốn bố trí của Thành phố; các văn bản có liên quan về nguồn vốn thực hiện dự án. - Các văn bản liên quan khác (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 10 ngày - Thời gian thực tế: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố Hà Nội;</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p>

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả của việc thực hiện TTHC	Tờ trình
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu : Thông tư số 02/2009/TT-BKH ngày 17/02/2009 của Bộ kế hoạch và đầu tư hướng dẫn lập Kế hoạch đấu thầu.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu. - Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng. - Thông tư số 02/2009/TT-BKH ngày 17/02/2009 của Bộ kế hoạch và đầu tư hướng dẫn lập Kế hoạch đấu thầu. - Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn NSNN của Thành phố Hà Nội.

A. MẪU TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU

[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

Số: /TTr-

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch đầu thầu

[Tên dự án hoặc tên gói thầu]

Kính gửi: [Tên người có thẩm quyền]

Căn cứ quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án [Ghi rõ số quyết định và ngày tháng năm] của [Tên người quyết định đầu tư hoặc người quyết định phê duyệt dự án] về việc phê duyệt dự án [Tên dự án được phê duyệt], [Tên chủ đầu tư] trình [Tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt KHĐT trên cơ sở những nội dung dưới đây.

I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư hoặc tổng vốn đầu tư;
- Tên chủ đầu tư hoặc chủ dự án;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. PHÂN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

Phần công việc này bao gồm các gói thầu hoặc công việc đã thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án như lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (báo cáo đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi (dự án đầu tư) và một số công việc khác (nếu có).

Phần công việc đã thực hiện cũng bao gồm những gói thầu thực hiện trước do chưa đủ điều kiện để lập KHĐT cho toàn bộ dự án mà chỉ lập KHĐT riêng cho từng gói thầu.

Đối với từng gói thầu hoặc công việc đã thực hiện cần nêu rõ: tên đơn vị thực hiện; tên công việc hoặc tên gói thầu; giá trị thực hiện, giá hợp đồng hoặc giá trúng thầu; hình thức hợp đồng; thời gian thực hiện hợp đồng.

Biểu 1: Phân công việc đã thực hiện ⁽¹⁾

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện, giá hợp đồng hoặc giá trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Văn bản phê duyệt (nếu có) ⁽²⁾
1						
2						
...						
Tổng cộng giá trị thực hiện, giá hợp đồng hoặc giá trúng thầu						

Ghi chú:

(1) Trường hợp có nhiều gói thầu hoặc công việc đã thực hiện trước khi có quyết định đầu tư thì đưa biểu vào phần Phụ lục.

(2) Đối với các gói thầu đã thực hiện trước cần nêu tên văn bản phê duyệt (phê duyệt KHĐT, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu).

III. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Phần này bao gồm nội dung và giá trị các công việc không thể tiến hành lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu như: chi phí cho ban quản lý dự án; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (nếu có); dự phòng phí (phần chưa phân bổ cho từng gói thầu) và những khoản chi phí khác (nếu có).

Biểu 2: Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện
1			
2			
...			
Tổng cộng giá trị thực hiện			

IV. PHẦN KHĐT

Phần KHĐT bao gồm những công việc hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong bảy hình thức lựa chọn nhà thầu quy định trong Luật Đấu thầu. Các công việc như rà phá bom, mìn, vật nổ; xây dựng khu tái định cư; chuẩn bị mặt bằng xây dựng; bảo hiểm công trình, đào tạo; công việc tư vấn đấu thầu; tư vấn khảo sát, lập thiết kế xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị... phải được thể hiện rõ trong KHĐT.

1. Biểu KHĐT

KHĐT bao gồm việc xác định số lượng các gói thầu và nội dung của từng gói thầu (tên gói thầu, giá gói thầu, nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn, hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu, thời gian lựa chọn nhà thầu, hình thức hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng). KHĐT được lập thành biểu như sau:

Biểu 3: Tổng hợp KHĐT⁽¹⁾

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu ⁽²⁾	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
...								
Tổng cộng giá gói thầu								

Ghi chú:

(1) Trường hợp có nhiều gói thầu thì đưa Biểu KHĐT vào phần Phụ lục KHĐT của các gói thầu được xếp theo từng lĩnh vực, theo thứ tự thời gian và trình tự công việc thực hiện.

(2) Trường hợp giá gói thầu bao gồm cả dự phòng thì ghi rõ giá trị dự phòng.

Tổng giá trị các phần công việc đã thực hiện, phần công việc không áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu và phần công việc thuộc KHĐT không được vượt quá tổng mức đầu tư của dự án.

2. Giải trình nội dung KHĐT[1]

a) Tên gói thầu và cơ sở phân chia các gói thầu

- Tên gói thầu

Tên gói thầu thể hiện khái quát tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu, phù hợp với nội dung công việc nêu trong dự án.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều phần riêng biệt (nhiều lô), tên gói thầu cần nêu tên của từng phần và tên từng phần phải thể hiện nội dung cơ bản của phần đó.

- Cơ sở phân chia các gói thầu

Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...).

+ Mỗi gói thầu chỉ có một hồ sơ mời thầu hoặc một hồ sơ yêu cầu và được tiến hành đấu thầu một lần.

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Giá gói thầu

Giá gói thầu là toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (bao gồm cả chi phí dự phòng) được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán, dự toán được duyệt (nếu có) và các quy định hiện hành.

Đối với dự án sử dụng vốn ODA, giá gói thầu còn phải được xác định trên cơ sở của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế đã được cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết với nhà tài trợ.

Trong trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì giá gói thầu trong KHĐT cần nêu rõ giá ước tính cho từng phần.

Đối với những gói thầu lớn, phức tạp, thời gian thực hiện kéo dài, tại thời điểm lập KHĐT chưa lường trước các công việc, chi phí phát sinh thì trong giá gói thầu cần bao gồm cả dự phòng. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa thông thường, áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói thì giá gói thầu không cần thiết có dự phòng.

Trường hợp giá gói thầu có dự phòng thì trong KHĐT cần phải thể hiện rõ chi phí dự phòng trong giá gói thầu. Việc xác định chi phí dự phòng và nội dung công việc cần có dự phòng căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan. Đối với gói thầu xây lắp cần căn cứ vào quy định của pháp luật về xây dựng.

Khi tham dự thầu, nhà thầu tính giá dự thầu dựa trên khối lượng công việc cần thực hiện của gói thầu. Vì vậy trường hợp giá gói thầu có dự phòng, việc đánh giá và xác định giá đề nghị trúng thầu cần căn cứ vào giá gói thầu không kể phần dự phòng.

Dự phòng trong giá gói thầu để giải quyết đối với những công việc phát sinh, trượt giá trong quá trình thực hiện hợp đồng và tạo thuận lợi khi điều chỉnh hợp đồng (nếu có).

Khi lập KHĐT, trường hợp đã có thiết kế chi tiết, dự toán cho hạng mục công việc xây lắp được phê duyệt thì giá gói thầu được xác định trên cơ sở dự toán cho hạng mục công việc xây lắp tương ứng với gói thầu.

Chú ý: Chi phí dự phòng chưa phân bổ nêu ở phần III (là tổng chi phí dự phòng của dự án trừ đi chi phí dự phòng đã phân bổ trong các gói thầu) để bổ sung cho chi phí tăng thêm khi dự toán được duyệt lớn hơn giá gói thầu được duyệt.

c) Nguồn vốn

Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu.

Xác định rõ nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu là yêu cầu bắt buộc khi lập KHĐT, tránh việc không có vốn thanh toán khi nhà thầu đã thực hiện hợp đồng.

Trường hợp sử dụng vốn ODA thì phải nêu rõ tên nhà tài trợ vốn và cơ cấu nguồn vốn (trong nước, ngoài nước).

d) Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu

- Hình thức lựa chọn nhà thầu

Tùy theo tính chất, đặc điểm của gói thầu mà xác định hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu hiện hành. Khi áp dụng hình thức khác với hình thức đấu thầu rộng rãi thì phải giải trình lý do cụ thể.

Khi lựa chọn hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế cần nêu rõ là đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trong nước hoặc quốc tế hoặc có sơ tuyển.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, gói thầu EPC có giá trị ≥ 300 tỷ đồng và gói thầu xây lắp có giá trị ≥ 200 tỷ đồng theo quy định thì phải thực hiện sơ tuyển. Trường hợp những gói thầu trên có yêu cầu kỹ thuật cao, kỹ thuật có tính chất đặc thù, có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm mà trong thực tế chỉ có một số nhà thầu có khả năng đáp ứng yêu cầu thì có thể áp dụng đấu thầu hạn chế mà không cần thiết phải tiến hành sơ tuyển.

- Phương thức đấu thầu

Phương thức đấu thầu một túi hồ sơ được áp dụng đối với hình thức đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế cho gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu EPC.

Phương thức đấu thầu hai túi hồ sơ được áp dụng đối với hình thức đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế cho gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Phương thức đấu thầu hai giai đoạn được áp dụng đối với hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế cho gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu EPC có kỹ thuật, công nghệ mới, phức tạp, đa dạng, chủ đầu tư chưa hiểu rõ về gói thầu nên không có khả năng xác định rõ các yêu cầu về kỹ thuật.

d) Thời gian lựa chọn nhà thầu

Thời gian lựa chọn nhà thầu là khoảng thời gian để thực hiện các công việc như sơ tuyển nhà thầu (nếu có), lập hồ sơ mời thầu, thông báo mời thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, chuẩn bị hồ sơ dự thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, trình thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thương thảo hoàn thiện và ký kết hợp đồng. Thời gian lựa chọn nhà thầu phải tiến hành trước thời điểm thực hiện hợp đồng một khoảng thời gian vừa đủ để thực hiện các công việc trên.

e) Hình thức hợp đồng

Tùy theo tính chất, yêu cầu công việc của gói thầu mà xác định hình thức hợp đồng phù hợp theo quy định để tránh việc áp dụng hợp đồng không khả thi dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trường hợp trong một gói thầu có nhiều công việc tương ứng với nhiều hình thức hợp đồng thì hợp đồng đối với gói thầu đó có thể bao gồm nhiều hình thức hợp đồng.

Trường hợp gói thầu bao gồm những phần công việc được xác định rõ về số lượng, khối lượng và khi thực hiện không có phát sinh, không có biến động về giá thì áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói. Đối với gói thầu xây lắp xét thấy sẽ có phát sinh khối

lượng trong quá trình thực hiện và thị trường biến động (giá cả nguyên, nhiên, vật liệu xây dựng biến động không lường trước được) chứa đựng nhiều rủi ro với chủ đầu tư và nhà thầu thì phải áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá.

g) Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng đối với từng gói thầu được xác định cụ thể, phù hợp với tiến độ thực hiện toàn bộ dự án.

V. PHÂN CÔNG VIỆC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN LẬP KHĐT (NẾU CÓ)

Trường hợp tại thời điểm lập KHĐT, dự án có những phần công việc chưa đủ điều kiện hình thành nên gói thầu (dự án chưa phân bổ hết nguồn vốn đầu tư) thì phải nêu nội dung công việc và giá trị phần công việc còn lại trong KHĐT.

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [Tên chủ đầu tư] đề nghị người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt KHĐT [Tên gói thầu hoặc tên dự án].

Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể đề nghị người có thẩm quyền xem xét việc ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt một số nội dung cụ thể như: hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với những gói thầu đơn giản, quy mô nhỏ.

Kính trình [Tên người có thẩm quyền] xem xét, quyết định./.

[ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ]

(Ký, ghi họ tên, chức danh và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- [Tên cơ quan/tổ chức thẩm định];
-
- Lưu VT.

28. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) -Nhóm A	
Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ , nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Bộ phận 1 của: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có). - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thỏa thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư. - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện CBĐT; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư). - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư. -Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)</p> <p>(trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội có thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản).</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian quy định: 40 ngày - Thời gian thực tế: 40 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: + Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 07 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có); + Thẩm định dự án đầu tư (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 26 ngày làm việc; + Xem xét phê duyệt: 07 ngày làm việc

Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính
Phí, lệ phí	<p>- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình: Theo thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính.</p> <p>- Phí thẩm định thiết kế cơ sở: Theo thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình: Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Xây dựng;</p> <p>- Luật Đất đai;</p> <p>- Luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Luật đất đai;</p> <p>- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ Môi trường;</p> <p>- Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP</p>

ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và sử dụng phí thẩm định đầu tư;

- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở

4. Chủ nhiệm lập dự án:

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

10. Loại, cấp công trình:

11. Thiết bị công nghệ (nếu có):

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian thực hiện dự án:
17. Các nội dung khác:
18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: g.x.d

29. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) -Nhóm B

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Bộ phận 1 của: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có). - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thỏa thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư. - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện CĐT; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư). - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư. -Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)</p> <p>Trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội có thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian quy định: 30 ngày - Thời gian thực tế: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có); Thẩm định dự án đầu tư (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 18 ngày làm việc; Xem xét phê duyệt: 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức
TTHC	

Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC Phí, lệ phí	<p>Quyết định hành chính</p> <p>- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình: Theo thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính;</p> <p>- Phí thẩm định thiết kế cơ sở: Theo thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính.</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình: (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ).</p>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	<p>Không</p>
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Xây dựng;</p> <p>- Luật Đất đai;</p> <p>- Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ Môi trường;</p> <p>- Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và sử dụng phí thẩm</p>

định đầu tư;

- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Thời gian thực hiện dự án:

17. Các nội dung khác:

18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: g.x.d

30. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm C

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Bộ phận 1 của: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có). - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư. - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện CBDT; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư). - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư. - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ) (trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội có thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản).</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 20 ngày - Thời gian thực tế: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có); Thẩm định dự án đầu tư (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 12 ngày làm việc; Xem xét phê duyệt: 03 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện THHC	- Tổ chức.

Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính
Phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình: Theo thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính; - Phí thẩm định thiết kế cơ sở: Theo thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đất đai; - Luật bảo vệ môi trường; - Luật đất đai; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ Môi trường; - Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài

Chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và sử dụng phí thẩm định đầu tư.

- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian thực hiện dự án:
17. Các nội dung khác:
18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: g.x.đ

31. Tên thủ tục: Thoả thuận quy hoạch chuyên ngành

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Bộ phận 1 của: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập Văn bản trình lãnh đạo Sở ký thảo thuận
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thảo thuận quy hoạch của chủ đầu tư - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; hoặc quyết định đầu tư. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư - Hồ sơ xin thoả thuận bao gồm: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, trích lục bản đồ, các tài liệu liên quan khác. - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. - Số lượng Hồ sơ : 01 bộ
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 10 ngày - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không

Yêu cầu điều kiện thực
hiện TTHC (Nếu có) Không

Căn cứ pháp lý của
TTHC

- Luật Xây dựng;
- Luật Đê điều;
- Luật bảo vệ rừng;
- Luật đất đai;
- Pháp lệnh phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai
- Pháp lệnh bảo vệ khai thác công trình thủy lợi
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ.
- Nghị định 113/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đê điều
- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn NSNN của Thành phố Hà Nội.

32. Tên thủ tục: Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Nông nghiệp và PTNT).

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Bộ phận 1 của: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập Tờ trình, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có). - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thỏa thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư. - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện CBĐT; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư). - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư. -Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn.
Thời hạn giải quyết	<p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ) (trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội có thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 10 ngày - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 06 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có); xem xét kỹ trình: 04 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p>

	c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.
	d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Tờ trình
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng; - Luật Đê điều; - Luật bảo vệ môi trường; - Luật đất đai; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/ND-CP ngày 09/8/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ Môi trường; - Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Thông tư 109/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ thu nộp và sử dụng phí thẩm định đầu tư. - Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)*

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Thời gian thực hiện dự án:

17. Các nội dung khác:

18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: g.x.d

33. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm A)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có). - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư. - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện CBĐT; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư). - Văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định dự án của CQ đầu mối. -Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 20 ngày - Thời gian thực tế: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	- Không

Căn cứ pháp lý của
TTIC

- Luật Xây dựng;
- Luật Đê điều;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở

4. Chủ nhiệm lập dự án:

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

10. Loại, cấp công trình:

11. Thiết bị công nghệ (nếu có):

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian thực hiện dự án:
17. Các nội dung khác:
18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: g.x.d

34. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm B)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thu lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có). - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư. - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện CBĐT; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư). - Văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định dự án của CQ đầu mối. - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ chính)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 15 ngày làm việc - Thời gian thực tế: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	- Không

- Căn cứ pháp lý của TTHC
- Luật Xây dựng;
 - Luật Đất đai;
 - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ
 - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
 - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;
 - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
- Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở**
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian thực hiện dự án:
17. Các nội dung khác:
18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: g.x.d

35. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm C)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thu lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư. - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có). - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư. - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện CBĐT; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư). - Văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định dự án của cơ quan đầu mối. -Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 10 ngày làm việc - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTIC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTIC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTIC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTIC	- Văn bản
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ)

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTTC (Nếu có) - Không

Căn cứ pháp lý của TTTC

- Luật Xây dựng;
- Luật Đất đai;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
- Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở**
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian thực hiện dự án:
17. Các nội dung khác:
18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: g.x.d

36. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm A)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền. - Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư. - Hồ sơ thiết kế cơ sở, bao gồm: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện thiết kế cơ sở. - Tờ trình của chủ đầu tư xin thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Văn bản đề nghị thẩm định TKCS của cơ quan đầu mối thẩm định dự án. - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 20 ngày làm việc - Thời gian thực tế: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có) - Không

Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Xây dựng;
- Luật Đê điều;

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ

- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

37. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm B)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền. - Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư. - Hồ sơ thiết kế cơ sở, bao gồm: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện thiết kế cơ sở. - Tờ trình của chủ đầu tư xin thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Văn bản đề nghị thẩm định TKCS của cơ quan đầu mối thẩm định dự án. - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ chính)
Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 15 ngày làm việc - Thời gian thực tế: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có) - Không

Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Xây dựng;
- Luật Đất đai;

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ

- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

38. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm C)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và PTNT: + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền. - Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư. - Hồ sơ thiết kế cơ sở, bao gồm: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, các thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác. - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện thiết kế cơ sở. - Tờ trình của chủ đầu tư xin thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Văn bản đề nghị thẩm định TKCS của cơ quan đầu mối thẩm định dự án. - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ chính)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 10 ngày làm việc - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Văn bản ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có) - Không

Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Xây dựng;
- Luật Đê điều;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quy chế quản lý đầu tư xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định 52/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

39. Tên thủ tục: Thẩm định, trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. - Cơ quan HCNN: Phòng quản lý xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Theo mẫu phụ lục số 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng). - Văn bản danh mục đầu tư hoặc chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền. - Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (Theo mẫu phụ lục số 1 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng). - Văn bản góp ý hoặc thoả thuận của các cơ quan có liên quan (nếu có). - Hồ sơ khảo sát, kèm hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCKT-KT. - Hồ sơ BCKT-KT gồm: Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và các tài liệu có liên quan. - Kèm theo hồ sơ tin học lưu trong đĩa mềm CD Rom hoặc USB để chuyển dữ liệu đến phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (trong đó 01 bộ gốc và 02 bộ chụp, trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội có thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản).</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 15 ngày - Thời gian thực tế: Không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có); Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 10 ngày làm việc; Xem xét phê duyệt: 02 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền</p>

hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả của việc thực hiện TTHC

- Quyết định hành chính

Phí, lệ phí

- Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Theo mẫu phụ lục số 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng).

- Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (Theo mẫu phụ lục số 1 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng).

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)

Không

Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Xây dựng;

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.

Phụ lục số 1

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

(Tên Chủ đầu tư)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN
CỦA CÔNG TRÌNH**
(Đối với công trình lập Báo cáo KTKT)

Kính gửi : ...*(Người có thẩm quyền quyết định đầu tư)*...

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ *(pháp lý khác có liên quan)*.

Sau khi thẩm định, *(Tên chủ đầu tư)* báo cáo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình..... như sau:

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của công trình:

a) Công trình:

- Loại và cấp công trình:

b) Địa điểm xây dựng:

c) Diện tích sử dụng đất:

d) Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công:

d) Nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng:

e) Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu:

g) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

h) Nội dung thiết kế:

2. Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công:

a) Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy mô xây dựng trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

b) Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

c) Sự hợp lý của giải pháp kết cấu công trình.

d) Đánh giá mức độ an toàn của công trình.

d) Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ

e) Sự tuân thủ các quy định về môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an ninh, quốc phòng.

3. Kết quả thẩm định dự toán:

a) Tính đúng đắn của việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước có liên quan đến các chi phí tính trong dự toán

b) Sự phù hợp khối lượng xây dựng tính từ thiết kế với khối lượng xây dựng trong dự toán

c) Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau:

Chi phí xây dựng:

Chi phí thiết bị:

Chi phí quản lý dự án:

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

Chi phí khác:

Chi phí dự phòng:

Tổng cộng:

4. Kết luận:

a) *Đánh giá, nhận xét:*

b) *Những kiến nghị:*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 2

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

(Tên Chủ đầu tư) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH.....

Kính gửi: ...*(Người có thẩm quyền quyết định đầu tư)*...

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số... ngày ... tháng ... năm .. của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ *(pháp lý khác có liên quan)*.

(Tên Chủ đầu tư) trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình:
2. Tên chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Thời gian thực hiện:
11. Những kiến nghị:

(Gửi kèm theo Tờ trình này là toàn bộ hồ sơ Báo cáo KTKT và kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

40. Tên thủ tục: **Thẩm định, trình phê duyệt Hồ sơ mời thầu.**

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. - Cơ quan HCNN: Phòng quản lý xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình xin phê duyệt hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung tờ trình nêu rõ căn cứ trình duyệt, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phụ lục hồ sơ mời thầu kèm theo. - Tài liệu kèm theo (Bản chụp có đóng dấu giáp lai của Chủ đầu tư) gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản hồ sơ mời thầu của gói thầu. + Quyết định phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với các gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát quy hoạch đối với các dự án quy hoạch); Quyết định đầu tư dự án. + Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu thầu; Quyết định phê duyệt đề cương nhiệm vụ, giá gói thầu đối với các gói thầu tư vấn. + Tài liệu thiết kế kèm theo thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt (đối với gói thầu xây lắp). + Báo cáo của chủ đầu tư về lựa chọn danh sách nhà thầu để mời tham gia đấu thầu (rộng rãi hoặc hạn chế) đối với gói thầu tư vấn; về kết quả sơ tuyển đối với các gói thầu phải tổ chức sơ tuyển. + Điều ước Quốc tế hoặc văn bản thoả thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn ODA. + Ý kiến của các tổ chức tài trợ nước ngoài (đối với các dự án sử dụng vốn ODA). + Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có). - Phụ lục hồ sơ kèm theo tờ trình: <ul style="list-style-type: none"> + Quyền hồ sơ mời thầu của các gói thầu: mỗi gói thầu 2 quyền. + Các tài liệu trong hồ sơ mời thầu của các gói thầu tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa.
Thời hạn giải quyết	<p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định; 25 ngày - Thời gian thực tế: Không quá 25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có)); Thời gian thẩm định: 20 ngày làm việc; Thời gian phê duyệt: 05 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt HSMT các gói thầu dự án nhóm A.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu các gói thầu dự án nhóm B, C. Tiếp nhận, thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt HSMT các gói thầu dự án nhóm A.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Đấu thầu.</p> <p>- Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.</p> <p>- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.</p>

41. Tên thủ tục: Thẩm định, trình phê duyệt Kết quả đấu thầu.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. - Cơ quan HCNN: Phòng quản lý xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, tiếp nhận hồ sơ, thụ lý thẩm định, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình xin phê duyệt kết quả đấu thầu của Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 71 Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ. - Tài liệu kèm theo (theo quy định tại khoản 2 điều 71 Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ) gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp quyết định đầu tư và các tài liệu đề ra quyết định đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập, điều ước hoặc thoả thuận quốc tế (nếu có); kế hoạch đấu thầu. + Hồ sơ mời thầu. + Quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu; hợp đồng thuê tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp (nếu có). + Danh sách nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, biên bản đóng thầu, biên bản mở thầu. + Các hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ, sửa đổi, bổ sung liên quan. + Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia đấu thầu, tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp. + Văn bản duyệt các nội dung của quá trình thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định. + Biên bản thương thảo hợp đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn. + Ý kiến về kết quả lựa chọn nhà thầu của tổ chức tài trợ nước ngoài (nếu có). + Các tài liệu khác có liên quan <p>b) Số lượng hồ sơ: (01 bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 25 ngày - Thời gian thực tế: Không quá 25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có)); Thời gian thẩm định: 20 ngày làm việc; Thời gian phê duyệt: 05 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu dự án nhóm A, nhóm B sau khi Sở Kế hoạch đầu tư tiếp nhận, thẩm định.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội thẩm định, phê duyệt Kết quả đấu thầu các gói thầu dự án nhóm C do Sở trực tiếp quản lý.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính
Phí, lệ phí	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu = 0,01% giá trị gói thầu (tối thiểu 500.000 đồng, tối đa 30 triệu đồng): Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Đấu thầu.</p> <p>- Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.</p> <p>- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội.</p>

42. Tên thủ tục: Thẩm định, trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình.

Trình tự thực hiện	- Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. - Cơ quan HCNN: Phòng quản lý xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tiếp nhận hồ sơ, thụ lý, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Tờ trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. - Tài liệu kèm theo (Bản chụp đóng dấu giáp lai của BQLDA) gồm: + Quyết định đầu tư, kèm theo hồ sơ dự án đầu tư. + Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán. + Văn bản góp ý hoặc thoả thuận của các cơ quan có liên quan (nếu có). + Hồ sơ khảo sát, kèm hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT. + Hồ sơ TKBVTC-DT gồm: Thuyết minh, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán. + Các văn bản liên quan khác (nếu có). - Kèm theo hồ sơ tin học lưu trong đĩa mềm CD Rom hoặc USB để chuyển dữ liệu đến phòng chuyên môn.
Thời hạn giải quyết	b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ. - Thời gian theo quy định: 15 ngày - Thời gian thực tế: Không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (thông báo cho BQLDA sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có); Thẩm định TKBVTC-DT (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 12 ngày làm việc; Xem xét phê duyệt: 03 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính
Phí, lệ phí	- Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai - Không

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có) - Không

Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Đấu thầu.
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 09/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn NSNN của Thành phố Hà Nội.

43. Tên thủ tục: Thủ tục tiếp công dân.

Trình tự thực hiện

Bước 1: Tiếp xúc ban đầu:

- Đề nghị công dân xuất trình giấy tờ tùy thân. Nếu công dân không trực tiếp đến thì có thể uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp; người này phải có giấy uỷ quyền, có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi người uỷ quyền cư trú.

Bước 2: Quá trình làm việc:

- Yêu cầu công dân trình bày trung thực sự việc, cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo.

- trường hợp có nhiều người khiếu nại, tố cáo đến nơi tiếp công dân đề khiếu nại, tố cáo cùng một nội dung thì yêu cầu họ cử đại diện trực tiếp trình bày nội dung sự việc.

- Cán bộ tiếp dân lắng nghe, ghi chép vào sổ theo dõi tiếp công dân đầy đủ nội dung do công dân trình bày và đọc lại cho người trình bày nghe và có ký xác nhận.

- Người tiếp công dân tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo và các tài liệu liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh do công dân cung cấp và phải viết, giao giấy biên nhận các tài liệu đã tiếp nhận cho công dân.

- Xử lý khiếu nại, tố cáo tại nơi tiếp công dân:

+ Trong trường hợp công dân đến khiếu nại trực tiếp mà vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền của cơ quan mình thì người tiếp công dân hướng dẫn công dân khiếu nại đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Đối với tố cáo thì người tiếp công dân phải ghi rõ nội dung tố cáo, tiếp nhận tài liệu liên quan, phân loại đơn và xử lý theo thủ tục xử lý đơn thư.

Bước 3: Kết thúc:

- Kết thúc tiếp công dân, người tiếp công dân thông báo cho công dân biết cơ quan có thẩm quyền giải quyết để họ liên hệ sau này.

Cách thức thực hiện

- Tiếp công dân tại phòng tiếp công dân (tầng 1) Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, số 38 đường Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Thành phần hồ sơ

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn khiếu nại, tố cáo hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, tố cáo (có xác nhận hoặc điểm chỉ của công dân).

+ Các tài liệu, giấy tờ do người khiếu nại, tố cáo cung cấp.

	- Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	Cho đến khi kết thúc việc tiếp công dân.
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Tổ chức; + Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Thanh tra Sở và đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy biên nhận tài liệu, chứng cứ do người khiếu nại, tố cáo cung cấp; Phiếu hướng dẫn
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn khiếu nại, đơn tố cáo (ban hành kèm theo quyết định số 1131/QĐ-TTCT ngày 18/6/2008 của Tổng thanh tra).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	*Theo Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội: Cán bộ tiếp dân chỉ nhận trực tiếp đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của Sở và Giám đốc Sở; đơn tố cáo; đơn khiếu nại vượt cấp nhưng có căn cứ chứng minh cấp dưới để quá thời hạn theo quy định của Luật Khiếu nại tố cáo mà chưa giải quyết. * Theo điều 13, Nghị định 89/CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân, khi tiếp công dân, người tiếp công dân có quyền: - Từ chối không tiếp những trường hợp đã được kiểm tra xem xét, xác minh đã có quyết định hoặc kết luận giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và đã trả lời đầy đủ cho đương sự. - Từ chối tiếp những người đang trong tình trạng say rượu, tâm thần và những người vi phạm qui chế, nội quy nơi tiếp công dân. - Yêu cầu công dân trình bày đầy đủ, rõ ràng những nội khiếu nại, tố cáo, lý do và những yêu cầu giải quyết, cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo. Trường hợp công dân trình bày bằng miệng các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, nếu thấy cần thiết thì yêu cầu viết thành văn bản và ký tên xác nhận.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật Khiếu nại, tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2004 và 2005. - Căn cứ Nghị định số 136/2006/N Đ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khiếu nại tố cáo và các Luật

sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo.

- Căn cứ Nghị định số 89/CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân.

- Căn cứ Quy chế Tổ chức tiếp công dân (Ban hành kèm theo Nghị định số 89/CP ngày 07/8/1997 của Chính phủ).

- Thông tư số 1178/TT-TTNN ngày 25/9/1997 của Thanh tra Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/CP ngày 7/8/1997 của Chính phủ.

- Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về ban hành qui định tiếp Công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thành phố Hà Nội.

MẪU SỐ 32

*(ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCP ngày 18 tháng 6 năm 2008
của Tổng thanh tra)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi: (1)

Họ và tên: (2); Mã số hồ sơ: (3)

Địa chỉ:

Khiếu nại (4)

Nội dung khiếu nại..... (5)

.....
(Tài liệu, chứng từ kèm theo - nếu có)

NGƯỜI KHIẾU NẠI
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(2) Họ tên của người khiếu nại,

- Nếu là đại diện khiếu nại cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện.

- Nếu là người được ủy quyền khiếu nại thì ghi rõ theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

(3) Nội dung này do cơ quan giải quyết khiếu nại ghi.

(4) Khiếu nại lần đầu (hoặc lần hai) đối với quyết định, hành vi hành chính của ai?

(5) Nội dung khiếu nại

- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến khiếu nại;

- Yêu cầu (đề nghị) của người khiếu nại (nếu có);

44. Tên thủ tục: Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2

Trình tự thực hiện

* Bước 1: Tiếp nhận đơn khiếu nại

- Người khiếu nại phải gửi đơn và các tài liệu liên quan (nếu có) cho Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội.

* Bước 2: Thụ lý đơn

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của mình cơ quan nhận đơn thụ lý để giải quyết; trường hợp không thụ lý để giải quyết khiếu nại lần đầu biết; trường hợp không thụ lý để giải quyết thì nêu rõ lý do.

* Bước 3: Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại; thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại.

- Đại diện cơ quan giải quyết trực tiếp gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi ích liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại.

- Cơ quan giải quyết thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi ích liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc gặp gỡ, đối thoại.

- Khi gặp gỡ đối thoại, đại diện cơ quan giải quyết nêu rõ nội dung cần đối thoại; người tham gia đối thoại có quyền phát biểu ý kiến, đưa ra những bằng chứng liên quan đến vụ việc khiếu nại và yêu cầu của mình.

- Việc gặp gỡ, đối thoại được lập thành biên bản; biên bản ghi rõ ý kiến của những người tham gia; tóm tắt kết quả về những nội dung đã đối thoại, có chữ ký của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký xác nhận thì phải ghi rõ lý do.

Trong quá trình xem xét giải quyết khiếu nại, cơ quan giải quyết tiến hành thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại.

* Bước 4: Ra quyết định giải quyết khiếu nại.

- Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở và cấp tương đương; Giám đốc Sở ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản và gửi quyết định cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan quản lý cấp trên.

Cách thức thực hiện

- Tiếp công dân tại phòng tiếp công dân (tầng 1) Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, số 38 đường Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Thành phần hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn thư khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại.
- Văn bản trả lời của người bị khiếu nại.
- Các văn bản về thẩm tra, xác minh.

	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giải quyết khiếu nại. - Tài liệu khác có liên quan...
Thời hạn giải quyết	<p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: Xử lý đơn: 10 ngày làm việc. - Giai đoạn 2: Giải quyết đơn: Thời gian giải quyết lần đầu là 30 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý; Đối với trường hợp phức tạp không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. - Thời gian trả kết quả thông thường là 55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Thanh tra Sở và đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quyết định giải quyết khiếu nại lần , lần 2
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn khiếu nại, giấy uỷ quyền khiếu nại (Ban hành kèm theo quyết định số 1131/QĐ-TTCP ngày 18/6/2008) của Thanh tra Chính phủ
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	<p>Theo Điều 2, Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại. - người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật trong trường hợp thông qua người đại diện để thực hiện việc khiếu nại thì người đại diện phải theo quy định tại Điều 1 Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ. - Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại và gửi đúng

đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

- Việc khiếu nại chưa có quyết định giải quyết lần hai.

- Việc khiếu nại chưa được toà án thụ lý để giải quyết.

Căn cứ pháp lý của
TTHC

- Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật Khiếu nại, tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2004 và 2005.

- Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khiếu nại tố cáo và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo.

- Chỉ thị 36/2004/CT-TTg ngày 27/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về ban hành qui định tiếp Công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thành phố Hà Nội.

- Chỉ thị 09-CT/TW ngày 06/03/2002 của Ban chấp hành Trung ương về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay.

MẪU SỐ 32

*(ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCP ngày 18 tháng 6 năm 2008
của Tổng thanh tra)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi: (1)

Họ và tên: (2); Mã số hồ sơ: (3)

Địa chỉ:

Khiếu nại (4)

Nội dung khiếu nại (5)

.....

(Tài liệu, chứng từ kèm theo - nếu có)

NGƯỜI KHIẾU NẠI
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(2) Họ tên của người khiếu nại,

- Nếu là đại diện khiếu nại cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện.

- Nếu là người được ủy quyền khiếu nại thì ghi rõ theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

(3) Nội dung này do cơ quan giải quyết khiếu nại ghi.

(4) Khiếu nại lần đầu (hoặc lần hai) đối với quyết định, hành vi hành chính của ai?

(5) Nội dung khiếu nại

- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến khiếu nại;

- Yêu cầu (đề nghị) của người khiếu nại (nếu có);

45. Tên thủ tục: Thủ tục đơn thư.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> * Bước 1: Nhận đơn - Tiếp nhận đơn, nhập vào phần mềm quản lý đơn thư * Bước 2 Phân loại và xử lý đơn + Đối với đơn khiếu nại: - Đối với đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở và Giám đốc Sở và có đủ các điều kiện để giải quyết thì cơ quan có thẩm quyền thụ lý để giải quyết và gửi thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại cho cá nhân hoặc tổ chức chuyên đơn. Trong trường hợp đơn khiếu nại có chữ ký của nhiều người thì chuyển trả đơn và toàn bộ tài liệu kèm theo (nếu có) cho người gửi đơn và hướng dẫn người khiếu nại viết đơn khiếu nại riêng từng người để thực hiện việc khiếu nại. - Đối với đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở và Giám đốc Sở, đơn khiếu nại về vụ việc đã có khiếu nại giải quyết lần hai thì cơ quan không thụ lý nhưng có văn bản chỉ dẫn, trả đơn người khiếu nại (có phiếu đơn khiếu nại). Việc chỉ dẫn, trả lời chỉ thực hiện một lần đối với một vụ việc khiếu nại; trong trường hợp người khiếu nại gửi kèm các giấy tờ, tài liệu là bản gốc liên quan đến vụ việc thì cơ quan trả lại các giấy tờ đó cho người khiếu nại. + Đối với đơn tố cáo: - Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thì phải thụ lý để giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại, tố cáo. - Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thì chậm, nhất trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đơn, theo đề xuất của CB tiếp dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở và Giám đốc Sở phải chuyển đơn các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) đến cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. + Đối với đơn phản ánh, kiến nghị : - Gửi cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu, nắm bắt thông tin, giải quyết.
Cách thức thực hiện	- Tiếp công dân tại phòng tiếp công dân (tầng 1) Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, số 38 đường Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hồ sơ gồm: + Đơn khiếu nại, đơn tố cáo và các loại tài liệu, chứng từ có liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có) - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Nếu đơn tố cáo do đơn vị mình thụ lý phải được tiến hành chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo.

-Nếu đơn tố cáo không thuộc đơn vị minh thụ lý thì việc chuyển đơn tố cáo phải thực hiện trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn.

Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Thanh tra Sở và đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản trả lời, văn bản hướng dẫn hoặc văn bản thụ lý giải quyết khiếu nại tố cáo
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn khiếu nại, giấy uỷ quyền khiếu nại (Ban hành kèm theo quyết định số 1131/QĐ-TTCP ngày 18/6/2008) của Thanh tra Chính phủ
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Căn cứ Nghị định số 136/2006/N Đ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khiếu nại tố cáo và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo. - Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về ban hành qui định tiếp Công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thành phố Hà Nội.

MẪU SỐ 32

*(ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCP ngày 18 tháng 6 năm 2008
của Tổng thanh tra)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi: (1)

Họ và tên: (2); Mã số hồ sơ: (3)

Địa chỉ:

Khiếu nại (4)

Nội dung khiếu nại (5)

.....
(Tài liệu, chứng từ kèm theo - nếu có)

NGƯỜI KHIẾU NẠI

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(2) Họ tên của người khiếu nại.

- Nếu là đại diện khiếu nại cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện.

- Nếu là người được ủy quyền khiếu nại thì ghi rõ theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

(3) Nội dung này do cơ quan giải quyết khiếu nại ghi.

(4) Khiếu nại lần đầu (hoặc lần hai) đối với quyết định, hành vi hành chính của ai?

(5) Nội dung khiếu nại

- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến khiếu nại;

- Yêu cầu (đề nghị) của người khiếu nại (nếu có);

46. Tên thủ tục: Thủ tục giải quyết tố cáo.

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Chuẩn bị giải quyết tố cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người tố cáo gửi đơn đến Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội. Trong đơn tố cáo phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo; nội dung tố cáo. Trong trường hợp người bị tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì người có trách nhiệm tiếp nhận ghi lại nội dung tố cáo, họ tên, địa chỉ của người tố cáo, có chữ ký của người tố cáo. - Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo, đơn tố cáo được thụ lý giải quyết. <p>* Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Sở ra quyết định về việc tiến hành xác minh nội dung tố cáo. Người giải quyết tố cáo có quyền và nghĩa vụ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu người tố cáo cung cấp bằng chứng, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo. + Yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo. + Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo. + Trưng cầu giám định, tiến hành các biện pháp khác theo qui định của pháp luật.
Cách thức thực hiện	<p>* Bước 3: Kết thúc giải quyết tố cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp công dân tại phòng tiếp công dân (tầng 1) Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, số 38 đường Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo. - Biên bản xác minh, kết quả giám định, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết. - Văn bản giải trình của người bị tố cáo. - Kết luận về nội dung tố cáo, văn bản kiến nghị biện pháp xử lý. - Quyết định xử lý. - Các tài liệu khác có liên quan.
Thời hạn giải quyết	<p>b) Số lượng hồ sơ: (bộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: Xử lý đơn: 10 ngày làm việc. - Giai đoạn 2: Giải quyết đơn: <ul style="list-style-type: none"> + Thông thường là 60 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý. + Phức tạp là 90 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý. - Thời gian trả kết quả thông thường là 70 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn; Phức tạp là 100 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

Đối tượng thực hiện - Cá nhân.

TTHC

Cơ quan thực hiện a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Thanh tra Sở và đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả của việc thực hiện TTHC Quyết định Xử lý tố cáo

Phí, lệ phí Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai Đơn tố cáo (Ban hành kèm theo quyết định số 1131/QĐ-TTCT ngày 18/6/2008) của Thanh tra Chính phủ

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có) Không.

Căn cứ pháp lý của TTHC - Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật Khiếu nại, tố cáo sửa đổi bổ sung năm 2004 và 2005.

- Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khiếu nại tố cáo và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo.

- Chỉ thị 36/2004/CT-TTg ngày 27/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về ban hành qui định tiếp Công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thành phố Hà Nội.

- Chỉ thị 09-CT/TW ngày 06/03/2002 của Ban chấp hành Trung ương về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay.

- Thông tư 01/2009/TT-TTCT ngày 15/12/2009 của Thanh tra Chính phủ.

MẪU SỐ 46

(ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCP ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Tổng thanh tra)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày tháng năm

ĐƠN TỐ CÁO

Kính gửi: (1)

Tên tôi là:

Địa chỉ:

Tôi làm đơn này tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của:

..... (2)

Nay tôi đề nghị:

..... (3)

Tôi xin cam đoan những nội dung tố cáo trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu cố tình tố cáo sai.

NGƯỜI TỐ CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan tiếp nhận tố cáo.

(2) Họ tên, chức vụ và hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo.

(3) Người, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo xác minh, kết luận và xử lý người có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

II. Lĩnh vực Lâm nghiệp

1. Thủ tục: Cấp giấy chứng chỉ công nhận: Cây trội (cây mẹ).

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
 - Sở Nông nghiệp và PTNT:
 - + Tiếp nhận hồ sơ, thụ lý viết phiếu hẹn
 - + Xem xét thẩm định hồ sơ và kiểm tra hiện trường, trình kết quả
 - + Cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống, trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tới Sở Nông nghiệp và PTNT số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - Đơn đăng ký theo mẫu biểu 05 (ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
 - Báo cáo kỹ thuật.
 - b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian theo quy định: Chưa quy định
 - Thời gian thực tế: Theo thực tế chu kỳ sinh trưởng của giống cây cấp chứng chỉ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - Tổ chức;
 - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Chứng chỉ
- Lệ phí: 1.000.000 đồng/ 01 lần bình tuyển, công nhận (theo Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo mẫu biểu 05 (ban hành kèm theo Quyết định 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không
- Căn cứ pháp lý của
 - Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11,

TTHC

ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- QĐ số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố về việc thu phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn thành phố Hà Nội.

MẪU BIỂU SỐ 05**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn

Tên chủ nguồn giống

(Đơn vị hoặc cá nhân)

Địa chỉ

(Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)

Loài cây

Tên khoa học

Tên Việt Nam

Vị trí hành chính và địa lý của Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ...

nguồn giống xin công nhận Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường:

Vĩ độ: Kinh độ:

Độ cao trên mặt nước biển:

Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:

Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng):

Tuổi trung bình hoặc năm trồng:

Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):

Sơ đồ bố trí cây trồng:

Diện tích:

Chiều cao trung bình (m):

Đường kính trung bình ở 1.3m (m):

Đường kính tán cây trung bình (m):

Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha):

Tình hình ra hoa, kết hạt:

Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

Lâm phân tuyển chọn

Rừng giống chuyển hóa

Rừng giống trồng

Cây mẹ (cây trội)

Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chữ ký của người làm đơn

(Con dấu của đơn vị nếu có)

B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 200...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chi Cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp

hoặc **Trưởng phòng Lâm nghiệp Sở**

(Ký tên)

2. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng chỉ công nhận Lâm phần tuyển chọn.

- | | |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
- Sở Nông nghiệp và PTNT:
+ Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn
+ Xem xét, thẩm định hồ sơ và kiểm tra hiện trường.
+ Cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống và trả kết quả khi đến hẹn. |
| - Cách thức thực hiện | Trực tiếp tới Sở Nông nghiệp và PTNT số 38 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
- Đơn đăng ký theo mẫu biểu 05 (Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
- Báo cáo kỹ thuật.
b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | - Thời gian quy định: Chưa quy định
- Thời gian thực tế: Theo chu kỳ sinh trưởng của giống cây |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | - Tổ chức;
- Cá nhân. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT.
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | - Chứng chỉ |
| - Lệ phí | - Bình tuyển công nhận rừng giống: 3.000.000 đồng/01 lần bình tuyển, công nhận (theo Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố). |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (theo mẫu biểu 05 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | - Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | - Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11, ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp
- Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố v/v thu phí bình tuyển, công nhận cây mọ, cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn thành phố Hà Nội |

MẪU BIỂU SỐ 05**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn

Tên chủ nguồn giống

(Đơn vị hoặc cá nhân)

Địa chỉ

(Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)

Loại cây

Tên khoa học

Tên Việt Nam

Vị trí hành chính và địa lý của Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ...

nguồn giống xin công nhận Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường:

Vĩ độ: Kinh độ:

Độ cao trên mặt nước biển:

Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:

Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng):

Tuổi trung bình hoặc năm trồng:

Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):

Sơ đồ bố trí cây trồng:

Diện tích:

Chiều cao trung bình (m):

Đường kính trung bình ở 1,3m (m):

Đường kính tán cây trung bình (m):

Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha):

Tình hình ra hoa, kết hạt:

Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

- Lâm phần tuyển chọn
- Rừng giống chuyển hóa
- Rừng giống trồng
- Cây mẹ (cây trội)
- Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chữ ký của người làm đơn
(Con dấu của đơn vị nếu có)

B - Phân dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 200...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chi Cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp
hoặc Trưởng phòng Lâm nghiệp Sở
(Ký tên)

3. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.

- | | |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
- Sở Nông nghiệp và PTNT:
+ Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn.
+ Tiến hành thẩm định qua sổ sách, cơ sở sản xuất (khi cần thiết): sổ theo dõi vật liệu giống, nguồn gốc và mã số lô giống, phẩm chất kỹ thuật của lô cây con.
+ Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống lô cây con và trả kết quả khi đến hẹn |
| - Cách thức thực hiện | Trực tiếp tới Sở Nông nghiệp và PTNT số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
- Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm (theo mẫu biểu 15 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN)
- Sổ nhật ký vườn ươm.
- Bản sao giấy chứng nhận nguồn gốc giống, hoá đơn mua bán hàng (nếu đơn vị mua vật liệu giống của đơn vị khác).
b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | - Thời gian theo quy định: 10 ngày
- Thời gian thực tế: 10 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo kết quả sản xuất cây con của chủ nguồn giống. |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | - Tổ chức;
- Cá nhân. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | - Giấy chứng nhận |
| - Lệ phí | - Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | - Mẫu thông báo kết quả sản xuất cây con (theo mẫu biểu 15 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | - Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | - Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp |

MẪU BIỂU SỐ 15**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY CON LÂM NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

THÔNG BÁO**KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM CÂY LÂM NGHIỆP**

Kính gửi - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh ...

- Chi cục lâm nghiệp tỉnh

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính, chúng tôi xin thông báo kết quả sản xuất cây con của vụ/năm.....và đề nghị quý cơ quan thẩm định để cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống cho lô cây con sau đây:

Tên đơn vị SXKDGLN	
Địa chỉ của đơn vị SXKDGLN	
Loại cây con được sản xuất	Cây ươm từ hạt Cây giâm hom Cây nuôi cấy mô
Mã số nguồn giống gốc được công nhận dùng để nhân giống	
Số lượng (kèm bản sao chứng nhận nguồn gốc lô giống và bản sao hoá đơn tài chính, phiếu xuất kho nếu mua vật liệu giống từ đơn vị khác)	Khối lượng (kg) hạt được đưa vào gieo ươm Số lượng hom/bình cấy Số lượng cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn
Ngày ... tháng ... năm 200...	Trưởng đơn vị SXKDGLN (ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo này phải được gửi tới Chi cục lâm nghiệp sở tại chậm nhất là 10 ngày trước khi đơn vị bán/giao cây con cho khách hàng.

4. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn - Cơ quan HCNN: <ul style="list-style-type: none"> + Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tiến hành tiếp nhận hồ sơ, thụ lý thẩm định các số liệu ghi trong thông báo thu hoạch giống và năng lực thực tế của nguồn giống sản xuất ra lô giống xin chứng nhận. Sau khi kiểm tra đủ các điều kiện, Sở Nông nghiệp và PTNT cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống. + Trả kết quả khi đến hẹn. |
| - Cách thức thực hiện | - Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT số 38 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội. |
| - Thành phần Hồ sơ | <p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kế hoạch thu hoạch vật liệu giống theo mẫu biểu 13 (ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN) - Giấy chứng chỉ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (loài xin chứng nhận nguồn gốc lô giống). - Sổ nhật ký ghi chép số liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với hạt giống: Khối lượng hạt thu hoạch được, khối lượng hạt nhập kho sau khi đã qua tinh chế. + Đối với giống vô tính: Số hom hoặc số bình cây (mô), số cây giống vô tính đã nhân thành công <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ)</p> |
| - Thời hạn giải quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian theo quy định: 15 ngày - Thời gian thực tế: 15 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo thu hoạch giống của chủ nguồn giống. |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức; - Cá nhân. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt Sở NN&PTNT</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p> |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | - Giấy chứng nhận |
| - Lệ phí | - Không |

- | | |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | - Mẫu thông báo kết quả sản xuất cây con (theo mẫu biểu 13 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | - Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp |

MẪU THÔNG BÁO THU HOẠCH GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

-----000-----

**THÔNG BÁO
THU HOẠCH VẬT LIỆU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP****Kính gửi:** - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh
- Chi cục lâm nghiệp tỉnh

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính; căn cứ vào sản lượng hiện thời của nguồn giống của đơn vị (hoặc của chủ nguồn giống có hợp đồng kinh tế với đơn vị), chúng tôi xin thông kế hoạch tiến hành thu hoạch vật liệu giống theo thời gian và khối/số lượng dự kiến như sau:

Phần 1: Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp

Tên chủ nguồn giống

Địa chỉ kèm theo

Tel/Fax/Email của chủ nguồn giống

Đơn vị thu hái vật liệu giống

Chủ nguồn giống tự tổ chức thu hái

Đơn vị SXKDGLN tổ chức thu hái theo hợp đồng với chủ nguồn giống.

Loài cây được thu hoạch giống

Mã số nguồn giống

Địa điểm nguồn giống được thu hái

Loại hình nguồn giống

(theo ch?ng ch? công nhận nguồn giống)

Lâm phần tuyển

chọn

Rừng giống chuyên

hoá

Rừng giống

Vườn giống

Bình cây mô

Cây mẹ (Cây trội)

Vườn cung

cấp hom

Thời gian dự kiến thu hoạch giống

Ngày bắt đầu:

Ngày kết thúc:

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống

Phần 2: Kết quả thu hoạch giống và xin cấp chứng nhận lô giống thu hoạch được

Thời gian thu hoạch thực tế

Ngày bắt đầu:

Ngày kết thúc:

Lượng thu hoạch thực tế sau khi
tinh chế/xử lý

Kg (đối với hạt giống)

Số hom (đối với vật liệu sinh dưỡng)

Số bình cây (đối với vật liệu nuôi cây mô)

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống

Ghi chú: Thông báo này được làm thành 3 liên. Liên đầu (bản gốc) được chủ nguồn giống lưu giữ và điền các thông tin thích hợp theo tiến độ thực hiện việc thu hoạch giống. Liên 2 được chủ nguồn giống gửi tới Chi cục Lâm nghiệp tỉnh sau khi đã điền vào phần 1, chậm nhất là 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống. Liên 3 được gửi tới Chi cục Lâm nghiệp tỉnh sau khi đã điền phần 2 và kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo để xin cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.

5. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng chỉ công nhận: Rừng giống chuyên hoá.

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
 - Sở Nông nghiệp và PTNT:
 - + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn
 - + Xem xét thẩm định hồ sơ và kiểm tra hiện trường.
 - + Cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống, trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - Đơn đăng ký theo mẫu biểu 05 (Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
 - Báo cáo kỹ thuật.
 - b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian quy định: Không xác định
 - Thời gian thực tế: Theo chu kỳ sinh trưởng của từng loại cây
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT.
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - Chứng chỉ
- Lệ phí
 - Bình tuyển công nhận rừng giống: 3.000.000 đồng/01 lần bình tuyển, công nhận (theo Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố)
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (theo mẫu biểu 05 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11, ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
 - Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp
 - Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố về việc thu phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn TP Hà Nội

MẪU BIỂU SỐ 05**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn

Tên chủ nguồn giống

(Đơn vị hoặc cá nhân)

Địa chỉ

(Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)

Loài cây

Tên khoa học

Tên Việt Nam

Vị trí hành chính và địa lý của
nguồn giống xin công nhận

Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ...

Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường:

Vĩ độ: Kinh độ:

Độ cao trên mặt nước biển:

Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:

Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng):

Tuổi trung bình hoặc năm trồng:

Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cây mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):

Sơ đồ bố trí cây trồng:

Diện tích:

Chiều cao trung bình (m):

Đường kính trung bình ở 1.3m (m):

Đường kính tán cây trung bình (m):

Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha):

Tình hình ra hoa, kết hạt:

Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

Lâm phần tuyển chọn

Rừng giống chuyên hóa

Rừng giống trồng

Cây mẹ (cây trội)

Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chữ ký của người làm đơn

(Con dấu của đơn vị nếu có)

B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 200...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chi Cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp

hoặc Trưởng phòng Lâm nghiệp Sở

(Ký tên)

6. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng chỉ công nhận Rừng giống cây trồng lâm nghiệp.

- | | |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
- Sở Nông nghiệp và PTNT:
+ Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn
+ Xem xét thẩm định hồ sơ và kiểm tra hiện trường.
+ Cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống, trả kết quả khi đến hẹn. |
| - Cách thức thực hiện | Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
- Đơn đăng ký (theo mẫu biểu 05 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).
- Báo cáo kỹ thuật.
b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | - Thời gian quy định: Không xác định
- Thời gian thực tế: Theo chu kỳ sinh trưởng của từng loại cây |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | - Tổ chức;
- Cá nhân. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT.
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | - Chứng chỉ |
| - Lệ phí | - Bình tuyển công nhận rừng giống: 3.000.000 đồng/01 lần bình tuyển, công nhận (theo Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố). |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29/12/2005 của Bộ NN& PTNT). |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | - Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | - Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11, ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp |

MẪU BIỂU SỐ 05**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn

Tên chủ nguồn giống

(Đơn vị hoặc cá nhân)

Địa chỉ

(Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)

Loại cây

Tên khoa học

Tên Việt Nam

Vị trí hành chính và địa lý của
nguồn giống xin công nhận

Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ...

Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường:

Vĩ độ: Kinh độ:

Độ cao trên mặt nước biển:

Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:

Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng):

Tuổi trung bình hoặc năm trồng:

Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):

Sơ đồ bố trí cây trồng:

Diện tích:

Chiều cao trung bình (m):

Đường kính trung bình ở 1.3m (m):

Đường kính tán cây trung bình (m):

Cụ ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha):

Tình hình ra hoa, kết hạt:

Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

Lâm phần tuyển chọn

Rừng giống chuyển hóa

Rừng giống trồng

Cây mẹ (cây trội)

Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chữ ký của người làm đơn

(Con dấu của đơn vị nếu có)

B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 200...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chi Cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp

hoặc Trưởng phòng Lâm nghiệp Sở

(Ký tên)

7. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng chỉ công nhận Cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom).

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
 - Sở Nông nghiệp và PTNT:
 - + Tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn;
 - + Xem xét thẩm định hồ sơ và kiểm tra hiện trường;
 - + Cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - Đơn đăng ký theo mẫu biểu 05 (ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-Bộ Nông nghiệp và PTNT, ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
 - Báo cáo kỹ thuật.
 - b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian quy định: Không xác định
 - Thời gian thực tế: Theo chu kỳ sinh trưởng của từng loại cây
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - Chứng chỉ
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - Tổ chức;
 - Cá nhân.
- Lệ phí
 - Bình tuyến công nhận cây đầu dòng: 1.000.000 đồng/01 lần (theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Đơn đăng ký nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN, ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL,-UBTVQH11, ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
 - Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp
 - Quyết định 27/2009/QĐ-UBND, ngày 09/01/2009 của UBND Thành phố về việc thu phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn TP Hà Nội

MẪU BIỂU SỐ 05**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH*****Kính gửi:* Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh**

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnhthẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn

Tên chủ nguồn giống

(Đơn vị hoặc cá nhân)

Địa chỉ

(Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)

Loài cây

Tên khoa học

Tên Việt Nam

Vị trí hành chính và địa lý của
nguồn giống xin công nhận

Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ...

Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường:

Vĩ độ: Kinh độ:

Độ cao trên mặt nước biển:

Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:

Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng):

Tuổi trung bình hoặc năm trồng:

Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):

Sơ đồ bố trí cây trồng:

Diện tích:

Chiều cao trung bình (m):

Đường kính trung bình ở 1.3m (m):

Đường kính tán cây trung bình (m):

Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha):

Tình hình ra hoa, kết hạt:

Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

- Lâm phần tuyển chọn
- Rừng giống chuyên hóa
- Rừng giống trồng
- Cây mẹ (cây trội)
- Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chữ ký của người làm đơn

(Con dấu của đơn vị nếu có)

B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT

Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 200...

Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:

Ngày họp Hội đồng thẩm định:

Ngày ... tháng ... năm 200...

Chi Cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp

hoặc Trưởng phòng Lâm nghiệp Sở

(Ký tên)

8. Tên thủ tục: Hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống (5 loại: Cây trội, Lâm phần tuyển chọn, Rừng giống chuyên hoá, Rừng giống trồng, Vườn cây đầu dòng)

- Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi tới hẹn - Cơ quan HCNN: + Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận hồ sơ, viết giấy hẹn, thành lập hội đồng thẩm định nguồn giống. Căn cứ vào biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định nguồn giống, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định đình chỉ hiệu lực của chứng chỉ công nhận lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyên hoá, rừng giống trồng, cây mẹ, cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom) trên địa bàn Thành phố; + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Đơn xin hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống (nếu chủ nguồn giống tự nguyện). - Biên bản thẩm định nguồn giống của Hội đồng thẩm định nguồn giống. b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian quy định: 10 ngày - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quyết định hành chính
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

9. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất của tổ chức ngoài quốc doanh.

- | | |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | - Tổ chức: Nộp hồ sơ tại Sở NN&PTNT Hà Nội, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi tới hẹn
- Sở Nông nghiệp và PTNT: Tiếp nhận thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ đảm bảo quy trình kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định phê duyệt dự án. |
| - Cách thức thực hiện | Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
- Tờ trình xin phê duyệt dự án.
- Thiết kế kỹ thuật và dự toán trồng rừng.
b) Số lượng hồ sơ: 04 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | - Thời gian quy định: 15 ngày
- Thời gian thực tế: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | - Tổ chức |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | - Quyết định hành chính |
| - Lệ phí | - Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | - Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | - Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | - Quyết định số 147/2007/QĐ- TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015
- Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BKH-NN-TC ngày 23/6/2008 của Liên bộ Bộ Kế hoạch và đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 147/2007/QĐ-TTg. |

10. Tên thủ tục: Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản/sinh trưởng ĐVHD

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Đối với cơ quan HCNN: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ đề nghị đăng ký trại nuôi sinh sản/sinh trưởng ĐVHD; + Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản/sinh trưởng ĐVHD nếu đủ điều kiện; + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội - Ba La - Phúc La - Hà Đông - Hà Nội - Kiểm tra tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Đơn đề nghị đăng ký trại nuôi sinh sản/sinh trưởng ĐVHD; + Hồ sơ chứng minh. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 13 ngày - Thời gian thực tế: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng bảo tồn và phát triển Sinh vật rừng CC Kiểm Lâm Hà Nội d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Đơn vị trực thuộc cơ quan
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30.8.2006, có hiệu lực ngày 4.9.2008 về việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu tái xuất khẩu nhập nội từ biên, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loại động, thực vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm

11. Tên thủ tục: Giấy phép vận chuyển đặc biệt

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Đối với cơ quan HCNN: + Tiếp nhận, ghi phiếu nhận hồ sơ. + Thu lý và cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội - Ba La - Phúc La - Hà Đông - Hà Nội - Kiểm tra tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: đơn, hồ sơ chứng minh b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 5 ngày - Thời gian thực tế: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức; - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục kiểm lâm b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: phòng TTPC d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Đơn vị trực thuộc liên quan
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Giấy phép
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	Quyết định số 59/2005/QĐ - BNN ngày 10/10/2005 của Bộ NN & PTNT về việc ban hành quy định kiểm tra, kiểm soát lâm sản

12. Tên thủ tục: Cho thuê rừng đối với tổ chức

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức:
 - + Làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện để được giới thiệu và thoả thuận địa điểm khu rừng đề nghị Nhà nước cho thuê.
 - + Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
 - Cơ quan HCNN:
 - + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiên hành: Chỉ định đơn vị tư vấn lập hồ sơ xác định ranh giới, diện tích, trạng thái, giá trị khu rừng. Công bố công khai trên một số phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương việc Tổ chức có nhu cầu được thuê rừng đã nộp hồ sơ về huyện để được thuê rừng, địa điểm khu rừng xin được giao và tiếp nhận những thông tin phản hồi của xã hội. Thẩm định hồ sơ thuê rừng do đơn vị tư vấn lập và các điều kiện về giao rừng; tính khả thi của Dự án đầu tư khu rừng của tổ chức. Lập, trình UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch đầu giá quyền sử dụng rừng trong trường hợp tổ chức, được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng theo phương thức đầu giá. Gửi hồ sơ có liên quan đến khu rừng tới cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có). Lập hồ sơ thuê rừng cho tổ chức trình UBND Thành phố
 - + Sau khi nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND TP xem xét và ký quyết định cho thuê rừng đối với tổ chức.
 - + Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chủ trì và phối hợp với uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc bàn giao rừng cho tổ chức có sự tham gia của uỷ ban nhân dân cấp xã, phòng chức năng, các chủ rừng liên kế; lập biên bản bàn giao rừng với tổ chức, cá nhân (phụ lục 5).
 - Sau khi nhận rừng tại thực địa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức có trách nhiệm đóng cột mốc khu rừng được giao có sự chứng kiến của đại diện uỷ ban nhân dân cấp xã và chủ rừng có chung ranh giới (phụ lục 6).
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội
 - Tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - Đơn xin thuê rừng
 - Quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh (bản phô tô công chứng).
 - Dự án đầu tư khu rừng.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian theo quy định: 45 ngày
 - Thời gian thực tế: 30 - 45 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện TTHC - Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT
 - d) Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện
- Kết quả của việc thực hiện TTHC - Quyết định hành chính
- Lệ phí - Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Đơn xin thuê rừng: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
 - Biểu thống kê đặc điểm khu rừng cho thuê: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
 - Hợp đồng thuê rừng và biên bản bàn giao rừng: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
 - Phiếu đo đạc ngoài thực địa, phiếu tính diện tích, phiếu đo đếm cây gỗ rừng: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) - Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.
 - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng.
 - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ NN và PTNT hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THUÊ RỪNG
(*dùng cho hộ gia đình, cá nhân*)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)
UBND huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....

1. Họ và tên người xin thuê rừng (*Viết chữ in hoa*) (1)
.....
năm sinh.....
Số CMND:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
Họ và tên vợ hoặc chồng (*Viết chữ in hoa*).....năm
sinh.....
Số CMND:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
2. Địa chỉ liên hệ.....
3. Địa điểm khu rừng xin thuê(2).....
4. Diện tích xin thuê rừng (ha).....
5. Thời hạn thuê rừng (*năm*).....
6. Để sử dụng vào mục đích (3).....
7. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; trả tiền thuê rừng đầy đủ và đúng hạn.

.....ngày tháng năm

Trưởng thôn xác nhận
(*Ký và ghi rõ họ, tên*)

Người xin giao rừng
(*Ký và ghi rõ họ, tên*)

Xác nhận của UBND xã

1. Xác nhận về nhân thân hộ gia đình, cá nhân
2. Về nhu cầu và khả năng sử dụng rừng của người xin giao rừng.....
3. Về sự phù hợp với quy hoạch.....

..... ngày tháng năm.....

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(*Ký tên và đóng dấu*)

1. Đối với hộ gia đình thì ghi "Hộ ông/bà" ghi họ, tên, năm sinh, số CMND và ngày, nơi cấp; trường hợp cả hai vợ chồng cùng xin thuê rừng thì ghi họ, tên, số CMND và ngày, nơi cấp của cả vợ và chồng.
2. Địa điểm khu rừng xin giao ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, xã, huyện, tỉnh.
3. Thuê để sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch

Mẫu số /LN

BIỂU THÔNG KÊ ĐẶC ĐIỂM KHU RỪNG GIAO, CHO THUÊ, THU HỒI RỪNG
(kèm theo Quyết định số , ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân.....)

Tỉnh, thành phố:.....

Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Xã, phường, thị trấn

TT	Vị trí, địa điểm			Diện tích	Loại rừng	Trạng thái	Trừ lượng	Mật độ	Cấp Phòng Hộ	Độ tàn che	Chiều cao	Loại cây	Năm trồng
	Tiểu khu	Kho ảnh	Lô										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
01													
02													
03													
04													
05													
06													
07													
08													
09													
10													
Cộng						x			x			x	

Ngày tháng năm 200

Thủ trưởng đơn vị (2)

Đơn vị tư vấn(1):

Người lập biểu

(ký tên và đóng dấu)

.....

1. Đơn vị tư vấn là cơ quan trực tiếp đo đếm, xác định các đặc điểm của khu rừng
2. Mẫu biểu này được sử dụng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng và hợp đồng thuê rừng. Biểu được thống kê theo từng xã
3. Cột 10 ghi lô đó thuộc cấp phòng hộ nào; rất xung yếu, xung yếu hay ít xung yếu.
4. Cột 13 trường hợp là rừng tự nhiên thì ghi tổ thành nhóm loài cây chủ yếu, nếu là rừng trồng thì ghi tên loài cây trồng.
5. Cột 14 ghi năm trồng đối với rừng trồng

13. Tên thủ tục: Giao rừng đối với tổ chức

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức:
 - + Làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện để được giới thiệu và thoả thuận địa điểm khu rừng đề nghị Nhà nước giao.
 - + Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn
 - Cơ quan HCNN:
 - + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành: Chỉ định đơn vị tư vấn lập hồ sơ xác định ranh giới, diện tích, trạng thái, giá trị khu rừng. Công bố công khai trên một số phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương việc Tổ chức có nhu cầu được giao rừng đã nộp hồ sơ về huyện để được giao rừng, địa điểm khu rừng xin được giao và tiếp nhận những thông tin phản hồi của xã hội. Thẩm định hồ sơ giao rừng do đơn vị tư vấn lập và các điều kiện về giao rừng; tính khả thi của Dự án đầu tư khu rừng của tổ chức. Lập, trình UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch đầu tư giá quyền sử dụng rừng trong trường hợp tổ chức, được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng theo phương thức đầu tư giá. Gửi hồ sơ có liên quan đến khu rừng tới cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có). Lập hồ sơ giao rừng cho tổ chức trình UBND Thành phố
 - + Sau khi nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND TP xem xét và ký quyết định giao rừng đối với tổ chức.
 - + Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có). Chủ trì và phối hợp với uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc bàn giao rừng cho tổ chức có sự tham gia của uỷ ban nhân dân cấp xã, phòng chức năng, các chủ rừng liền kề; lập biên bản bàn giao rừng với tổ chức, cá nhân (phụ lục 5).
 - Sau khi nhận rừng tại thực địa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức có trách nhiệm đóng cột mốc khu rừng được giao có sự chứng kiến của đại diện uỷ ban nhân dân cấp xã và chủ rừng có chung ranh giới (phụ lục 6).
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội
 - Tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - Đơn xin giao rừng
 - Quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh (bản phô tô công chứng).
 - Dự án đầu tư khu rừng.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian theo quy định: 35 ngày
 - Thời gian thực tế: 35 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện TTHC + Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT
 - d) Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện
- Kết quả của việc thực hiện TTHC - Quyết định hành chính
- Lệ phí - Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Đơn xin giao rừng: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
 - Biểu thống kê đặc điểm khu rừng cho thuê: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
 - Hợp đồng thuê rừng và biên bản bàn giao rừng: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
 - Phiếu đo đạc ngoài thực địa, phiếu tính diện tích, phiếu đo đếm cây gỗ rừng: Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) - Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.
 - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng.
 - Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIAO RỪNG
(dùng cho tổ chức)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).....

-
1. Tên tổ chức xin giao rừng *(Viết chữ in hoa)* (1)
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Địa chỉ liên hệ
 -Điện thoại.....
 4. Địa điểm khu rừng xin giao (2).....
 5. Diện tích xin giao rừng (ha)
 6. Để sử dụng vào mục đích (3)
 7. Thời hạn sử dụng (năm)
 8. Phương thức nộp tiền sử dụng rừng (nếu có).....
 9. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nộp tiền sử dụng rừng (nếu có) đầy đủ, đúng hạn.....
 -
 - Các cam kết khác (nếu có)
 -

....., ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ, tên chức danh và đóng dấu)

-
1. Đối với tổ chức phải ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 2. Địa điểm khu rừng xin giao ghi rõ tên xã (phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và tên tiểu khu, khoảnh, lô.
 3. Mục đích để quản lý, bảo vệ, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch, nghiên cứu khoa học.

PHIẾU ĐO ĐẾM TRE NÚA

Họ và tên chủ rừng:

Thôn(bản):.....

Tiểu khu:.....Xã:.....

KhoảnhHuyện:.....

Nhóm trạng thái rừng:..... Tỉnh:

Ô tiêu chuẩn số:.....

Loài cây.....Năm trồng.....

Loài	TT bui	Tổng số cây	Số cây			Đbq (cm)	Hbq (m)	Ghi chú
			<i>Non</i>	<i>TB</i>	<i>Già</i>			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>

Ngày điều tra:

Người điều tra:

PHIẾU ĐO ĐẾM TIẾT DIỆN NGANG

(áp dụng giao rừng cho cộng đồng dân cư)

Số OTC Ngày điều tra:.....

Trạng thái rừng:.....

Nhóm điều tra:.....

STT	Vượt	Vừa	Lọt
1	<u>1</u>		
2		<u>0,5</u>	
3			<u>0</u>

Chú ý : Dùng thước Bitteclich để đo và ghi số liệu bảng này. Nếu người đọc là vượt thì ghi số 1. Nếu người đọc là vừa thì ghi số 0,5. Nếu người đọc là lọt thì ghi số 0

PHIẾU ĐO ĐẾM LOÀI CÂY GỖ RỪNG TỰ NHIÊN

Họ và tên chủ rừng:

Thôn(bản):.....

Tiểu khu:.....Xã:.....

KhoảnhHuyện:.....

Nhóm trạng thái rừng:..... Tỉnh:

Ô tiêu chuẩn số:.....

TT	Tên loài cây	D _{1,3} (cm)	Chiều cao (vút ngọn)	Phẩm chất	Ghi chú
1	2	3	4	6	7

Ngày điều tra:

Người điều tra:

PHIẾU TÍNH DIỆN TÍCH

Họ và tên chủ rừng:

Thôn(bản):.....

Tiểu khu:.....Xã:.....

KhoảnhHuyện:

Nhóm trạng thái rừng:..... Tỉnh:

Ô tiêu chuẩn số:.....

Loại rừng		Số hiệu lô và diện tích lô						Tổng cộng
		2	3	4	5	6	7	
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
SH lô								
	diện tích							
Cộng								

Người tính:

Ngày tính.....

Phụ lục 5
MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ RỪNG VÀ BIÊN BẢN BÀN GIAO RỪNG

Mẫu số

/LN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

Số:...../HD-TR

HỢP ĐỒNG THUÊ RỪNG

(Áp dụng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước)

....., ngày..... tháng.....

năm.....

Căn cứ vào Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004.

Căn cứ vào Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

Căn cứ vào đề nghị được thuê rừng của Bên thuê rừng và Quyết định cho thuê rừng số (1).....

.....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê rừng là UBND huyện

Do ông (bà).....làm đại diện (2)

II. Bên thuê rừng là (3).....

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê rừng với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê rừng cho Bên thuê rừng thuê khu rừng như sau:

1. Diện tích rừngha.....

Tại (4).....

để sử dụng vào mục đích (5).....(đặc dụng, phòng hộ, sản xuất).

2. Vị trí, ranh giới và đặc điểm khu rừng ghi trong biểu và bản đồ kèm theo.

3. Thời hạn thuê rừng là.....năm,

kể từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....(6)

4. Bên thuê rừng phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Bên thuê rừng có trách nhiệm trả tiền thuê rừng theo qui định sau:

1. Giá tiền thuê rừng là.....đồng/ha/năm (7).....

2. Tiền thuê rừng được tính từ ngày.....tháng.....năm.....

3. Phương thức và thời hạn nộp tiền thuê rừng ...

4. Nơi nộp tiền thuê rừng.....

Ngoài tiền thuê rừng, bên thuê rừng khi thực hiện các hoạt động tại Điều 1 còn phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo các quy định của Nhà nước và cộng đồng dân cư.

Điều 3. Việc sử dụng rừng thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng rừng đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên

1. Bên cho thuê rừng đảm bảo việc sử dụng rừng của Bên thuê rừng trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu rừng trên cho Bên thứ ba trừ trường hợp phải thu hồi rừng theo pháp luật đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê rừng không được chuyển quyền sử dụng rừng thuê; trường hợp Bên thuê rừng bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp mà hình thành pháp nhân mới thì pháp nhân mới được tiếp tục thuê rừng trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê rừng trả lại một phần khu rừng hoặc toàn bộ khu rừng thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê rừng trả lời cho Bên thuê rừng trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê rừng.

4. Hợp đồng thuê rừng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê rừng mà không được gia hạn thuê tiếp.
- Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê rừng đó chấp nhận.
- Bên thuê rừng bị phá sản hoặc giải thể.
- Bên thuê rừng không thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước theo Luật Bảo vệ và phát triển rừng hay bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi rừng theo qui định của pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 5. Hai bên cam kết thực hiện đúng qui định của Hợp đồng này, nếu Bên nào thực hiện không đúng thì Bên đó phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo qui định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có).....

Điều 6. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế đã xác định mức thu tiền thuê rừng, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê rừng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký..

Bên thuê rừng

(Ký tên và đóng dấu-nếu có)

Bên cho thuê rừng

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Quyết định cho thuê đất ghi rõ số, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung của quyết định.
2. Bên cho thuê rừng ghi rõ họ, tên, chức vụ của người làm đại diện.
3. Bên thuê rừng nếu là hộ gia đình thì ghi tên chủ hộ, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; nếu là cá nhân thì ghi tên cá nhân, địa chỉ nơi đăng ký thường trú, số CMND, tài khoản (nếu có); nếu là tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, họ, tên, chức vụ người đại diện, số tài khoản.
4. Vị trí, địa điểm khu rừng cho thuê ghi rõ tên xã, phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tiểu khu, khoảnh và lô (nếu có). Trường hợp cho thuê nhiều lô rừng thì phải có bảng kê cho từng lô rừng kèm theo.
5. Mục đích sử dụng rừng ghi theo Quyết định cho thuê rừng của UBND.
6. Thời hạn sử dụng rừng ghi theo quyết định cho thuê rừng của UBND và được ghi bằng số và bằng chữ.
7. Ghi rõ số tiền bằng số và bằng chữ.

Mẫu số II.N

BIỂU THỐNG KÊ ĐẶC ĐIỂM KHU RỪNG GIAO, CHO THUÊ, THU HỒI RỪNG

(kèm theo Quyết định số , ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân.....)

Tỉnh, thành phố:

Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

Xã, phường, thị trấn:

Số tt	Vị trí, địa điểm			Diện tích	Loại rừng	Trạng thái	Trữ lượng	Mật độ	Cấp Phòng hộ	Độ tàn che	Chiều cao	Loài cây	Năm trồng
	Tiểu khu	Khoản h	Lô										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
01													
02													
03													
04													
05													
06													
07													
08													
09													
10													
Cộng						x			x			x	

Ngày

tháng năm 2006

Đơn

vị

tư

vấn(1):

Thủ trưởng đơn vị (2)

Người

lập

biểu

(ký tên và đóng dấu)

.....

..1. Đơn vị tư vấn là cơ quan trực tiếp đo đếm, xác định các đặc điểm của khu rừng

2. Mẫu biểu này được sử dụng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng và hợp đồng thuê rừng. Biểu được thống kê theo từng xã

3. Cột 10 ghi rõ độ thuộc cấp phòng hộ nào; rất xung yếu, xung yếu hay ít xung yếu.

4. Cột 13 trường hợp là rừng tự nhiên thì ghi rõ thành nhóm loài cây chủ yếu, nếu là rừng trồng thì ghi tên loài cây trồng.

5. Cột 14 ghi năm trồng đối với rừng trồng

III. Lĩnh vực thủy sản

1. Thủ tục: Kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Trình tự thực hiện Thực hiện theo 4 bước:
 - + Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký kiểm tra
 - + Bước 2 : Cơ quan kiểm tra, công nhận xem xét hồ sơ và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu
 - + Bước 3 : Quyết định thành lập đoàn kiểm tra kiểm tra
 - + Bước 4 : Quyết định công nhận

- Cách thức thực hiện + Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội
 Địa chỉ: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội
 + Hoặc Fax: 0436889510, Email: chicuehthuisanhanoi@vnn.vn (sau đó gửi hồ sơ bản chính);
 + Gửi theo đường bưu điện.

- Thành phần Hồ sơ a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Mẫu đăng ký kiểm tra (mẫu 01)
 - + Báo cáo hiện trạng điều kiện kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản (mẫu 02)
 - + Báo cáo kết quả khắc phục sai nổi nếu có (mẫu 03)
 - + Chương trình quản lý chất lượng theo quy định tại bảng (phụ lục1)
 - + Thủ tục truy xuất nguồn gốc
 b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- Thời hạn giải quyết - Thời gian theo quy định: 22 ngày
 + Chi cục nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra trong vòng 5 ngày hướng dẫn hồ sơ.
 + Hướng dẫn hồ sơ trong vòng xong trong vòng 7 ngày có thông báo cho doanh nghiệp thời gian kiểm tra
 + Doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn về điều kiện sản xuất trong thời gian 10 ngày cơ quan công nhận phải ra quyết định công nhận.
 - Thời gian thực tế: 18 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện - Cá nhân;
 TTTC - Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà
 TTTC Nội.
 b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTTC: Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Thủy sản Hà Nội
 d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Đơn vị trực thuộc cơ quan

- Kết quả của việc thực hiện TTHC
- Giấy chứng nhận
- Lệ phí
- Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản 40.000(d)/lần cấp (theo Quyết định số 60/2008/QĐ- BTC ngày 31 tháng 7 năm 2008 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, ATVS&TYTS).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
- + Giấy đăng ký kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (theo Mẫu 01: Mẫu giấy đăng ký kiểm tra Phụ lục 2a. Áp dụng đối với cơ sở chế biến thủy sản Phụ lục 2 b: Áp dụng đối với các cơ sở khác)
- + Báo cáo hiện trạng điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản (theo Mẫu 02 :Báo cáo hiện trạng điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
- Không có
- Căn cứ pháp lý của TTHC
- Quyết định 117/2008/QĐ-BNN ban hành 11 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

PHỤ LỤC I
BẢNG . HỆ THỐNG QLCL BẮT BUỘC ÁP DỤNG
TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG LOẠI HÌNH CƠ SỞ

TT	Loại hình cơ sở	Hệ thống QLCL bắt buộc áp dụng
I	Các Cơ sở do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, công nhận:	
1	Tàu cá	GMP, SSOP
2	Cảng cá	GMP, SSOP
3	Chợ cá	GMP, SSOP
4	Cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản (không sơ chế)	GMP, SSOP
5	Cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản (có sơ chế)	GMP, SSOP, HACCP
6	Cơ sở sản xuất nước đá có phục vụ cho chế biến, bảo quản thủy sản	GMP, SSOP
7	Cơ sở lưu giữ, đóng gói, sản xuất thủy sản chỉ phục vụ tiêu thụ nội địa	GMP, SSOP, HACCP
II	Các Cơ sở do Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản kiểm tra, công nhận:	
1	Tàu chế biến thủy sản xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP
2	Cơ sở làm sạch và cung ứng NI2MV sống	GMP, SSOP, HACCP
3	Kho lạnh độc lập có bảo quản thủy sản	GMP, SSOP, HACCP
4	Cơ sở lưu giữ, đóng gói thủy sản có sản phẩm xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP
5	Cơ sở sản xuất thủy sản có sản phẩm xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP

Chú thích:

Good Manufacturing Practice (GMP): Quy phạm sản xuất

Sanitation Standard Operating Procedures (SSOP): Quy phạm vệ sinh

Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP): Phân tích mối nguy và kiểm soát mối nguy đáng kể tại các điểm kiểm soát tới hạn.

MẪU 01: MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117 /2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phụ lục 2a. Áp dụng đối với cơ sở chế biến thủy sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM⁽¹⁾

Kính gửi:

(Cơ quan kiểm tra)⁽²⁾

Căn cứ các quy định trong Quy chế Kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số /2008/QĐ-BNN ngày / /2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị chúng tôi:

Tên doanh nghiệp⁽³⁾:

Tên giao dịch thương mại *(cả tên viết tắt - nếu có)*:

Mã số (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tên cơ sở (phân xưởng)⁽⁴⁾ đề nghị kiểm tra:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Sau khi nghiên cứu kỹ các Quy định trong quy chuẩn/ tiêu chuẩn.... và đối chiếu với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được:

- Công nhận đủ điều kiện đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Tiêu thụ nội địa:

- Xuất khẩu sản phẩm vào thị trường:

Chúng tôi xin gửi kèm sau đây hồ sơ đăng ký kiểm tra:

- Bản vẽ sơ đồ bố trí mặt bằng cơ sở sản xuất xin đăng ký kiểm tra

- Danh mục các sản phẩm chủ yếu và sơ đồ qui trình công nghệ sản xuất (trên mặt bằng xin đăng ký kiểm tra).
- Báo cáo hiện trạng về điều kiện đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở⁽⁵⁾.
- Báo cáo khắc phục các sai lỗi (nếu có)⁽⁶⁾.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Sử dụng cho doanh nghiệp đăng ký kiểm tra để công nhận

(2): Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Sở NN&PTNT

(3): Tên doanh nghiệp được ghi trong giấy phép kinh doanh

(4): Ghi rõ tên Xí nghiệp hoặc Phân xưởng thuộc doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

(5): Theo Mẫu ĐKKTCNa1.

(6): Theo mẫu ĐKKTCNa2.

-

MẪU 02**BÁO CÁO HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN****I. Thông tin chung**

1. Tên cơ sở (phân xưởng) đề nghị kiểm tra:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: Email:
4. Mã số doanh nghiệp (nếu có):
5. Năm bắt đầu hoạt động:
6. Thời điểm xây dựng:
7. Mô tả chung về sản phẩm :
 - 7.1. Nhóm sản phẩm sản xuất:
 - 7.2. Sản phẩm tiêu thụ nội địa:
 - 7.3. Sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường:

II. Nhà xưởng Tóm tắt đánh giá hiện trạng điều kiện sản xuất**1. Nhà xưởng**

- 1.1. Tổng diện tích các khu vực sản xuất : m^2 , trong đó:
 - 1.1.1. Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: m^2 .
 - 1.1.2. Khu vực sơ chế: m^2 .
 - 1.1.3. Khu vực chế biến (phân cỡ, xếp khuôn...): m^2 .
 - 1.1.4. Khu vực cấp đông: m^2 .
 - 1.1.5. Khu vực kho lạnh: m^2 .
 - 1.1.6. Khu vực sản xuất khác (...): m^2 .
- 1.2. Mô tả hiện trạng điều kiện cơ sở vật chất nhà xưởng và kết cấu:

2. Thiết bị

2.1. Các loại thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

2.2. Nhận xét chung về hiện trạng hoạt động của các thiết bị:

3. Hệ thống phụ trợ:

3.1. Nguồn nước sử dụng cho khu vực sản xuất:

3.1.1. Nguồn nước đang sử dụng:

Nước công cộng Nước giếng khoan , số lượng: , độ sâu m.

3.1.2. Phương pháp đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khu vực sản xuất (kể cả khu sản xuất nước đá)

- Hệ thống lắng lọc: Có Không Phương pháp khác :
- Hệ thống bể chứa: Tổng dung tích dự trữ: m³.
- Hệ thống bể cao áp: Dung tích bể cao áp : m³.
- Hệ thống xử lý nước: Chlorine định lượng . Đèn cực tím . Khác __

3.2. Nguồn nước đá:

3.2.1. Tự sản xuất : Đá cây tổng công suất : tấn/ngày.

Đá vảy tổng công suất tấn/ngày

3.2.2. Mua ngoài : Đá cây khối lượng : tấn/ngày.

Đá vảy khối lượng tấn/ngày

3.3. Hệ thống xử lý chất thải

3.3.1. Nước thải: Mô tả tóm tắt hệ thống thoát, xử lý nước thải, cơ quan quản lý môi trường kiểm tra đánh giá

3.3.2. Chất thải rắn: Cách thức bảo quản, vận chuyển, xử lý...

3.4. Nhà vệ sinh (dùng cho khu vực sản xuất)

3.4.1. Số lượng:

3.4.2. Cấu trúc:

3.5. Công nhân:

3.5.1. Tổng số công nhân sản xuất: người, trong đó:

- Công nhân dài hạn: người.

- Công nhân mùa vụ: người.

3.5.2. Số lượng công nhân ở thời điểm cao nhất/ca sản xuất: người, trong đó:

- Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: người

- Khu vực sơ chế: người

- Khu vực chế biến: người

- Khu vực cấp đông, bao gói: người

- Khu vực khác (...): người

3.6. Hệ thống chống và diệt côn trùng, động vật gây hại

3.6.1. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng:

3.6.2. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại

3.7. Vệ sinh công nghiệp

3.7.1. Tần suất làm vệ sinh:

3.7.2. Nhân công làm vệ sinh công nghiệp: người;

3.7.3. Trong đó: của cơ sở Đi thuê ngoài

3.8. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia, chất tẩy rửa - khử trùng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

4. Hệ thống quản lý chất lượng:

4.1. Tổng số cán bộ quản lý chất lượng (QC): người, trong đó:

4.1.1. Số QC có trình độ Đại học: người, Trung cấp: người

4.1.2. Số cán bộ QC đã qua đào tạo về HACCP: người

4.2. Phòng kiểm nghiệm:

Của doanh nghiệp, các chỉ tiêu có thể phân tích:

Thuê ngoài

4.3. Liệt kê chương trình quản lý chất lượng cho các sản phẩm/ nhóm sản phẩm sản xuất và gửi chương trình kèm theo.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU 03**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC SAI LỖI (nếu có)****I. Thông tin chung:**

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ cơ sở:

3. Số điện thoại:

Fax:

Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục sai lỗi

TT	Sai lỗi theo kết luận kiểm tra ngày..... của	Biện pháp khắc phục	<i>Kết quả</i>

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện cơ sở*(ký tên và đóng dấu nếu có)*

Phụ lục 2 b: Áp dụng đối với các cơ sở khác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỆ SINH ATTP**Kính gửi:***(Tên cơ quan kiểm tra, công nhận)*

Căn cứ các Quy định trong Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số/2008/QĐ-BNN ngày / /2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị chúng tôi:

Tên cơ sở:

Tên giao dịch thương mại *(cả tên viết tắt - nếu có)*:

Mã số (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):

Sau khi nghiên cứu kỹ các Quy định về điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đối chiếu với điều kiện thực tế của cơ sở, đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được:

- Công nhận đủ điều kiện đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Xuất khẩu sản phẩm vào thị trường:

.....

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ
 (ký tên và đóng dấu nếu có)

2. Thủ tục: Đình chỉ hiệu lực công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Trình tự thực hiện Thực hiện theo 3 bước:
 - + Bước 1: Thành lập đoàn kiểm tra điều kiện sản xuất.
 - + Bước 2 : Kết quả kiểm tra điều kiện đảm bảo VSATTP đã kết luận cơ sở không đủ điều kiện đảm bảo VSATTP theo điều 17 Quy chế 117 của Bộ NN& PTNT về kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo VSATTP
 - + Bước 3 : Quyết định đình chỉ công nhận.
- Cách thức thực hiện + Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội
Địa chỉ: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội
+Hoặc Fax: 0436889510, Email: chieucythuysanhanoi@vnn.vn
(sau đó gửi hồ sơ bản chính);
+ Gửi theo đường bưu điện.
- Thành phần Hồ sơ a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Thông báo kiểm tra (mẫu 01)
 - + Biên bản kết quả kiểm tra (mẫu 02)
 - + Báo cáo kết quả khắc phục sai nổi nếu có (mẫu 03)
 - + Chương trình quản lý chất lượng theo quy định tại bảng (phụ lục1)
 b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)
- Thời hạn giải quyết - Thời gian theo quy định: Chưa có quy định
- Thời gian thực tế: từ 30-45 ngày làm việc tùy theo từng trường hợp cụ thể
- Đối tượng thực hiện TTHC - Tổ chức;
- Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội.
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng- Chi cục Thủy sản Hà Nội.
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Đơn vị trực thuộc cơ quan
- Kết quả của việc thực hiện TTHC - Quyết định hành chính
- Lệ phí - Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai + Thông báo kiểm tra (mẫu 01)

- + Biên bản kết quả kiểm tra (mẫu 02)
- + Báo cáo kết quả khắc phục sai nôi nếu có (mẫu 03)
- + Chương trình quản lý chất lượng theo quy định tại bảng (phụ lục I)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)

- Không có

- Căn cứ pháp lý của TTHC

- Quyết định 117/2008/QĐ-BNN ban hành 11 tháng 12 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và P'IN'1 về việc Ban hành Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm .

PHỤ LỤC I
BẢNG HỆ THỐNG QLCL BẮT BUỘC ÁP DỤNG
TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG LOẠI HÌNH CƠ SỞ

TT	Loại hình cơ sở	Hệ thống QLCL bắt buộc áp dụng
I	Các Cơ sở do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, công nhận:	
1	Tàu cá	GMP, SSOP
2	Cảng cá	GMP, SSOP
3	Chợ cá	GMP, SSOP
4	Cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản (không sơ chế)	GMP, SSOP
5	Cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản (có sơ chế)	GMP, SSOP, HACCP
6	Cơ sở sản xuất nước đá có phục vụ cho chế biến, bảo quản thủy sản	GMP, SSOP
7	Cơ sở lưu giữ, đóng gói, sản xuất thủy sản chỉ phục vụ tiêu thụ nội địa	GMP, SSOP, HACCP
II	Các Cơ sở do Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản kiểm tra, công nhận:	
1	Tàu chế biến thủy sản xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP
2	Cơ sở làm sạch và cung ứng NT2MV sống	GMP, SSOP, HACCP
3	Kho lạnh độc lập có bảo quản thủy sản	GMP, SSOP, HACCP
4	Cơ sở lưu giữ, đóng gói thủy sản có sản phẩm xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP
5	Cơ sở sản xuất thủy sản có sản phẩm xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP

Chú thích:

Good Manufacturing Practice (GMP): Quy phạm sản xuất

Sanitation Standard Operating Procedures (SSOP): Quy phạm vệ sinh

Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP): Phân tích mối nguy và kiểm soát mối nguy đáng kể tại các điểm kiểm soát tới hạn.

MẪU 01: MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phụ lục 2a. Áp dụng đối với cơ sở chế biến thủy sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT. KINH DOANH THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM⁽¹⁾

Kính gửi:

(Cơ quan kiểm tra)⁽²⁾

Căn cứ các quy định trong Quy chế Kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số /2008/QĐ-BNN ngày / /2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị chúng tôi:

Tên doanh nghiệp⁽³⁾:

Tên giao dịch thương mại *(cả tên viết tắt - nếu có)*:

Mã số (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tên cơ sở (phân xưởng)⁽⁴⁾ đề nghị kiểm tra:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Sau khi nghiên cứu kỹ các Quy định trong quy chuẩn/ tiêu chuẩn.... và đối chiếu với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được:

- Công nhận đủ điều kiện đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Tiêu thụ nội địa:

- Xuất khẩu sản phẩm vào thị trường:

Chúng tôi xin gửi kèm sau đây hồ sơ đăng ký kiểm tra:

- Bản vẽ sơ đồ bố trí mặt bằng cơ sở sản xuất xin đăng ký kiểm tra

- Danh mục các sản phẩm chủ yếu và sơ đồ qui trình công nghệ sản xuất (trên mặt bằng xin đăng ký kiểm tra).
- Báo cáo hiện trạng về điều kiện đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở⁽⁵⁾.
- Báo cáo khắc phục các sai lỗi (nếu có)⁽⁶⁾.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

-
- (1): Sử dụng cho doanh nghiệp đăng ký kiểm tra để công nhận
 - (2): Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Sở NN&PTNT
 - (3): Tên doanh nghiệp được ghi trong giấy phép kinh doanh
 - (4): Ghi rõ tên Xí nghiệp hoặc Phân xưởng thuộc doanh nghiệp đăng ký kiểm tra
 - (5): Theo Mẫu ĐKKTCNa1.
 - (6): Theo mẫu ĐKKTCNa2.

MẪU 02**BÁO CÁO HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN****I. Thông tin chung**

1. Tên cơ sở (phân xưởng) đề nghị kiểm tra:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: Email:
4. Mã số doanh nghiệp (nếu có):
5. Năm bắt đầu hoạt động:
6. Thời điểm xây dựng:
7. Mô tả chung về sản phẩm :
 - 7.1. Nhóm sản phẩm sản xuất:
 - 7.2. Sản phẩm tiêu thụ nội địa:
 - 7.3. Sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường: .

II. Nhà xưởng Tóm tắt đánh giá hiện trạng điều kiện sản xuất**1. Nhà xưởng**

- 1.1. Tổng diện tích các khu vực sản xuất : m^2 , trong đó:
 - 1.1.1. Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: m^2 .
 - 1.1.2. Khu vực sơ chế: m^2 .
 - 1.1.3. Khu vực chế biến (phân cỡ, xếp khuôn...): m^2 .
 - 1.1.4. Khu vực cấp đông: m^2 .
 - 1.1.5. Khu vực kho lạnh: m^2 .
 - 1.1.6. Khu vực sản xuất khác (...): m^2 .
- 1.2. Mô tả hiện trạng điều kiện cơ sở vật chất nhà xưởng và kết cấu:

2. Thiết bị**2.1. Các loại thiết bị chính:**

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

2.2. Nhận xét chung về hiện trạng hoạt động của các thiết bị:**3. Hệ thống phụ trợ:**

3.1. Nguồn nước sử dụng cho khu vực sản xuất:

3.1.1. Nguồn nước đang sử dụng:

Nước công cộng Nước giếng khoan số lượng: , độ sâu m.

3.1.2. Phương pháp đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khu vực sản xuất (kể cả khu sản xuất nước đá)

- Hệ thống lắng lọc: Có Không Phương pháp khác :
- Hệ thống bể chứa: Tổng dung tích dự trữ: m³.
- Hệ thống bể cao áp: Dung tích bể cao áp : m³.
- Hệ thống xử lý nước: Chlorine định lượng . Đèn cực tím . Khác _____

3.2. Nguồn nước đá:

3.2.1. Tự sản xuất : Đá cây tổng công suất : tấn/ngày.

Đá vảy tổng công suất tấn/ngày

3.2.2. Mua ngoài : Đá cây khối lượng : tấn/ngày.

Đá vảy khối lượng tấn/ngày

3.3. Hệ thống xử lý chất thải

3.3.1. Nước thải: Mô tả tóm tắt hệ thống thoát, xử lý nước thải, cơ quan quản lý môi trường kiểm tra đánh giá

3.3.2. Chất thải rắn: Cách thức bảo quản, vận chuyển, xử lý...

3.4. Nhà vệ sinh (dùng cho khu vực sản xuất)

3.4.1. Số lượng:

3.4.2. Cấu trúc:

3.5. Công nhân:

3.5.1. Tổng số công nhân sản xuất: người, trong đó:

- Công nhân dài hạn: người.

- Công nhân mùa vụ: người.

3.5.2. Số lượng công nhân ở thời điểm cao nhất/ca sản xuất: người, trong đó:

- Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: người

- Khu vực sơ chế: người

- Khu vực chế biến: người

- Khu vực cấp đông, bao gói: người

- Khu vực khác (...): người

3.6. Hệ thống chống và diệt côn trùng, động vật gây hại

3.6.1. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng:

3.6.2. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại

3.7. Vệ sinh công nghiệp

3.7.1. Tần suất làm vệ sinh:

3.7.2. Nhân công làm vệ sinh công nghiệp: người;

3.7.3. Trong đó: của cơ sở Đi thuê ngoài

3.8. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia, chất tẩy rửa - khử trùng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

4. Hệ thống quản lý chất lượng:

4.1. Tổng số cán bộ quản lý chất lượng (QC): người, trong đó:

4.1.1. Số QC có trình độ Đại học: người, Trung cấp: người

4.1.2. Số cán bộ QC đã qua đào tạo về HACCP: người

4.2. Phòng kiểm nghiệm:

Của doanh nghiệp, các chỉ tiêu có thể phân tích:

Thuê ngoài

4.3. Liệt kê chương trình quản lý chất lượng cho các sản phẩm/ nhóm sản phẩm sản xuất và gửi chương trình kèm theo.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU 03**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHÁC PHỤC SAI LỖI (nếu có)****I. Thông tin chung:**

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ cơ sở:

3. Số điện thoại:

Fax:

Email:

II. Tóm tắt kết quả khác phục sai lỗi

TT	Sai lỗi theo kết luận kiểm tra ngày..... của	Biện pháp khác phục	<i>Kết quả</i>

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện cơ sở*(ký tên và đóng dấu nếu có)*

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến thủy sản

- | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | Thực hiện theo 4 bước:
+ Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký kiểm tra lại.
+ Bước 2 : Cơ quan kiểm tra, công nhận xem xét hồ sơ và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu .
÷ Bước 3 : Quyết định thành lập đoàn kiểm tra lại.
+ Bước 4 : Quyết định công nhận lại |
| - Cách thức thực hiện | + Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội,
Địa chỉ: Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Nội
+ Hoặc Fax: 0436889510 . Email: chicucethuysanhanoi@vnn.vn
(sau đó gửi hồ sơ bản chính);
+ Gửi theo đường bưu điện. |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
+ Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận
+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến thủy sản đã được cấp (nếu có)
b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | - Thời gian theo quy định: 22 ngày
+ Chi cục nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra lại trong vòng 5 ngày hướng dẫn hồ sơ
+ Hướng dẫn hồ sơ trong vòng xong trong vòng 7 ngày có thông báo cho doanh nghiệp thời gian kiểm tra lại.
+ Doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn về điều kiện sản xuất trong thời gian 10 ngày cơ quan công nhận phải ra quyết định công nhận lại.
- Thời gian thực tế: 18 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | - Tổ chức;
- Cá nhân. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội.
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Thủy sản Hà Nội
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Đơn vị trực thuộc cơ quan |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | - Giấy chứng nhận |
| - Lệ phí | 40.000đ/lần cấp (theo điều 1 Quyết định số 60/2008 /QĐ-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí quản lý chất lượng, ATVX và thú y thủy sản) |

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai - Không
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) - Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - + Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004;
 - + Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2008;
 - + Pháp lệnh Vệ sinh An toàn thực phẩm số 12/2003/PL-UBTVQH được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 26/7/2003 có hiệu lực ngày 01/11/2003;
 - + Nghị định số 163/ 2004 /NĐ-CP ngày 07/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm;
 - + Nghị định số 59/2005 /NĐ-CP của Chính phủ quy định ngày 04/5/2005 về điều kiện kinh doanh của một số ngành nghề thủy sản;
 - + Nghị định số 14/2009 /NĐ-CP ngày 13/2/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005 /NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh của một số ngành nghề thủy sản - Nghị định số 79/ 2008 /NĐ-CP ngày 18/7/2008 của Chính phủ quy định hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm về VSATTP;
 - + Nghị định số 163/ 2004 /NĐ-CP ngày 07/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh An toàn thực phẩm số 12/2003/PL-UBTVQH được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 26/7/2003 có hiệu lực ngày 01/11/2003;
 - + Quyết định 117/ 2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo VSATTP;
 - + Thông tư liên tịch số 24/2005/TTLT-BYT-BTS ngày 8/12/2005 của Bộ Y tế và Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn phân công, phối hợp quản lý nhà nước về VSATTP thủy sản;
 - + Công văn số 383/QLCL-CL1 ngày 11/3/2009 của Cục quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản về việc hướng dẫn triển khai Quyết định số 117/2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo VSATTP.

4. Thủ tục: Xin hoãn kiểm tra định kỳ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Trình tự thực hiện Thực hiện theo 3 bước:
+ Bước 1: Cơ sở làm đơn xin hoãn (theo mẫu)
+ Bước 2: Tiếp nhận đơn
+ Bước 3: Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận
- Cách thức thực hiện + Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội
Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội
+ Hoặc Fax: 0436889510 Email: chicucethuysanhanoi@vnn.vn
(sau đó gửi hồ sơ bản chính);
+ Gửi theo đường bưu điện.
- Thành phần Hồ sơ a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
- Đơn trình bày về lý do xin hoãn.
b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)
- Thời hạn giải quyết - Thời gian theo quy định: 05 ngày.
- Thời gian thực tế: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC - Cá nhân;
- Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội.
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Thủy sản Hà Nội
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Đơn vị trực thuộc cơ quan
- Kết quả của việc thực hiện TTHC Văn bản chấp thuận
- Lệ phí Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai Đơn xin hoãn kiểm tra (theo mẫu)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC + Quyết định 117/ 2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

MẪU 01: MẪU ĐƠN XIN HOÃN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN XIN HOÃN KIỂM TRA**Kính gửi:***(Cơ quan kiểm tra)⁽²⁾*

Căn cứ các quy định trong Quy chế Kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số /2008/QĐ-BNN ngày / /2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị chúng tôi:

Tên doanh nghiệp⁽³⁾:Tên giao dịch thương mại (*cả tên viết tắt - nếu có*):

Mã số (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tên cơ sở (phân xưởng)⁽⁴⁾ đề nghị kiểm tra:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Sau khi nghiên cứu kỹ các Quy định trong quy chuẩn/ tiêu chuẩn.... và đối chiếu với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, đề nghị cơ quan kiểm tra cho hoãn kiểm tra điều kiện vệ sinh.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

5. Thủ tục: Kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ nội địa.

- Trình tự thực hiện Thực hiện theo 4 bước:
 - + Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký kiểm tra
 - + Bước 2 : Cơ quan kiểm tra, công nhận xem xét hồ sơ và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu
 - + Bước 3 : Quyết định thành lập đoàn kiểm tra kiểm tra
 - + Bước 4 : Quyết định công nhận
- Cách thức thực hiện + Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội
Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội
+Hoặc Fax: 0436889510; Email: chicuethuysanhanoi@vnn.vn
(sau đó gửi hồ sơ bản chính);
+ Gửi theo đường bưu điện.
- Thành phần Hồ sơ a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Mẫu đăng ký kiểm tra (mẫu 01)
 - + Báo cáo hiện trạng điều kiện kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản (mẫu 02)
 - + Báo cáo kết quả khắc phục sai nổi nếu có (mẫu 03)
 - + Chương trình quản lý chất lượng theo quy định tại bảng (phụ lục1)
 - + Thủ tục truy xuất nguồn gốc
 b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)
- Thời hạn giải quyết - Thời gian theo quy định: 22 ngày
+ Chi cục nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra trong vòng 5 ngày hướng dẫn hồ sơ
+ Hướng dẫn hồ sơ trong vòng xong trong vòng 7 ngày có thông báo cho doanh nghiệp thời gian kiểm tra
+ Doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn về điều kiện sản xuất trong thời gian 10 ngày cơ quan công nhận phải ra quyết định công nhận
- Thời gian thực tế: 18 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC - Cá nhân;
- Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Thủy sản Hà Nội
d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC Giấy chứng nhận
- Lệ phí Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản

- 40.000(đ)/lần cấp (theo Quyết định số 60/2008/QĐ- BTC ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, ATV&TVYTS).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai + Giấy đăng ký kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (theo mẫu 01: Mẫu giấy đăng ký kiểm tra. Phụ lục 2a. Áp dụng đối với cơ sở chế biến thủy sản; Phụ lục 2 b: Áp dụng đối với các cơ sở khác ban hành kèm theo Quyết định số:118 /2008/QĐ-BNN ngày 11 / 12 /2008 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT).
 - + Báo cáo hiện trạng điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản (theo mẫu 02 Ban hành kèm theo Quyết định số:118 /2008/QĐ-BNN ngày 11 / 12 /2008 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT).
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) Không
 - Căn cứ pháp lý của TTHC + Quyết định 118/ 2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản

PHỤ LỤC I
BẢNG . HỆ THỐNG QLCL BẮT BUỘC ÁP DỤNG
TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG LOẠI HÌNH CƠ SỞ

TT	Loại hình cơ sở	Hệ thống QLCL bắt buộc áp dụng
I	Các Cơ sở do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, công nhận:	
1	Tàu cá	GMP, SSOP
2	Cảng cá	GMP, SSOP
3	Chợ cá	GMP, SSOP
4	Cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản (không sơ chế)	GMP, SSOP
5	Cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản (có sơ chế)	GMP, SSOP, HACCP
6	Cơ sở sản xuất nước đá có phục vụ cho chế biến, bảo quản thủy sản	GMP, SSOP
7	Cơ sở lưu giữ, đóng gói, sản xuất thủy sản chỉ phục vụ tiêu thụ nội địa	GMP, SSOP, HACCP
II	Các Cơ sở do Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản kiểm tra, công nhận:	
1	Tàu chế biến thủy sản xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP
2	Cơ sở làm sạch và cung ứng NT2MV sống	GMP, SSOP, HACCP
3	Kho lạnh độc lập có bảo quản thủy sản	GMP, SSOP, HACCP
4	Cơ sở lưu giữ, đóng gói thủy sản có sản phẩm xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP
5	Cơ sở sản xuất thủy sản có sản phẩm xuất khẩu	GMP, SSOP, HACCP

Chú thích:

Good Manufacturing Practice (GMP): Quy phạm sản xuất

Sanitation Standard Operating Procedures (SSOP): Quy phạm vệ sinh

Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP): Phân tích mối nguy và kiểm soát mối nguy đáng kể tại các điểm kiểm soát tới hạn.

PHỤ LỤC 1a

(Ban hành kèm theo Quyết định số:118/2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY DĂNG KÝ
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
HÀNG HÓA THỦY SẢN
Số:

Kính gửi:

PHẦN KHAI BÁO CỦA CHỦ HÀNG

1. Chủ hàng:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
2. Người nhận hàng:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
3. Nơi đi: 4. Nơi đến:
5. Hàng hóa thủy sản được:
- Dùng tiêu thụ nội địa Xuất khẩu : Thị trường..... Nhập khẩu làm nguyên liệu
- Tạm nhập-tái xuất Triệu hồi Trả về
6. Mô tả hàng hóa: 7. Số lượng:cnts.....kg
8. Cơ sở sản xuất:
- Mã số cơ sở (nếu có):
9. Mã số lô hàng:
- Thời gian sản xuất:
10. Thời gian đăng ký kiểm tra:
- Địa điểm đăng ký kiểm tra:
11. Hồ sơ đính kèm gồm:

Các yêu cầu kiểm tra và chứng nhận của Chủ hàng:

- Kiểm tra theo quy định
 Kiểm tra theo yêu cầu, kèm theo các yêu cầu cụ thể:
 Cảm quan Vi sinh hóa học Khác (ghi rõ).....

PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA

Hồ sơ đăng ký: Đạt Không đạt Bổ sung thêm

Lý do không đạt:

Các hồ sơ cần bổ sung:

Kết quả xem xét sau khi bổ sung:

Chế độ kiểm tra áp dụng cho lô hàng:

- Giám kiểm tra Kiểm tra thông thường Kiểm tra tăng cường

Ngày kiểm tra dự kiến:

Đối với hàng nhập khẩu, tạm nhập-tái xuất, Giấy này chỉ có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó Chủ hàng phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho Cơ quan Kiểm tra để được kiểm tra và chứng nhận theo quy định.

....., ngày.....

Đại diện chủ hàng

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày

Đại diện cơ quan kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU 02**BÁO CÁO HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỦY SẢN****I. Thông tin chung**

1. Tên cơ sở (phân xưởng) đề nghị kiểm tra:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: Email:
4. Mã số doanh nghiệp (nếu có):
5. Năm bắt đầu hoạt động:
6. Thời điểm xây dựng:
7. Mô tả chung về sản phẩm :
 - 7.1. Nhóm sản phẩm sản xuất:
 - 7.2. Sản phẩm tiêu thụ nội địa:
 - 7.3. Sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường:

II. Nhà xưởng Tóm tắt đánh giá hiện trạng điều kiện sản xuất**I. Nhà xưởng**

- 1.1. Tổng diện tích các khu vực sản xuất : m², trong đó:
 - 1.1.1. Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: m².
 - 1.1.2. Khu vực sơ chế: m².
 - 1.1.3. Khu vực chế biến (phân cỡ, xếp khuôn...): m².
 - 1.1.4. Khu vực cấp đông: m².
 - 1.1.5. Khu vực kho lạnh: m².
 - 1.1.6. Khu vực sản xuất khác (...): m².
- 1.2. Mô tả hiện trạng điều kiện cơ sở vật chất nhà xưởng và kết cấu:

2. Thiết bị**2.1. Các loại thiết bị chính:**

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

2.2. Nhận xét chung về hiện trạng hoạt động của các thiết bị:**3. Hệ thống phụ trợ:****3.1. Nguồn nước sử dụng cho khu vực sản xuất:**

3.1.1. Nguồn nước đang sử dụng:

Nước công cộng Nước giếng khoan số lượng: , độ sâu m.

3.1.2. Phương pháp đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khu vực sản xuất (kể cả khu sản xuất nước đá)

- Hệ thống lắng lọc: Có Không Phương pháp khác :
- Hệ thống bể chứa: Tổng dung tích dự trữ: m³.
- Hệ thống bể cao áp: Dung tích bể cao áp : m³.
- Hệ thống xử lý nước: Chlorine định lượng . Đèn cực tím . Khác __

3.2. Nguồn nước đá:

3.2.1. Tự sản xuất : Đá cây tổng công suất : tấn/ngày.

Đá vảy tổng công suất tấn/ngày

3.2.2. Mua ngoài : Đá cây khối lượng : tấn/ngày.

Đá vảy khối lượng tấn/ngày

3.3. Hệ thống xử lý chất thải

3.3.1. Nước thải: Mô tả tóm tắt hệ thống thoát, xử lý nước thải, cơ quan quản lý môi trường kiểm tra đánh giá

3.3.2. Chất thải rắn: Cách thức bảo quản, vận chuyển, xử lý...

3.4. Nhà vệ sinh (dùng cho khu vực sản xuất)

3.4.1. Số lượng:

3.4.2. Cấu trúc:

3.5. Công nhân:

3.5.1. Tổng số công nhân sản xuất: người, trong đó:

- Công nhân dài hạn: người.

- Công nhân mùa vụ: người.

3.5.2. Số lượng công nhân ở thời điểm cao nhất/ca sản xuất: người, trong đó:

- Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: người

- Khu vực sơ chế: người

- Khu vực chế biến: người

- Khu vực cấp đông, bao gói: người

- Khu vực khác (...): người

3.6. Hệ thống chống và diệt côn trùng, động vật gây hại

3.6.1. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng:

3.6.2. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại

3.7. Vệ sinh công nghiệp

3.7.1. Tần suất làm vệ sinh:

3.7.2. Nhân công làm vệ sinh công nghiệp: người;

3.7.3. Trong đó: của cơ sở Đi thuê ngoài

3.8. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia, chất tẩy rửa - khử trùng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

4. Hệ thống quản lý chất lượng:

4.1. Tổng số cán bộ quản lý chất lượng (QC): người, trong đó:

4.1.1. Số QC có trình độ Đại học: người, Trung cấp: người

4.1.2. Số cán bộ QC đã qua đào tạo về HACCP: người

4.2. Phòng kiểm nghiệm:

Của doanh nghiệp, các chỉ tiêu có thể phân tích:

Thuê ngoài

4.3. Liệt kê chương trình quản lý chất lượng cho các sản phẩm/ nhóm sản phẩm sản xuất và gửi chương trình kèm theo.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2 a

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 118 /2008/QĐ-BNN ngày 11 / 12 /2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên, địa chỉ Cơ quan Kiểm tra

Tel: Fax: Email:

GIẤY CHỨNG NHẬN

CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM HÀNG HÓA THỦY SẢN
Số:

I. CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM THỦY SẢN

- Mô tả hàng hóa:
- Tên sản phẩm:
- Loài (tên khoa học):
- Thủy sản nuôi/ đánh bắt tự nhiên:
- Qui cách bao gói:
- Số lượng:
- Khối lượng:
- Mã số lô hàng:
- Điều kiện bảo quản, vận chuyển:

II. XUẤT XỨ SẢN PHẨM

Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Mã số Cơ sở:

III. NƠI ĐI, NƠI ĐẾN CỦA SẢN PHẨM

- Người xuất hàng:
- Người nhận hàng:
- Nơi xuất hàng:
- Nơi hàng đến:
- Phương tiện vận chuyển (nếu có):

IV. CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Căn cứ kết quả kiểm tra ngày(tên cơ quan kiểm tra)..... chứng nhận lô hàng
thủy sản nêu trên đạt yêu cầu về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm

....., ngày.....

Thủ trưởng Cơ quan Kiểm tra
(ký tên, đóng dấu)

6. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn
 - Cơ quan HCNN:
 - + Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, ghi phiếu hẹn
 - + Tổ chức kiểm tra, trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện
 - + Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội
 - Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh Trì - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản (theo mẫu1);
 - + Bản photô công chứng “giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” của cơ sở;
 - + Bản photô công chứng “Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSTY” của cơ sở;
 - + Bản photô công chứng bằng cấp của nhân viên kỹ thuật;
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ con giống (bản gốc).
 - b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian theo quy định: 15 ngày
 - Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - Cá nhân;
 - Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Nuôi trồng thủy sản - Chi cục Thủy sản Hà Nội
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - + Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004;
 - + Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

+Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

+ Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 06 tháng 08 năm 2008 ban hành quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản;

+ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

Mẫu số 1:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng.....năm 20.....

ĐƠN XIN CẤP CHỨNG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN

Kính gửi: Chi cục Thủy sản Hà Nội

Tên cơ sở kinh

doanh:.....

Địa chỉ cơ

sở:.....

Điện thoại của cơ

sở:.....FAX.....email.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản với nội dung sau:

Họ và tên chủ cơ

sở:.....

Địa chỉ thường trú chủ cơ

sở:.....

Điện thoại của chủ cơ

sở:.....FAX:.....email:.....

Đề nghị Quý Cơ quan tiến hành kiểm tra các điều kiện sản xuất kinh doanh của Cơ sở và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản cho Cơ sở.

Cơ sở cam đoan duy trì đầy đủ điều kiện sản xuất kinh doanh sau khi được cấp Giấy chứng nhận và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

CHỦ CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

7. Thủ tục: Cấp giấy phép khai thác thủy sản

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.
 - Chi cục thủy sản Hà Nội:
 - + Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, viết giấy hẹn.
 - + Tổ chức kiểm tra thực tế
 - + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại trụ sở Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh Trì - Hà Nội.
 - Thực tế cơ sở
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn xin cấp giấy phép (theo mẫu) (Phụ lục 08 Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/1/2006)
 - + Bản sao có công chứng các loại giấy tờ sau:
 - Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 20 sức ngựa trở lên hoặc không lắp máy có chiều dài đường nước thiết kế từ 15m trở lên; việc đăng ký các loại tàu cá không lắp máy có trọng tải trên 0.5 tấn, chiều dài dưới 15m hoặc tàu lắp máy có công suất máy chính dưới 20 CV thực hiện theo Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản (sau đây gọi chung là Nghị định số 66/2005/NĐ-CP) và Thông tư của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) hướng dẫn thực hiện Nghị định này.
 - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP và phải còn thời hạn sử dụng.
 - Số danh bạ thuyền viên đối với tàu cá hoạt động tại các tuyến khai thác được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP.
 - Bảng thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
 - Có nghề khai thác và ngư cụ khai thác phù hợp với quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp & PTNT) và quy định của UBND cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp & PTNT).
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian theo quy định :15 ngày
 - Thời gian thực tế: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - Cá nhân;
 - Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc

phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Bảo vệ nguồn lợi thủy sản - Chi cục Thủy sản Hà Nội

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- Kết quả của việc thực hiện TTHC

- Lệ phí

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)

- Căn cứ pháp lý của TTHC

- Giấy phép

- Cấp giấy phép khai thác thủy sản 40.000đ/lần (theo Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007).

- Đơn xin cấp Giấy phép khai thác thủy sản (theo Phụ lục 08 Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/1/2006).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khai thác thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Thủy sản, trừ trường hợp không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 109/2004/NĐ-CP

+ Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004;

+ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

+ Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

+ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

+ Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 04 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

Phụ lục 8 : (Kèm theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ Thủy sản)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi :

Tên chủ tàu : Điện thoại :

Số chứng minh nhân dân :

Nơi thường trú :

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản
cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung đăng ký như sau :

Tên tàu : ; Loại tàu

Số đăng ký tàu :

Năm, nơi đóng tàu :

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có) ngày cấp, nơi cấp

Máy chính :

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (CV)	Ghi chú
No 1				
No 2				
No 3				

Ngư trường hoạt động

Cảng, bến đăng ký cập tàu :

Nghề khai thác chính : Nghề phụ :

Tên đối tượng khai thác chính :

Mùa khai thác chính : từ tháng năm đến tháng năm

Mùa khai thác phụ : từ tháng năm đến tháng năm

Kích thước mắt lưới ở bộ phận chứa cá 2a, mm :

Phương pháp bảo quản sản phẩm :

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung đã đăng ký
và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Người làm đơn (Chủ tàu)

8. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.
 - + Chi cục Thủy sản Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ, viết giấy hẹn, thẩm định, gia hạn cấp giấy phép, trả kết quả khi đến hẹn (Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).
- Cách thức thực hiện
 - + Trực tiếp tại trụ sở Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh tri - Hà Nội
 - + Tại cơ sở
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn xin gia hạn giấy phép (theo mẫu) (Phụ lục 09 Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/1/2006)
 - + Giấy chứng nhận an toàn của tàu cá (Bản sao có công chứng);
 - + Giấy phép đã được cấp (bản sao)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - Thời gian theo quy định : 15 ngày
 - Thời gian theo thực tế: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - Cá nhân;
 - Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thủy sản Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Bảo vệ nguồn lợi thủy sản - Chi cục Thủy sản Hà Nội.
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy phép
 - + Giấy chứng nhận
- Lệ phí
 - Lệ phí gia hạn giấy phép khai thác thủy sản là: 20.000 VND/lần (bảng phụ lục A - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản về mức phí, lệ phí).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác thủy sản (Phụ lục 9, Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT);
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khai thác thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Thủy sản, trừ trường hợp không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 109/2004/ND-CP;
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - + Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004;

- + Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;
- + Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009;
- + Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

Phụ lục 9: (Kèm theo Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:

Tên chủ tàu:Điện thoại:

Nơi thường trú:

Số chứng minh nhân dân:

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có)..... Ngày cấp..... ,

Nơi cấp.....

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số:, được cấp

Ngàytháng..... năm; hết thời hạn sử dụng vào ngày.....tháng..... năm.....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản lần thứ.....để tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được gia hạn và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đại diện chủ tàu

9. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản

- Trình tự thực hiện
 - + Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận giấy hẹn và lấy kết quả khi đến hẹn.
 - + Chi cục Thủy sản Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ, viết giấy hẹn, thẩm định, cấp lại giấy phép, trả kết quả khi đến hẹn (Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).
- Cách thức thực hiện
 - + Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ
 - a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Đơn xin cấp lại Giấy phép có xác nhận của UBND xã, phường nơi chủ tàu cá thường trú hoặc của cơ quan chủ quản cấp trên (trong trường hợp mất Giấy phép) theo mẫu quy định, kèm theo Giấy phép cũ (trừ trường hợp mất Giấy phép);
 - + Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;
 - + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với trường hợp xin đổi Giấy phép do thay đổi tàu cá thuộc diện phải đăng kiểm.
 - b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định :15 ngày
 - + Thời gian thực tế: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Bảo vệ nguồn lợi thủy sản- Chi cục Thủy sản Hà Nội
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Giấy phép
- Lệ phí
 - + Lệ phí cấp lại giấy phép khai thác thủy sản: 20.000 VND/lần (theo phụ lục A Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản về mức phí, lệ phí).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai
 - + Đơn xin đổi, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (theo Phụ lục 10 của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)
 - + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - + Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004;

kiểm tra xem xét theo yêu cầu của từng bước. Có công văn cùng hồ sơ đã hoàn chỉnh trình Giám đốc Sở Nông Nghiệp và PTNT Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão Hà Nội

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Hạt Quản lý Đê

- Kết quả của việc thực hiện TTHC

+ Văn bản thoả thuận.

- Lệ phí

+ Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Không

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)

+ Không

- Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006

+ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê Điều

+ Công văn số 93 SNN-TC ngày 26 tháng 1 năm 2000 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về thủ tục xin phép xây dựng các công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều hoặc các hoạt động ngoài phạm vi nhưng có liên quan đến an toàn của đê điều, lòng sông, bờ bãi sông và thoát lũ... trên địa bàn thành phố Hà Nội.

7. Thủ tục: Xin ý kiến thoả thuận lập dự án , hướng dẫn các thủ tục và yêu cầu kỹ thuật.

- Trình tự thực hiện
 - Cá nhân, Tổ chức:
 - + Chuẩn bị Hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Văn phòng Chi cục Đê điều và PCLB Hà Nội. Trụ sở đặt tại 197 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội
 - + Xuất trình giấy giới thiệu
 - + Lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.
 - Chi cục Đê điều và PCLB Hà Nội:
 - + Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:
 - + Trong hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ làm lại kịp thời.
 - + Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả
 - + Trả kết quả đúng hẹn
 - + Thời gian trả văn bản thoả thuận trong giờ hành chính các ngày trong tuần (ngày lễ, thứ 7, chủ nhật nghỉ)
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Văn phòng Chi cục Đê điều và PCLB Hà Nội. Trụ sở đặt tại 197 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội và đi thực tế tại hiện trường
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ bao gồm:
 1. Công văn xin ý kiến thoả thuận và hướng dẫn kỹ thuật. (Bản chính)
 2. Dự án khả thi (hoặc Quyết định giao nhiệm vụ lập dự án). (Bản công chứng)
 3. Văn bản thoả thuận của Sở Quy hoạch và Kiến trúc về quy hoạch. (Bản công chứng)
 4. Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về đất đai hợp pháp. (Bản công chứng)
 5. Bình đồ chung của khu vực cần xin thoả thuận, trong đó thể hiện khoảng cách từ đê hoặc sông đến địa điểm công trình (hoặc các hoạt động khác).
 6. Các văn bản pháp lý và quyết định thành lập cơ quan, đơn vị , tổ chức, các nhân. (Bản công chứng)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 10 ngày.
 - + Thời gian thực tế: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội giao Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão Hà Nội với chức năng là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành về đê điều và phòng chống lụt bão trên địa bàn Hà Nội hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ,

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục II
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN XIN GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG)
GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi).*

Tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax.....

Đang xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Tên hệ thống công trình thủy lợi) do (tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác) tại vị trí.....thuộc xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận)....., tỉnh (thành phố).....theo giấy phép sốngàytháng.....năm do (tên cơ quan cấp giấy phép), thời hạn sử dụng giấy phép từđến.....

Đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi) xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục xả nước thải vào vị trí nói trên với các nội dung sau:

Lưu lượng nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi:

Thời hạn xả nước thải năm, từ ... đến

Chất lượng nước thải (Có báo cáo phân tích chất lượng nước thải kèm theo).

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các yêu cầu ghi trong giấy phép được cấp.

Các tài liệu kèm theo gồm:

1. Bản sao giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi đã được cấp;
2. Hồ sơ thiết kế bổ sung, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép).
4. Báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm hoặc trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên (đối với trường hợp xin gia hạn sử dụng giấy phép). Báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến điều chỉnh xả vào hệ thống công trình thủy lợi (đối với trường hợp xin điều chỉnh nội dung giấy phép).
5. Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép đã được cấp; Biên bản các lần vi phạm và hình thức xử phạt (nếu có);
6. Văn bản đề nghị kèm theo báo cáo phân tích chất lượng nước của hệ thống công trình thủy lợi tại vị trí tiếp nhận nước thải ở thời điểm xin gia hạn, điều chỉnh của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

(kí tên, đóng dấu)

- Lệ phí + Mức thu lệ phí gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi là 50.000 đồng/1 giấy phép (theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội).
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai + Mẫu đơn xin gia hạn điều chỉnh nội dung giấy phép theo Phụ lục II Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) + Không có
- Căn cứ pháp lý của TTHC + Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001;
 + Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
 + Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;
 + Quyết định số 20/2008/QĐ-UB ngày 29/9/2008 của UBND Thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội;
 + Quyết định số 156/2003/QĐ-UB ngày 11/11/2003 của UBND Thành phố về việc thực hiện cơ chế “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính của TP Hà Nội;
 + Quyết định số 200/2002/QĐ-UB ngày 16/7/2002 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định và thời hạn giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng của TP Hà Nội.

6. Thủ tục: Thẩm định hồ sơ gia hạn điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và nhận kết quả khi tới hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT;
 - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT: Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đưa hồ sơ cho bộ phận trực tiếp giải quyết; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện

Trực tiếp tại Bộ phận 1 cửa Sở NN&PTNT Hà Nội - Số 1 Tô Hiệu - Hà Đông Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 1. Đơn xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
 2. Bản sao giấy phép đã được cấp.
 3. Hồ sơ thiết kế bổ sung, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép);
 4. Báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm hoặc trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên (đối với trường hợp xin gia hạn sử dụng giấy phép). Báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến điều chỉnh xả vào hệ thống công trình thủy lợi (đối với trường hợp xin điều chỉnh nội dung giấy phép);
 5. Báo cáo thực hiện các quy định trong giấy phép đã được cấp; Biên bản các lần vi phạm và hình thức xử phạt (nếu có);
 6. Văn bản đề nghị kèm theo báo cáo phân tích chất lượng nước của hệ thống công trình thủy lợi tại vị trí tiếp nhận nước thải ở thời điểm xin gia hạn, điều chỉnh của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác vào bảo vệ công trình thủy lợi.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 20 ngày
 - + Thời gian thực tế: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức;
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- Kết quả của việc thực hiện TTHC
 - + Văn bản chấp thuận

Phụ lục I

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP
XẢ NƯỚC THẢI VÀO HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi).

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax.....

Xin được cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi (Tên hệ thống công trình thủy lợi) do (tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác) tại vị trí.....thuộc xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận)....., tỉnh (thành phố)..... với các nội dung sau:

Lưu lượng xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi:

Thời hạn xả nước thải năm, từ ... đến

Chất lượng nước thải (có báo cáo phân tích chất lượng nước thải kèm theo).

Đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi) xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép) được phép xả nước thải vào vị trí nói trên.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các yêu cầu ghi trong giấy phép được cấp.

Các tài liệu gửi kèm theo gồm có:

1. Bản sao công chứng giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu là hộ kinh doanh cá thể);
2. Bản đồ tỉ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải;
3. Hồ sơ thiết kế, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải;
4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Đối với các trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật): báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến xả vào hệ thống công trình thủy lợi; báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên (đối với trường hợp đang xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi);
5. Bản sao công chứng về giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải;
6. Văn bản đề nghị kèm theo báo cáo phân tích chất lượng nước của hệ thống công trình thủy lợi tại vị trí tiếp nhận nước thải ở thời điểm xin phép của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Tên cơ quan xin cấp giấy phép (kí
tên, đóng dấu)

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- Kết quả của việc thực hiện TTHC

+ Văn bản chấp thuận

- Lệ phí

+ Mức thu lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi là 100.000 đồng/1 giấy phép (theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội).

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Đơn xin cấp giấy phép theo Phụ lục I Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)

+ Không có

- Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001

+ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

+ Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi

+ Quyết định số 20/2008/QĐ-UB ngày 29/9/2008 của UBND Thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội.

+ Quyết định số 156/2003/QĐ-UB ngày 11/11/2003 của UBND Thành phố về việc thực hiện cơ chế "một cửa" trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính của TP Hà Nội

+ Quyết định số 200/2002/QĐ-UB ngày 16/7/2002 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định và thời hạn giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng của TP Hà Nội.

5. Thủ tục: Thẩm định hồ sơ cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT;
 - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT: Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đưa hồ sơ cho bộ phận trực tiếp giải quyết; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
- Cách thức thực hiện

Trực tiếp tại Bộ phận 1 cửa Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội số 38 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 1. Đơn xin cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;
 2. Bản sao công chứng giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể;
 3. Bản đồ tỉ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi;
 4. Hồ sơ thiết kế, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
 5. Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với các trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật); báo cáo phân tích chất lượng nước thải dự kiến xả vào hệ thống công trình thủy lợi; trường hợp đang xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi phải có báo cáo phân tích chất lượng nước thải của phòng thí nghiệm hoặc trung tâm kiểm định chất lượng nước đạt tiêu chuẩn từ cấp Bộ trở lên;
 6. Bản sao công chứng về giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải;
 7. Văn bản đề nghị kèm theo báo cáo phân tích chất lượng nước của hệ thống công trình thủy lợi tại vị trí tiếp nhận nước thải ở thời điểm xin phép của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 30 ngày
 - + Thời gian thực tế: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức;
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT

phố Hà Nội

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: (Văn phòng Ban chỉ Huy PCLB ứng thành phố Hà Nội - Chi cục Đề điều và phòng chống lụt bão Hà Nội)

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- | | |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | + Giấy phép |
| - Lệ phí | + Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | + Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | + Yêu cầu hoặc điều kiện cấp biển " xe kiểm tra đê "
Quyết định số 92/2008/QĐ-BNN Ngày 17/9/2008 của Bộ NN&PTNT |
| | + Yêu cầu hoặc điều kiện " xe hộ đê "
Quyết định số 92/2008/QĐ-BNN Ngày 17/9/2008 của Bộ NN&PTNT |
| | + Yêu cầu hoặc điều kiện cấp biển " xe được phép đi trên đê "
Quyết định số 92/2008/QĐ-BNN Ngày 17/9/2008 của Bộ NN&PTNT |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | Quyết định số 92/2008/QĐ-BNN Ngày 17/9/2008 của Bộ NN và PTNT Ban hành Quy định về quản lý, phát hành và cấp biển xe được phép đi trên đê; xe kiểm tra đê; xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về phòng, chống lụt. bão |

4. Thủ tục: Cấp giấy cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, trừ các trường hợp sau:a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ đê điều; c) Xe cơ giới đi qua công trình đê điều kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi

- Trình tự thực hiện
 - Cá nhân, Tổ chức:
 - + Chuẩn bị Hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Văn phòng Chi cục Đê điều và PCLB Hà Nội. Trụ sở đặt tại 197 Nghi Tàm - Tây Hồ - Hà Nội
 - + Xuất trình giấy giới thiệu
 - + Nhận giấy hẹn trả kết quả
 - Chi cục Đê điều và PCLB Hà Nội
 - + Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:
 - + Trong hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ làm lại kịp thời.
 - + Ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả
 - + Trả kết quả đúng hẹn
 - + Thời gian trả văn bản thỏa thuận trong giờ hành chính các ngày trong tuần (ngày lễ, thứ 7, chủ nhật nghỉ)
- Cách thức thực hiện
 - Trực tiếp tại Văn phòng Chi cục Đê điều và PCLB Hà Nội. Trụ sở đặt tại 197 Nghi Tàm - Tây Hồ - Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Công văn xin cấp giấy được phép đi trên đê, giấy hộ đê, giấy kiểm tra đê. (Bản chính)
 - + Đăng ký Xe cơ giới (Bản photo)
 - + Đăng kiểm Xe cơ giới còn được phép lưu hành (Bản photo)
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định: 05 ngày
 - + Thời gian thực tế: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện TTHC
 - + Tổ chức
- Cơ quan thực hiện TTHC
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND Thành phố giao Ban chỉ Huy PCLB ứng U thành phố Hà Nội (Văn phòng Ban chỉ Huy PCLB ứng thành phố Hà Nội - Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão Hà Nội) với chức năng là cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra xem xét theo yêu cầu của từng bước. Có công văn cùng hồ sơ đã hoàn chỉnh trình Trưởng ban - Ban chỉ huy PCLB ứng thành phố Hà Nội.
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ban chỉ huy PCLB ứng thành

phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- | | |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | + Văn bản chấp thuận |
| - Lệ phí | + Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | + Đơn xin cấp giấy phép (mẫu 02 theo Hướng dẫn 02/HD-SNN-TL ngày 17/3/2005 về thủ tục xin thoả thuận, cấp phép hoặc gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo cơ chế "một cửa" tại Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội). |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) | + Không |
| - Căn cứ pháp lý của TTHC | + Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001;
+ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
+ Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT V/v: ban hành quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
+ Quyết định số 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, ban hành kèm theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ NN & PTNT. |

3. Thủ tục: Thẩm định hồ sơ cấp phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT;
 - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đưa hồ sơ cho bộ phận trực tiếp giải quyết; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
- Cách thức thực hiện

Trực tiếp tại Chi cục Thủy lợi số 1 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ
 - a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 1. Đơn xin cấp giấy phép;
 2. Dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các tài liệu liên quan khác.
 3. Bình đồ tỷ lệ 1/500 (hoặc 1/1.000) khu vực tiến hành các hoạt động xin phép, trong đó thể hiện cụ thể các công trình thủy lợi.
 4. Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi của đơn vị có tư cách pháp nhân chuyên ngành.
 5. Văn bản thỏa thuận với Công ty khai thác công trình thủy lợi trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
 6. Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp.
 7. Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
 - b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
- Thời hạn giải quyết
 - + Thời gian theo quy định:
 - Đối với khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh: 30 ngày làm việc.
 - Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 15 ngày làm việc.
 - + Thời gian thực tế: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện

TTHC

 - + Tổ chức;
 - + Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện

TTHC

 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở NN& PTNT
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc

Mẫu số 03: Đơn xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

Tên tổ chức, cá nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 200

**ĐƠN XIN GIA HẠN SỬ DỤNG (HOẶC ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG)
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI**

Kinh gửi: - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
 - Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp thoả thuận:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

Dang tiến hành các hoạt động.....trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi tại vị trí..... theo giấy phép số..... ngày..... tháng..... năm..... do UBND Thành phố Hà Nội cấp phép; thời hạn sử dụng giấy phép từ.....đến.....

Đề nghị UBND thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động xin gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung;
- Vị trí của các hoạt động;
- Thời hạn xin gia hạn.....; từ ngày...../...../....., đến ngày...../...../.....

Các tài liệu kèm theo:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị UBND thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội xem xét và cho phép (tên tổ chức, cá nhân xin gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép) gia hạn (hoặc điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XIN GIA HẠN HOẶC ĐIỀU CHỈNH
NỘI DUNG GIẤY PHÉP**

(ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

xin thoả thuận, cấp phép hoặc gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo cơ chế “một cửa” tại Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có) + Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC
 - + Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001;
 - + Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
 - + Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT V/v: ban hành quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
 - + Quyết định số 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, ban hành kèm theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ NN& PTNT.

2. Thủ tục: Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Trình tự thực hiện | - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đưa hồ sơ cho bộ phận trực tiếp giải quyết; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân. |
| - Cách thức thực hiện | Trực tiếp tại Chi cục Thủy lợi Hà Nội |
| - Thành phần Hồ sơ | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:
1. Đơn xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
2. Bản sao giấy phép đã được cấp.
3. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bổ sung hoặc dự án đầu tư bổ sung, phương án bảo đảm an toàn cho công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp xin điều chỉnh nội dung giấy phép).
4. Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép đã được cấp, biên bản các lần vi phạm và hình thức xử phạt (nếu có).
5. Văn bản thoả thuận với Công ty khai thác công trình thủy lợi trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| - Thời hạn giải quyết | + Thời gian theo quy định:
- Đối với các hoạt động xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có, khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh: 20 ngày làm việc.
- Đối với các hoạt động khác: 10 ngày làm việc.
+ Thời gian thực tế: 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện TTHC | + Tổ chức;
+ Cá nhân. |
| - Cơ quan thực hiện TTHC | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi
d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả của việc thực hiện TTHC | + Văn bản chấp thuận |
| - Lệ phí | + Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | + Đơn xin gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép (mẫu 03 theo Hướng dẫn 02/HD-SNN-TL ngày 17/3/2005 về thủ tục |

một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng của TP Hà Nội;

- Quyết định số 156/2003/QĐ-UB ngày 11/11/2003 của UBND Thành phố về việc thực hiện cơ chế “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính của TP Hà Nội.

với chủ sử dụng đất hợp pháp.

7. Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết

- Thời gian quy định:

+ Đối với các hoạt động xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có: 30 ngày làm việc.

+ Đối với các hoạt động khác: 15 ngày làm việc.

- Thời gian thực tế: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện TTHC

- Cá nhân;

- Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp & PTNT

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thủy lợi

d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- Kết quả của việc thực hiện TTHC

- Văn bản chấp thuận

- Lệ phí

- Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn xin cấp giấy phép (mẫu 02 theo Hướng dẫn 02/HD-SNN-TL, ngày 17/3/2005 về thủ tục xin thoả thuận, cấp phép hoặc gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo cơ chế "một cửa" tại Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)

- Không

- Căn cứ pháp lý của TTHC

÷ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001;

+ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

+ Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT V/v: ban hành quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

+ Quyết định số 62/2007/QĐ-BNN ngày 28/6/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, ban hành kèm theo Quyết định số 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ NN & PTNT;

- Quyết định số 200/2002/QĐ-UB ngày 16/7/2002 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định và thời hạn giải quyết

IV. Lĩnh vực thủy lợi

1. Thủ tục: Thẩm định hồ sơ cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp & PTNT

- Trình tự thực hiện
 - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ, nhận phiếu trả kết quả và nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT;
 - Cơ quan HCNN: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; ghi phiếu trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; đưa hồ sơ cho bộ phận trực tiếp giải quyết; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
- Cách thức thực hiện

Trực tiếp tại Chi cục Thủy lợi Hà Nội Số 1 Tô Hiệu Hà Đông Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

 1. Đơn xin cấp giấy phép;
 2. Tùy từng hoạt động cụ thể mà tổ chức, cá nhân xin phép phải có các văn bản sau:
 - Hồ sơ kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các tài liệu liên quan khác đối với hoạt động:
 - + Xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có.
 - + Khoan, đào điều tra; khảo sát địa chất, khoan đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng.
 - + Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện.
 - + Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản.
 - + Chôn phế thải, chất thải.
 - + Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước.
 - Chứng nhận về tải trọng, kích thước của xe cơ giới đối với hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới.
 - Bản sao công chứng hộ chiếu nổ mìn và các tài liệu kỹ thuật liên quan đối với hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác.
 3. Bình đồ tỷ lệ 1/500 (hoặc 1/1.000) khu vực tiến hành các hoạt động xin phép, trong đó thể hiện cụ thể các công trình thủy lợi.
 4. Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình thủy lợi của đơn vị có tư cách pháp nhân chuyên ngành.
 5. Văn bản thoả thuận với Công ty khai thác công trình thủy lợi trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
 6. Văn bản thoả thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn

Xác nhận của Cơ quan kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm.....
 để làm thủ tục kiểm dịch vào hồigiờ ngày tháng năm.....

Vào sổ số..... ngày..... tháng..... năm.....
(*).....
 (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt nam vì lý do:.....

....., ngày tháng năm
 Chi cục Hải quan cửa khẩu.....
 (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (*) Đăng ký theo Mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4
- (**) Tên Cơ quan Kiểm dịch
- (***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng.
- (****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hoá nhập khẩu

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy Chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp

Mẫu giấy đăng ký kiểm dịch
(theo Thông tư liên tịch 17/2003/TTLT-BTC-BNNPTNT-BTS ngày 14/3/2003)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH (*)

Kính gửi:.....(**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:..

Địa chỉ:.....

Điện thoại.....Fax/E-mail.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (**):.....(xuất khẩu, nhập khẩu).....

1. Tên hàng:
2. Nơi sản xuất:
3. Số lượng:
4. Kích cỡ cá thể (đối với hàng hoá là thù sản):
5. Trọng lượng tịnh:
6. Trọng lượng cả bì:
7. Loại bao bì:
8. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):
9. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:
10. Nước xuất khẩu:
11. Cửa xuất khẩu:
12. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
13. Nước nhập khẩu:
14. Phương tiện vận chuyển:
15. Cửa nhập khẩu:
16. Mục đích sử dụng:
17. Giấy cho phép kiểm dịch nhập khẩu (nếu có):
18. Địa điểm kiểm dịch:
19. Địa điểm nuôi trồng:
20. Thời gian kiểm dịch:
21. Địa điểm giám sát (nếu có):
22. Thời gian giám sát:
23. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hoá nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hoá ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

Tổ chức/cá nhân đăng ký
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có) - Không

Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị định số 33/2005/NĐ- CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành chi tiết một số điều của Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 18/2004/PL - UBTVQH11 ngày 29 tháng 04 năm 2004 về thú y;
- Quyết định số Quyết định 60/2008/QĐ-BTC ngày 31/07/2008 về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng. ATVŞ và thú y thủy sản;
- Số 2597-CLTY-TY ngày 26/10/2005 của Cục quản lý chất lượng - thú y thủy sản cũ nay là Cục Quản lý Nông lâm sản và Thủy sản về việc hướng dẫn tạm thời công tác kiểm dịch động vật thủy sản.

13. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật thủy sản vận chuyển trong nước

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. + Chi cục Thủy sản Hà Nội: Nhận hồ sơ, thẩm định, trả kết quả khi tới hẹn
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội. + Trực tiếp tại cơ sở .
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Giấy đăng ký kiểm dịch (mẫu 01) - Giấy chứng nhận xuất xứ động vật thủy sản (mẫu 02) - Phiếu kiểm tra cảm quan động vật thủy sản (mẫu 03) - Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản (mẫu 04) b) Số lượng hồ sơ 02 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 03 ngày - Thời gian thực tế: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân, - Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Thủy sản Hà Nội d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	- 114.000đ/lô hàng (theo Quyết định 60/2008/QĐ-BTC ngày 31/07/2008 về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản). - Cá bố me, cá giống hậu bị 4.750đ/con (theo Quyết định 60/2008/QĐ-BTC ngày 31/07/2008 về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Giấy đăng ký kiểm dịch (mẫu 01 theo văn bản số 2597-CLTY-TY ngày 26/10/2005 của Cục quản lý chất lượng - thú y thủy sản về việc hướng dẫn tạm thời công tác kiểm dịch động vật thủy sản).

12. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở dịch vụ thú y thủy sản

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. + Chi cục Thủy sản Hà Nội: Nhận hồ sơ, thẩm định, trả kết quả khi tới hẹn
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh Liệt - Thanh trì - Hà Nội
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Đơn xin cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở dịch vụ thú y thủy sản (theo mẫu) + Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn + Giấy khám sức khoẻ (bản chính) + Hồ sơ kỹ thuật: Địa điểm cơ sở, trang thiết bị phục vụ. + Giấy phép kinh doanh cơ sở (phô to công chứng) b) Số lượng hồ sơ 02 (bộ)
Thời hạn giải quyết	+ Thời gian theo quy định: 15 ngày + Thời gian thực tế: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân + Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Thủy sản Hà Nội d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 18/2004/PL -UBTVQH11 ngày 29 tháng 04 năm 2004 về thú y; - Nghị định số 33/2005/NĐ- CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 18/2004/PL -UBTVQH11 ngày 29 tháng 04 năm 2004 về thú y.

TTHC

của Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 18/2004/PL -UBTVQH11 ngày 29 tháng 04 năm 2004 về thú y;

- Quyết định số 15/2006/QĐ- BNN ngày 8 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y;

- Quyết định số 1897/2008/ QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Chi cục Thủy sản Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Chi cục Thủy sản Hà Nội (cũ) và Chi cục Thủy sản Hà Tây (cũ).

11. Tên thủ tục: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở nuôi trồng thủy sản

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. + Chi cục Thủy sản Hà Nội: Nhận hồ sơ, thẩm định, trả kết quả khi tới hẹn.
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Đơn xin thẩm định + Hồ sơ kỹ thuật cơ sở + Giấy tờ liên quan đến thành lập cơ sở + Giấy đăng ký kiểm tra + Giấy phép kinh doanh (phô to công chứng) + Bản sao liên quan đến việc thành lập cơ sở b) Số lượng hồ sơ 02 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Thời gian theo quy định: 22 ngày + Bước 1: Thẩm định điều kiện vệ sinh thú y thủy sản: 7 ngày + Bước 2: Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y thủy sản: 15 ngày - Thời gian theo thực tế: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân; + Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng -Chi cục Thủy sản Hà Nội d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của	- Nghị định số 33/2005/NĐ- CP của Chính phủ ngày 15 tháng 03 năm 2005 về việc ban hành chi tiết một số điều

tháng 03 năm 2005 về việc ban hành chi tiết một số điều của Pháp lệnh thú y năm 2004

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản

10. Thủ tục: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở sản xuất giống thủy sản

Trình tự thực hiện	+ Tổ chức: Nộp hồ sơ tại Chi cục Thủy sản Hà Nội, nhận phiếu hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn. + Chi cục Thủy sản Hà Nội: Nhận hồ sơ, thẩm định, trả kết quả khi tới hẹn
Cách thức thực hiện	+ Trực tiếp tại Chi cục Thủy sản Hà Nội Địa chỉ: Thanh liệt - Thanh trì - Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a)Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Đơn xin đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất giống + Kết quả kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất giống thủy sản + Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất giống thủy sản + Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở sản xuất giống thủy sản b)Số lượng hồ sơ 02 (bộ)
Thời hạn giải quyết	+ Thời gian theo quy định: 15 ngày + Thời gian thực tế: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	+ Cá nhân; + Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng - Chi cục Thủy sản Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Không
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 18/2004/PL -UBTVQH11 ngày 29 tháng 04 năm 2004 về thú y - Nghị định số 33/2005/NĐ- CP của Chính phủ ngày 15

Phụ lục 10: (Kèm theo Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày tháng.....năm

ĐƠN XIN ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú:

Số chứng minh nhân dân:.....

Tên số liên lạc của đài tàu(*nếu có*)....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số:....., được cấp ngày.....tháng..... năm.....; hết thời hạn sử dụng vào ngày.....tháng..... năm.....

Giấy phép nêu trên đã bị (nêu rõ lý do đề nghị đổi hoặc cấp lại):.....

.....
.....
.....

Đề nghị Chi cục Thủy sản Hà Nội đổi/ cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được đổi/cấp lại và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Người làm đơn
(chủ tàu)

+ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

+ Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2009 ;

+ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.